

Số 245

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Tất cả đều
trống rỗng

Tr. 18

Ngày 8/3
của chúng tôi

Tr. 58

Tiếng gõ
của em

Tr. 54



TẬP ĐOÀN HOA SEN TỰ HÀO LÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐẦU TIÊN XUẤT KHẨU LÔ HÀNG 20.000 TẤN TÔN THÀNH PHẨM ĐẾN THỊ TRƯỜNG HOA KỲ



ỐNG KẼM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BẮN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH



www.hoasengroup.vn



TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG



1800 1515

Miễn phí cuộc gọi



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN Mẫn

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngõ Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản:
1131297 Ngân hàng VP Bank,
Chi nhánh TP.HCM
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Định chế chính trị - văn hóa nào cho Việt Nam hướng đến 2035? (Nguyễn Cần)	4
Nghĩ về tên gọi sông Cửu Long (Tôn Thất Thọ)	8
Sự dung hợp giữa Phật giáo với văn hóa dân tộc (Thích Không Tú)	10
Vui thay già có giới (Nguyễn Ấn)	13
Làm ăn sinh sống và sự nghiệp trong kinh Pháp Hoa (Nguyễn Thế Đăng)	16
Tất cả đều trống rỗng (Gil Fronsdal, Khánh Uyên dịch)	18
Năng lượng tâm và nền văn minh tự hủy (Nhụy Nguyên)	20
Biết lắng nghe (Vĩnh Hạnh Thái Chí Bình)	25
Thầy ơi, con đã hiểu... (Nguyễn Từ)	28
Người nữ tu sĩ Phật giáo trong thế giới ngày nay (Venerable Karma Lekshe Tsomo, Hoàng Phong dịch)	30
Yến Lan, một hồn thơ nặng lòng xứ sở (Phạm Tuấn Vũ)	34
Trò chơi nói ngược (Hồ Anh Thái)	36
Đôi điều về lễ hội ở chùa (Trương Hoàng Minh)	37
Cơ hội từ rác (Lê Hải Đăng)	40
Một thoáng Hàn Quốc (Hoàng Tá Thích)	42
Nhà dài của ký ức (Trịnh Chu)	45
Tháng Ba đã đến (Bùi Sỹ Căn)	48
Xanh hơn niềm hy vọng (Hồ Nhụy)	49
Thơ (Trần Tường Nhi, Nguyễn Dũng, Tịnh Bình, Trường Khánh, Phạm Ánh, Sông Hương)	52
Tiếng gõ của em (Sone)	54
Lão ngư vớt rác ve chai trên sông Đồng Nai (Trường Trí)	56
Chị! (Trần Nguyên Hạnh)	57
Ngày 8-3 của chúng tôi (Hoàng Hằng)	58
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	60

Bìa 1: Áo đẹp ngày 8/3. Ảnh: Nguyễn Duy Tuệ.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Song song với việc Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mở rộng việc phát hành ra các tỉnh phía Bắc, hiện nay, số lượng bài vở do các cộng tác viên gửi đến tòa soạn ngày càng nhiều, nhất là bài gửi cho trang thơ. Mỗi kỳ, chúng tôi nhận được tác phẩm từ vài chục tác giả khác nhau. Có những tác giả gửi một lúc gần chục bài thơ. Tuy nhiên, trang thơ có hạn, chúng tôi chỉ có thể chọn một số bài của các tác giả khác nhau cho một kỳ báo. Do vậy, thời gian từ khi gửi bài đến lúc bài xuất hiện trên trang thơ thường khá lâu. Mong quý vị cộng tác viên thông cảm.

Gần đây, VHPG cũng nhận được nhiều ảnh nghệ thuật gửi đến đóng góp cho trang bìa hoặc trang Sương mai. Về ảnh cho trang bìa, chúng tôi vẫn chủ trương là ảnh cần liên hệ đến ít nhất nội dung một bài viết trong cùng một số báo. Vì thế, mặc dù nhiều bức ảnh gửi đến rất có giá trị nghệ thuật, chúng tôi vẫn chưa sử dụng ngay được nếu không có nội dung bài viết nào phù hợp với nội dung bức ảnh. Về ảnh trang trí cho trang Sương mai, chúng tôi mong muốn có được những tác phẩm nhiếp ảnh về thiên nhiên, có màu sắc nhẹ nhàng, hình ảnh thanh thoát. Đa phần những bức ảnh gửi đến chưa đáp ứng mong mỏi đó. Chúng tôi cảm ơn thiện tình của quý cộng tác viên ảnh và vẫn hy vọng sẽ có những tác phẩm nhiếp ảnh thích hợp với chủ trương dành cho trang Sương mai.

Hiện nay, VHPG toàn tập, tập 1 năm 2015, đang được phát hành, đáp ứng nhu cầu lưu trữ của quý độc giả; kính mong quý độc giả hoan hỷ đón nhận. Tiện đây, cũng xin thông báo rằng chúng tôi còn tồn một số báo đóng tập từ năm 2009 đến năm 2013, sẽ được phát hành với mức giảm giá 50%, nghĩa là mỗi tập (12 số báo) có giá khoảng 100.000VNĐ. Quý độc giả có nhu cầu, xin liên hệ với bộ phận phát hành để được phục vụ.

Nguyễn cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả, quý cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Giới là tốt đến già
Trí là tốt kiên trú
Tuệ, vật báu loài người
Công đức, khó cưỡng đoạt.**

*Kinh Tương Ưng Bộ -
phẩm Sơ vấn*

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm



Định chế chính trị - văn hóa nào cho Việt Nam hướng đến 2035?

NGUYỄN CÂN

Chúng ta đang ở đâu?

Trên bản đồ kinh tế thế giới, Việt Nam đang xếp thứ 14 về dân số; thu nhập GDP đầu người là 1.911USD (2013) đứng thứ 131/200 quốc gia. Nhưng điều đáng nói là dù đổi mới đã giúp Việt Nam thoát khỏi bẫy nghèo và trở thành nước có thu nhập trung bình thấp từ năm 2008, nhưng so với tiềm năng thì tốc độ phát triển của chúng ta vừa kém hiệu quả vừa thấp. Hiện nay thậm chí còn chậm hơn cả Lào và Campuchia. Những ý kiến của tầng lớp trí thức trong nước gợi cho chúng ta nhiều trăn trở trước những cơ hội bị bỏ lỡ.

Tiến sĩ Trần Văn Thọ, Giáo sư Kinh tế tại Đại học Waseda (Nhật Bản) vừa ra mắt cuốn sách *“Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam”* của ông vào ngày 2 tháng 3 tại Hà Nội. Cuốn sách gồm nhiều bài viết về các vấn đề phát triển của Việt Nam trong vòng 40 năm qua như phát triển công nghiệp, dân số, bẫy thu nhập trung bình, chiến lược thoát Trung... Cuốn sách nêu lên nhiều thách thức của Việt Nam; trong đó, tác giả cho rằng nguy cơ chưa giàu

đã già là điều đáng lo nhất.

Trong phần giới thiệu, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Bùi Quang Vinh nhận xét rằng đến nay chúng ta chưa ý thức đầy đủ về yếu tố thời gian, chưa nhận thấy những tổn thất to lớn khi bỏ lỡ cơ hội vàng trong suốt thời gian dài. Chúng ta không phủ nhận những thành quả của đổi mới, nhưng 30 năm quả là quá dài. Nhiều nước ở Đông Á với chỉ trên dưới 15 năm đã chuyển hẳn vị thế của đất nước họ trên bình diện quốc tế. Ông Vinh cho rằng với những thuận lợi như ở vào thời đại dân số vàng; ở giữa dòng chảy của tư bản, công nghệ, tri thức kinh doanh tại vùng năng động nhất thế giới... nhưng Việt Nam đã không tạo được kỳ tích phát triển như các quốc gia khác ở vùng Đông Á; ông cũng khẳng định: *“Đó là điều mà mỗi người dân Việt Nam có lòng tự hào dân tộc không khỏi bùi ngùi, đau xót”*.

Ông nhìn nhận tác giả của cuốn sách đã nói rất đúng những vấn đề của Việt Nam. Tham dự buổi ra mắt hôm ấy, ông Trương Đình Tuyển, người từng là Trưởng đoàn

Đàm phán Chính phủ về Kinh tế và Thương mại Quốc tế, cũng nói ông rất buồn khi thấy nhiều người tài, có tâm huyết và có khát vọng lại không thể vào làm việc trong bộ máy nhà nước do những nút thắt của “thể chế quản trị quốc gia”, trong khi đó người dân thì “quá cam chịu”. Cuối buổi giới thiệu sách, Giáo sư Thọ đọc lại một đoạn mà ông viết trong sách: “Ngày nay với tiến bộ của khoa học và phương tiện đi lại và liên lạc, việc tiếp xúc học hỏi với bên ngoài quá dễ dàng. Tuy nhiên, không ít trường hợp lãnh đạo của nhiều quốc gia *phải mất hàng chục năm mới thực hiện được vài cải cách, mất hàng thế kỷ hay lâu hơn mới thay đổi được tư duy, chiến lược cần thiết để đất nước phát triển*”.

Chúng ta đã bỏ lỡ những cơ hội vàng những năm 1997-2000 và những năm cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI khi không chuyển dịch nổi cơ chế nặng nề, ràng buộc của cả một hệ thống trì trệ từ tư duy đến hành động.

Định chế chính trị nào cho Việt Nam hướng đến 2035?

Ngày 23-2-2016, Chính phủ và Ngân hàng Thế giới đã phối hợp tổ chức công bố báo cáo Việt Nam 2035 với sự tham gia của 50 chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế. Tiêu đề của Báo cáo Việt Nam 2035 là “*Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*”.

Trong báo cáo này, ngoài việc đánh giá lại những thành tựu và tồn tại của 30 năm đổi mới, cũng bày tỏ khát vọng của Việt Nam trong 30 năm tới khi phải đối phó với hàng loạt vấn đề như biến đổi khí hậu, chuyển dịch dân số, đô thị hóa, ứng dụng công nghệ mới...

Sáu giải pháp cơ bản được đưa ra để chuyển đổi Việt Nam hướng đến thu nhập 7.000USD/người, nghĩa là sức mua bình quân 15.000 - 18.000USD/người vào năm 2035.

Thứ nhất là hiện đại hóa nền kinh tế và tăng cường năng lực cạnh tranh cho khu vực tư nhân.

Thứ hai là đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ để tăng năng suất, tạo giá trị gia tăng cao. *Khu vực tư nhân phải giữ vai trò trung tâm trong đổi mới sáng tạo ở Việt Nam.*

Thứ ba là vấn đề đô thị hóa liên quan đến dòng người di cư. Có các gợi ý tháo gỡ nút thắt về kinh tế - xã hội, và kết nối được tính lan tỏa của những đô thị như TP.HCM.

Thứ tư là phát triển bền vững, tức tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh hơn về ngành, vùng miền, chống ô nhiễm.

Thứ năm là đảm bảo công bằng và thúc đẩy hòa nhập xã hội. Cần mở rộng các chương trình hỗ trợ cho các nhóm dễ bị tổn thương, người nghèo, dân tộc thiểu số để họ có cơ hội tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ giáo dục, y tế, bảo hiểm; và xây dựng hệ thống an sinh xã hội đáp ứng nhu cầu của xã hội trung lưu và người già nhiều hơn.

Thứ sáu (có thể xem là nền tảng) là xây dựng một nhà nước pháp quyền hiện đại cùng một nền kinh tế thị

trường đầy đủ và một xã hội dân chủ.

Như vậy chúng ta thấy có hai công cụ chính ở đây mà các tác giả đã nêu lên: “Kinh tế thị trường” và “nhà nước pháp quyền”. Lý tưởng xã hội chủ nghĩa (XHCN) theo ý nghĩa ban đầu của nó đã không còn được nêu lên như một phương tiện thực hiện mà trở thành mục đích sau cùng, ẩn chứa trong việc thực thi cả sáu nhóm giải pháp trên.

Điều này không có gì mới vì ngay từ những năm 1970, Giáo sư Friedrich August Hayek đã nhận xét: “*Việc hoạch định kinh tế dựa theo chủ nghĩa tập thể - nền tảng tư tưởng được sử dụng trước đây để biện minh cho sự tiến hành quốc hữu hóa các phương tiện sản xuất phân phối và trao đổi - không tránh khỏi việc dẫn tới một chế độ toàn trị tai hại*” (Trang 119 - *Tự do kinh tế và chính thể đại diện* - F.A. Hayek- bản dịch Đinh Tuấn Minh-Nxb Tri Thức 2015). Ông cũng phê phán những người hiểu chủ nghĩa xã hội (CNXH) đơn giản rằng chỉ việc tập trung tư liệu sản xuất, định giá thành công lao động theo ý chí chủ quan thì không thể đem lại sự cạnh tranh cần thiết cho thị trường và vô tình làm phương hại đến tự do và trách nhiệm cá nhân, đồng thời không tạo ra được nguồn lực của cải cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội. Dịch giả họ Đinh cũng giải thích rõ rằng thuật ngữ CNXH mà Hayek đề cập là hệ thống dân chủ xã hội (democratic socialism) ở phương Tây sau Thế chiến thứ II với đại diện là các đảng xã hội ở châu Âu và Mỹ La-tinh, khác với ý niệm CNXH mà chúng ta đang áp dụng. Vì trước đây họ hiểu CNXH theo mô hình dân chủ đại nghị và sử dụng nhà nước như một công cụ để tái phân phối thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội. Nhưng thực tế nền tảng trí tuệ của tư duy này đã phá sản! Trước đây chúng ta cũng có lúc nhận thức giản đơn và có phần nào ấu trĩ khi bước đầu áp dụng mô hình chuyển đổi như thời kỳ “cải cách ruộng đất” và “hợp tác hóa nông nghiệp”, hay sau này là “đánh tư sản mại bản”, nhưng đã kịp thời “đổi mới” khái niệm XHCN theo hướng kinh tế thị trường, dù vẫn bỏ lỡ nhiều cơ hội đáng tiếc như đã nói ở trên.

Định chế quản lý - hành chính công

Do điều kiện lịch sử của Việt Nam, những thể chế công đã bị thương mại hóa, cát cứ, manh mún và thiếu sự giám sát của người dân. Nguyên tắc thị trường phải được áp dụng đầy đủ hơn trong hoạch định chính sách kinh tế trên cơ sở phân định rõ các lĩnh vực công và tư, hạn chế xung đột lợi ích, tăng cường bảo vệ quyền tài sản (đặc biệt là về đất đai), thực thi cạnh tranh thị trường và hợp lý hóa sự tham gia của Nhà nước trong nền kinh tế. Đồng thời, nâng cao hơn nữa trách nhiệm giải trình thông qua việc xây dựng một cơ chế hữu hiệu về kiểm soát và cân bằng giữa tam quyền, tạo dựng khuôn khổ pháp lý thúc đẩy quyền công dân. Cải cách hoạt động của bộ máy hành chính cần được thực hiện theo hướng bảo đảm chế độ chức nghiệp thực tài. Quốc hội được tổ

chức và hoạt động theo mô hình chuyên nghiệp, có đủ năng lực chuyên môn và quyền đại diện cho nhân dân. Bộ máy tư pháp được tăng cường theo hướng bảo đảm độc lập trong xét xử, bảo vệ công lý và đủ năng lực giải quyết các tranh chấp ngày càng đa dạng và phức tạp. Và không kém phần quan trọng là bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính xác và kịp thời của công dân, và tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng.

Chúng ta đã chịu nhiều điều tiếng về việc quản lý thiếu hiệu quả. Nghịch lý mà chúng ta thường nghe là hàng năm, cụ thể là 2015, chúng ta lạm chi đến 112.000 tỷ đồng nhưng người dân vẫn phải đóng đủ loại phí ngày một tăng từ viện phí, cho đến tiền điện, tiền nước, chưa kể giá xăng cao hơn thế giới. Người dân phải nộp rất nhiều thứ thuế. Doanh nghiệp đóng đến 40% lợi nhuận (theo bà Phạm Chi Lan). Hàng ngày người dân phải đi qua hàng chục trạm thu phí, riêng đường vào TP.HCM đã có đến 20 trạm. Thậm chí việc duy tu bảo dưỡng đường với ngân sách 7.000 tỷ đồng cũng không được giải trình minh bạch.

Một bài viết trên báo *Kinh tế Sài Gòn* cho biết “Nhiều doanh nghiệp đang muốn tham gia vào lĩnh vực duy trì, bảo trì đường bộ với cam kết giảm chi phí gần 40% so với hiện nay nhưng không thể “chen chân” vào được. Trong khoảng hai năm trở lại đây, kinh phí cấp cho việc sửa chữa, bảo trì đường bộ luôn ở mức từ 8.000 - 9.000 tỷ đồng, trong đó dành cho sửa chữa các tuyến quốc lộ là 7.000 tỷ đồng, số còn lại cấp cho các địa phương để bảo trì các tuyến tỉnh lộ. Phí bảo trì đường bộ thu trên đầu ô-tô cũng tăng qua từng năm do lượng xe tăng đáng kể, đặc biệt là xe tải do việc siết chặt tải trọng xe từ tháng 4-2014. Chưa có thống kê cụ thể về chi phí cho việc bảo trì một km đường do mức độ hư hỏng các tuyến đường không giống nhau. Song ông Đỗ Xuân Phú, Giám đốc Doanh nghiệp vận tải Minh Liên, cho biết các tuyến quốc lộ hiện nay đa phần được đầu tư theo hình thức BOT và theo quy định khi đường hư hỏng nhà đầu tư phải có trách nhiệm sửa chữa.

Do vậy, việc chi 7.000 tỷ đồng sửa chữa những đoạn quốc lộ còn lại là quá lớn. Hơn nữa, người dân đang phải đóng hai loại phí là phí qua trạm và phí bảo trì đường hàng năm. Theo ông Phú, khi người dân đã đóng phí qua trạm thì nên bỏ đóng phí theo đầu phương tiện hồi đầu. Ở khía cạnh kỹ thuật, trong khi nhiều nước đã áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới để giảm giá thành bảo trì đường thì tại Việt Nam vẫn thực hiện theo phương pháp truyền thống khiến cho chi phí bị đội lên. Đó là lý do vì sao mỗi năm chi đến hàng ngàn tỷ đồng mà vẫn không đủ để duy tu đường” (KTSG ngày 25/2/2016).

Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Đinh La Thăng (nay là Bí thư Thành ủy TP.HCM) đã chỉ rõ việc ứng dụng khoa học công nghệ chưa tốt. Ông Thăng cho biết một doanh nhân Việt kiều từng nói với ông rằng có thể bảo trì đường bộ với chi phí giảm 30% nhưng 20 năm

qua không “chen chân” vào được vì lãnh đạo Tổng cục Đường bộ không muốn làm nhanh, không muốn rẻ hơn mức hiện nay. Mới đây, một doanh nghiệp Hàn Quốc cũng đề nghị bỏ tiền ra để sửa chữa, bảo trì làm mẫu với cam kết thời gian giảm 30%, chi phí sửa chữa giảm 39%. Ông Thăng đặt vấn đề: “Tôi rất lo về vấn đề thất thoát, tham nhũng trong công tác bảo trì đường bộ. Nếu giảm được 40% của 7.000 tỷ đồng là một con số không nhỏ, vì sao lại không làm?”.

Ở đây chúng ta thấy có vấn đề về tính giải trình (accountability), một khía cạnh khác của dân chủ mà chúng ta sẽ đề cập ở phần sau. Một khi văn hóa minh bạch không được thực thi thì người dân vẫn còn phải oằn lưng chịu mọi thứ phí, thuế bất hợp lý.

Định chế kinh tế - văn hóa hướng đến hiệu quả

Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng muốn đạt được mức thu nhập bình quân đầu người ở mức trung bình - cao của thế giới là hơn 7.000 đô-la Mỹ/người/năm (sức mua 15.000 - 18.000 đô-la Mỹ) thì cách duy nhất là tăng năng suất lao động.

Cụ thể, bà Phạm Chi Lan nói rằng, nếu đến 2035, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đạt được mức hơn 7.000 đô-la Mỹ như kỳ vọng mà Báo cáo Việt Nam 2035 đề ra thì cũng chỉ mới bằng thu nhập bình quân của người dân Malaysia vào năm 2010. Muốn đạt được vậy thì năng suất lao động phải tăng để đóng góp 92% trong tăng trưởng kinh tế. “Nếu năng suất lao động không tăng thì sẽ chắc chắn sẽ không thể có mức thu nhập bình quân kể trên”, bà Lan khẳng định.

Lý do, theo bà, các yếu tố khác đẩy kinh tế tăng trưởng là vốn, số lượng lao động... như bao năm qua, đến nay đều đã hết. “Các khoản viện trợ ODA không còn, lao động không thể tăng thêm vì dân số Việt Nam đang già hóa. Do đó, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam không có cách nào đạt được nếu không tăng năng suất lao động”.

Muốn vậy chúng ta phải cải cách sâu rộng giáo dục, mà nhiều chuyên gia đánh giá là chất lượng toàn hệ thống đang đi sau thế giới vài thập kỷ (!), đặc biệt là hướng nghiệp cho học sinh, phát triển hệ thống trường nghề, học viện kỹ thuật. Một ví dụ gần đây là tại Hà Nội, Samsung trước đây có 300 kỹ sư người Việt thì nay con số này đã đạt 2.000 kỹ sư. Chính số lượng kỹ sư này mới là yếu tố quan trọng. Chất lượng và giá trị nhân lực nằm ở đây chứ không phải con số hàng vạn công nhân.

Định chế hướng đến công bằng xã hội

Bên cạnh sự phát triển nhanh vận động theo cơ chế, quy luật thị trường, sự cạnh tranh gay gắt sẽ tạo ra sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo và cơ hội tiếp cận các phúc lợi xã hội cơ bản. Do vậy bên cạnh những chính sách phát triển kinh tế nhanh, mạnh mẽ, chúng ta phải xây dựng những chính sách đảm bảo sự công bằng trong phát triển cũng như cơ hội tiếp cận các dịch vụ



xã hội cơ bản cho mọi người, nhất là đối với những đối tượng yếu thế, thiệt thòi trong xã hội như dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo... Đây cũng chính là tính ưu việt của CNXH và cũng chính là trách nhiệm của Nhà nước trong thực thi nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và cũng là hành động thiết thực để thực hiện tốt các kế hoạch hành động của Liên Hợp Quốc về mục tiêu thiên niên kỷ sau năm 2015.

Nếu không thì CNXH lại rơi vào bẫy của những lý thuyết thiếu thực tế và không có tính khả thi như trước đây, như những gì Hayek đã phê phán.

Định chế thượng tôn pháp luật và dân chủ

Đây là nền tảng, là cốt lõi của những thay đổi thượng tầng.

Tiến sĩ Võ Trí Thành, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, nhận định: *“Chính việc tăng cường năng lực và trách nhiệm giải trình là một đảm bảo cho việc hạn chế, giảm thiểu nguy cơ thực thi chính sách kém. Tuy nhiên, rủi ro tạo ra chính sách, quy chế điều tiết không tốt, thậm chí tồi, ngay trong nội tại thể chế là không hề nhỏ. Nếu không được quan tâm thích đáng, nó có thể làm trì trệ, thậm chí kéo lùi sự phát triển đất nước...”*.

Nhưng ông khẳng định: *“Xu thế dân chủ là bất buộc, dù có khó khăn. Chúng tôi đặt ra sáu định hướng, nhưng để hiện thực hóa còn đòi hỏi nguồn lực, quyền lực. Hơn nữa, bước đi trong ngắn hạn, trung hạn là gì để lồng ghép vào các chiến lược phát triển. Tinh thần quan trọng nhất của báo cáo này là xây dựng một thể chế hiện đại. Đó là nền tảng cho tất cả. Trong chương thể chế có hai vấn đề mà nói thẳng ra là cải cách chính trị và cải cách kinh tế thị trường; tăng cường hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước”*.

Nói tóm lại, chúng ta phải xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật. Chúng ta cần chấp nhận tính cách tự nhiên của con người ta vẫn có kẻ xấu, người tốt; người thiện, kẻ ác. Nhưng trước hết người ta phải sống theo luật, theo đạo đức chủ quan và chịu sự phán xét khách quan. Nhà nước, là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức đời sống xã hội, trở thành người phục vụ. Bộ máy nhà nước đối với người dân là một hệ thống dịch vụ công, cung cấp những tiện ích: thông tin, tư vấn,

quản lý hạ tầng cơ sở, giải quyết xung đột, tranh chấp...

Nói như nhà báo Nguyễn Ngọc Điện: *“Xã hội được tổ chức tốt không cần vai trò của hiệp sĩ nhà nước, mà chỉ cần đội ngũ công chức thạo luật, thạo việc, có khả năng giải quyết nhanh, gọn, chính xác và với thái độ chuyên nghiệp đối với mọi yêu cầu của người dân”*. Hiệp sĩ nhà nước theo ông là một lực lượng chính nghĩa thể hiện trong hình ảnh một ông quan thanh liêm, chính trực, biết nói không với những cám dỗ vật chất, biết dẫn thân và tận tâm trong việc bảo vệ lẽ phải, lẽ công bằng, nói chung là biết dùng đức để cai trị.

Chúng ta thấy điều này không có gì mới nếu biết rằng hơn 2.500 năm trước, Đức Gautama đã thấy rõ căn nguyên của vấn đề và đã tìm ra giải pháp. Khổ đau hay khủng hoảng theo cách nói hôm nay nằm ở vô minh và tham ái, không hiểu sự thật duyên sinh hay nguyên lý cộng sinh của hiện hữu nên con người tìm mọi cách thỏa mãn lòng ham muốn cá nhân của mình. Cách duy nhất là nuôi dưỡng chánh kiến và điều phục lòng tham. Còn nếu dùng học thuyết nào đó làm phương tiện như những nhà lý thuyết CNXH trước đây cũng sẽ khiến cường và ở trong vòng lẩn quẩn khi những kẻ có quyền rơi vào chính cái bẫy vô minh tham dục của mình, dùng quyền lực tạo phe nhóm, chiếm đoạt lợi ích cộng đồng... tiếp tục khiến tập thể, xã hội hay đất nước mình chìm đắm trong đói nghèo, lạc hậu.

Xây dựng con người hay xã hội bằng chánh kiến là nỗ lực hướng dẫn tư duy của mình theo hướng vô tham, vô sân, bất hại và hữu ái với đồng loại. Với những con người ấy, dù ở cương vị nào cũng làm lợi cho cộng đồng, chính sách nào cũng được thực thi đúng đắn. Vì với chánh kiến, họ luôn nhìn sự việc và con người trong tính chất duyên sinh nhằm chế ngự tâm tham ái và chấp thủ. Bằng cách ấy chúng ta sẽ vượt qua khủng hoảng và những cạm bẫy trong quá trình chuyển hướng của cả đất nước, vươn đến những tầm cao như những nhà hoạch định chính sách và chiến lược của World Bank và Việt Nam kỳ vọng.

Tiến đến một Việt Nam *“thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ”*.

Mong thay! ■

Nghĩ về tên gọi sông Cửu Long

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Sông Cửu Long (người Âu Mỹ gọi là Mê Kông) là một trong những con sông lớn nhất trên thế giới. Xuất phát từ vùng núi cao tỉnh Thanh Hải (Trung Quốc), băng qua Tây Tạng theo suốt chiều dài tỉnh Vân Nam, qua các nước Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia trước khi đổ vào Việt Nam.

Người Tây Tạng cho rằng thượng nguồn sông Mê Kông chia ra hai nhánh: nhánh Tây Bắc (Dzanak chu) và nhánh Bắc (Dzakar chu). Gần một nửa chiều dài con sông này chảy trên lãnh thổ Trung Quốc, đoạn đầu nguồn tiếng Tây Tạng gọi là *Dza Chu* tức *Trát Khúc*. *Trát Khúc* hợp lưu với một nhánh khác tên là *Ngang Khúc*; ở gần Xương Đô, tạo ra *Lan Thương Giang* (có nghĩa là “con sông lượn sóng”). Phần lớn đoạn sông này có các hẻm núi sâu, và con sông này rời Trung Quốc khi độ cao chỉ còn khoảng 500m so với mực nước biển. Người Lào và người Thái Lan gọi là *Mekong* hay *Mékāng*, *Méganga* có nghĩa là *Sông Mẹ* hay *Sông Lớn*. Tên gọi này có từ khoảng thế kỷ thứ XI lúc tộc người Thái Lan tiến về phía Nam lập quốc trên vùng bán đảo Đông Dương.

Tương tự tại Campuchia, sông có tên gọi là *Mékôngk* hay *Tông-lê Thơm* (Sông lớn).

Bắt đầu từ Phnom Penh, sông chia thành 2 nhánh: bên phải là sông Bassac (sang Việt Nam gọi là Hậu Giang) và bên trái là Mê Kông (sang Việt Nam gọi là Tiền Giang), cả hai đều chảy vào khu vực đồng bằng châu thổ rộng lớn ở Nam Bộ Việt Nam, dài chừng 220-250km mỗi sông trước khi đổ ra biển theo nhiều cửa:

Sông Tiền có lòng sông rộng với nhiều cù lao ở giữa dòng, chảy qua Tân Châu (An Giang), Hồng Ngự và Cao Lãnh (Đồng Tháp) đến Cai Lậy (Tiền Giang) thì chia làm bốn sông đổ ra biển bằng sáu cửa:

Sông Mỹ Tho, chảy qua tỉnh lỵ tỉnh Tiền Giang là thành phố Mỹ Tho và phía Nam Gò Công, ra biển bằng cửa Đại và cửa Tiểu qua đường sông Cửa Tiểu.

Sông Hàm Luông, chảy qua phía Nam tỉnh Bến Tre, ra cửa Hàm Luông.

Sông Cổ Chiên, làm thành ranh giới tỉnh Bến Tre-Trà Vinh (tên cũ Vĩnh Bình), đổ ra biển bằng cửa Cổ Chiên và cửa Cung Hầu (còn gọi cửa Cồn Ngao).

Sông Ba Lai chảy qua phía bắc tỉnh Bến Tre (tên cũ Kiến Hòa), ra cửa Ba Lai. Hiện nay, cửa Ba Lai đã bị hệ thống cống đập Ba Lai ngăn lại. Hệ thống này nằm trong dự án ngọt hóa vùng ven biển của tỉnh Bến Tre.

Sông Hậu chảy qua Châu Đốc, Long Xuyên (An Giang), thành phố Cần Thơ, Sóc Trăng và đổ ra biển

bằng ba cửa: cửa Định An, cửa Ba Thắc, cửa Tranh Đề (hay Trấn Di). Cửa Ba Thắc khoảng thập niên 1970 đã bị bồi lấp nên sông Hậu chỉ còn hai cửa biển ngày nay.

Ngoài chín cửa nói trên, còn các cửa khác như cửa Bãi Ngao ở phía Nam tỉnh Vĩnh Long.

Về phía Tây nam lối 100 dặm có cửa Gành Hào là một nơi có nhiều thổ sản như mật ong, sáp trắng... và thủy sản cá cua rất dồi dào. Ở Cà Mau còn có Cửa Lớn, một con sông bắt nguồn ở Đầm Dơi chảy ngang Năm Căn rồi đổ ra biển ở vàm Cửa Lớn. Ngoài ra còn cửa Bồ Đề chảy ra biển Đông và cửa Ông Đốc chảy ra Vịnh Thái Lan. Vòng lên phía Bắc vịnh Thái Lan còn có cửa quan trọng khác là cửa Rạch Giá.

Về tên gọi sông Cửu Long, (hay đồng bằng sông Cửu Long) trước đây đã có nhiều ý kiến, ngoài nghĩa thông thường ai cũng biết là do các nhánh sông tại Nam Bộ chảy ra biển Đông bằng chín cửa nên được gọi là *Cửu Long* (chín con rồng). Tuy nhiên, có người lại cho rằng Cửu Long là tiếng phiên âm từ tiếng *Mekongk* của Khmer hoặc *Mékang* theo tiếng Thái. Gần đây, trong một tài liệu nghiên cứu mang tên *Sử Việt đọc vài quyển*, nhà nghiên cứu Tạ Chí Đại Trường cho rằng *Cửu Long* là phiên âm từ tiếng *Klong* của *Malaysia*, cũng theo ông, nếu cố mà đếm cho đủ các nhánh sông thì cũng chỉ có tám cửa!

Như chúng ta đều biết, người Việt tiếp cận con sông này từ khoảng đầu thế kỷ XVII khi những lưu dân theo chúa Nguyễn vào Nam lập ấp xây làng. Từ đó tên gọi con sông này đã được ghi vào sử sách như sau:

- Sách *Đại Nam thực lục* do Quốc sử quán nhà Nguyễn soạn ghi là *sông Khung*: “Tháng 11, viên quan coi việc làm tập biên cương giới là Hoàng Hữu Xứng nghĩ dâng sách ấy phàm lệ có 12 điều:

Về nguyên được chuẩn cho kiểm xét cương giới nước ta tiếp giáp với nước Thanh, nước Xiêm, nước Diên và sông Khung Giang đích là chỗ nào, biên tập thành sách. Nay kính xét miễn thượng du nước ta lấy sông Khung làm giới hạn, thì từ Nghệ An trở vào Nam, có giáp sông ấy, còn từ Nghệ An trở về Bắc, thì giáp giới với sông ấy, không liên can với nhau. Sách này xin chuyển lấy cương giới tiếp giáp các nước làm chủ, sông Khung cũng xét cả một thể, tùy theo địa phương nào, thông với sông ấy, biên thêm vào, để phòng xem xét, nhưng đặt tên sách là *Đại nam cương giới vịnh biên*, không phải cùng biên cả chữ “Khung Giang...” (ĐNTL, sđd, tr.290).

Theo tác giả Nguyễn Văn Âu trong sách *Địa danh Việt Nam* thì *Khung* là tiếng chỉ con sông của đồng bào dân tộc Thái ở tại vùng Tây Bắc Việt Nam (sđd, tr 40)

- Sách *Sử lược bị khảo* do Đặng Xuân Bảng soạn năm 1876 thì ghi là sông *Lan Thương*: “*Miền Tây Nam kỳ thì có sông Tiền Giang và sông Hậu Giang là lớn nhất, tức là hạ lưu của sông Lan Thương bắt nguồn từ Thanh Hải (Trung Hoa)...*” (Sử Học bị khảo, sđd, tr.138).

- Trương Vĩnh Ký khi viết *Petit cours de geographie de la Basse - Cochichine* xuất bản năm 1875 ghi là *Mé-cong*:

“*Les fleuves Anterieur et Posterieur sont formes du grand fleuve Mé-cong...*” (Petit cours...; sđd, tr.18).

Khi soạn *Gia Định thành thông chí*, cụ Trịnh Hoài Đức (1765-1825) chính thức ghi tên sông là sông *Cửu Long*:

“*Mỹ Tho giang - (Sông lớn): Ở trước trấn, làm sông cái của trấn. Phát nguồn từ sông Cửu Long tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), chảy nhanh cuộn cuộn từ phía Bắc qua phía Tây...*” (GGĐTTC, sđd, tr.42).

Về sau, tên gọi Cửu Long mới được các sử gia triều Nguyễn ghi trong *Đại Nam nhất thống chí*:

“*Miền Tây Nam kỳ thì có sông Tiền Giang và sông Hậu Giang là lớn nhất, tức là hạ lưu của sông Lan Thương bắt nguồn từ Thanh Hải (Trung Quốc) qua phủ Lệ Giang tỉnh Vân Nam, qua các phủ Đại Lý, Thuận Ninh, đến phủ Phổ Nhĩ, có sông Phổ Nhĩ đến từ phía Đông chảy vào làm sông Cửu Long...*” (ĐNNTC, T5, tr.273).

Căn cứ vào những ghi chép đó, ta có thể suy luận rằng phải chăng tên gọi Mê Kông đã được cư dân người Việt, những người đầu tiên đến khai hoang lập ấp tại vùng đất mới dưới thời các chúa Nguyễn “Việt hóa” thành Cửu Long để truyền ngôn? Rồi từ đó, cụ Trịnh Hoài Đức mới chép vào cuốn địa chí đầu tiên của vùng đất Nam Bộ?

Có thể lý giải rằng cách gọi này, một phần dựa vào cách phát âm của cư dân láng giềng, những người đã cùng họ “đồng lao cộng khổ” trên vùng đất mới hoang vu đầy khó khăn thuở ban đầu. Nơi đó, trên rừng là cọp, dưới nước là sấu luôn chực chờ với bao nỗi hiểm nguy. Gọi tên một con sông dài bao trùm cả một vùng đồng bằng rộng lớn, bằng một âm gần gũi cũng là một cách để dễ dàng giao tiếp, tạo sự đoàn kết thân hữu, tương trợ nhau. Mặt khác, điều này có lẽ quan trọng hơn, trong tâm thức của người Việt đến từ các vùng phía Bắc di dân vào Nam, họ quan niệm rằng, một con sông lớn, một ngọn núi cao luôn gắn liền với hình ảnh của những vị thần, mà biểu tượng con Rồng (Long) là linh vật tiêu biểu, là vật chủ của nguồn nước... Lại thêm nữa, sông đổ ra biển theo nhiều nhánh, thuở đó không ai đếm được bao nhiêu, nên cứ gọi là chín (Cửu), đó là con số tròn đầy, viên mãn, rồi dần dần tên gọi đó được ghi vào sách vở và truyền lại đến ngày nay...

Và nếu quả thật là như thế, thì cái tên *Cửu Long* do người Việt vận dụng đặt ra quả là một từ đầy tư duy và “sáng tạo”! ■

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Nam thực lục*, QSQTN, T9, Nxb Giáo dục 2000.
- *Đại Nam nhất thống chí*, QSQTN, T5, Nxb Thuận Hóa 1993.
- *Sử học bị khảo*, Đinh Xuân Bảng, Viện Sử học, 1997.
- *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức, Nxb Giáo Dục 1999.
- *Petit cours de geographie de la Basse - Cochichine*, Trương Vĩnh Ký, SG 1875.
- *Sử Việt đọc vài quyển*, Tạ Chí Đại Trường, 2006 (bản sách điện tử).
- *Địa danh Việt Nam*, Nguyễn Văn Âu, Nxb Giáo Dục 1993.



Nguồn: eva.vn

Sự dung hợp

giữa Phật giáo với văn hóa dân tộc

THÍCH KHÔNG TÚ

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên và tồn tại, phát triển chan hòa với dân tộc cho đến tận hôm nay đã hơn 2.000 năm. Nếu thời gian là thước đo của chân lý thì với bề dày lịch sử đó, đạo Phật đã khẳng định chân giá trị của một tôn giáo lớn trên đất nước này.

Phật giáo không xuyên tạc và luôn tôn trọng những hệ tư tưởng, tín ngưỡng tôn giáo đã có trước hoặc sau khi Phật giáo có mặt tại Việt Nam. Trong các lĩnh vực xã hội, văn hóa, chính trị, đặc biệt là xét trên khía cạnh hệ thống tư tưởng thì đạo Phật đã trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần hình thành một quan niệm sống, những giá trị, chuẩn mực trong sinh hoạt của người Việt Nam.

Có những nhà nghiên cứu cho rằng đạo Phật đã góp phần tạo nên cốt cách con người Việt Nam qua những

đức tính đoàn kết, nhân ái, hòa hiếu và bao dung. Không những thế, giá trị tư tưởng và thái độ ứng xử Phật giáo đã hòa quyện với truyền thống văn hóa dân tộc Việt, trở thành di sản quý báu để lại cho hậu thế.

Nhân dân Việt Nam đón nhận Phật giáo, xem là bạn đồng hành cùng dân tộc trong suốt tiến trình lịch sử. Do vậy, khi tìm hiểu những giá trị truyền thống, văn hóa của Việt Nam thì chúng ta bắt gặp loại hình văn hóa Phật giáo đã có mặt cùng với văn hóa dân tộc. Đồng thời, khi tìm hiểu quan điểm, lối sống, niềm tin của người Phật tử Việt Nam chúng ta cũng nhìn thấy những giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa người Việt Nam. Có thể nói, niềm tin tôn giáo của tín đồ Phật giáo Việt Nam có sự dung hợp giữa các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc với tư tưởng, triết lý Phật giáo

được thể hiện qua các quan niệm nhân sinh quan, thế giới quan, đạo đức, văn học nghệ thuật, kiến trúc điêu khắc,... cho đến lời ăn tiếng nói trong sinh hoạt hằng ngày của tín đồ. Nổi bật nhất là các đặc điểm sau:

Sự thờ cúng

Phật giáo vốn là một tôn giáo xuất thế, nhưng Phật giáo Việt Nam có chủ trương nhập thế. Nhờ tinh thần nhập thế sinh động Phật giáo đi vào dân gian, dung nạp với các tín ngưỡng bản địa như thờ các vị thần, các vị thánh, các vị thành hoàng thổ địa và các anh hùng dân tộc, ông bà tổ tiên... để cầu xin phước lộc, cầu xin tất cả những gì mà cuộc sống con người cần có. Đây là điều các quốc gia Phật giáo khác không có. Sự dung hòa này khiến cho Phật giáo có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc. Đồng thời các tín đồ không những có niềm tin vào Tam bảo mà còn có cả niềm tin vào các vị thần linh của tín ngưỡng dân gian. Ta dễ dàng nhận thấy ở tín đồ Phật giáo Việt Nam tính đời trội hơn tính đạo, họ thích cầu xin phước lộc, bình an hơn là tô luyện trí tuệ, học hỏi giáo lý.

Quan niệm tư tưởng, lối sống

Người Việt Nam vốn có đức tính yêu nước, hiếu hòa, đoàn kết, nhân nghĩa, thủy chung,... biểu hiện trong các đạo lý, truyền thống như "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "Tôn sư trọng đạo", "Thương người như thể thương thân", "Lá lành đùm lá rách", "Ở hiền gặp lành", "ác giả ác báo"... những truyền thống tốt đẹp đó có nhiều nét tương đồng với giáo lý đạo Phật như "từ ân", "từ bi, hỷ xả", "vô ngã, vị tha", "cứu nhân độ thế", "nhân quả, nghiệp báo" và tại Việt Nam nó được hòa quyện, ảnh hưởng sâu đậm đến lối sống, niềm tin của người Phật tử. Họ tin vào nhân quả, tin sự chứng giám anh minh của Phật, tin ở hiền gặp lành, tin có một Phật Bà nghìn mắt, nghìn tay thấu hiểu mọi khổ đau của chúng sinh, và tin sự trợ giúp của các vị Thần nơi cửa Phật. Quả thật vậy, sự hòa quyện tương quan này tạo nên nét đẹp không chỉ trong đời sống tín đồ Phật giáo mà lan tỏa khắp mọi giai tầng trong xã hội Việt Nam, từ trong giới bình dân cho đến giới trí thức.

Như vậy, từ khi có mặt ở Việt Nam, Phật giáo đã vận dụng linh hoạt tinh thần nhập thế tích cực tạo nên sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc theo mô thức "*Kính Phật – Phụng đạo*" ảnh hưởng sâu đậm đến tình cảm và tiềm thức của tín đồ Phật giáo.

Văn học

Xét trên khía cạnh nền văn học bác học, văn hóa Phật giáo đã dung hòa vào văn hóa dân tộc vô cùng phong phú. Các tác phẩm *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cho đến các tác phẩm văn học thời Lý - Trần đã nói lên một cách

hùng hồn sự đóng góp rất lớn của triết học Phật giáo cho nền văn học Việt Nam.

Một số tác phẩm văn học dân gian thời Lê - Nguyễn như truyện *Tấm Cám* là Phật thoại lưu truyền rộng khắp; truyện bà Ý Lan - một hiện thân của cô Tấm lan rộng khắp Kinh Bắc; truyện *Quan Âm Thị Kính* ở Hải Dương là đỉnh cao của văn học Phật giáo dân gian, trong truyện này dân gian đã chuyển hóa giới tính của Bồ-tát Quan Thế Âm từ nam tính ở Ấn Độ sang nữ tính tạo ra Quan Âm Thị Kính, tượng trưng cho tấm lòng vị tha, cứu nhân độ thế, tinh thần lạc quan và niềm tin vững chắc vào một tương lai tươi sáng của người dân Việt Nam. Như vậy, Phật giáo đã được dân gian tiếp nhận trở thành Phật giáo dân gian. Đây cũng là một nguyên nhân giải thích niềm tin của tín đồ Phật giáo Việt Nam mang âm hưởng dân gian nhiều hơn là Phật giáo chính thống.

Kiến trúc, hội họa

Chúng ta thấy đặc trưng ngôi chùa ở Việt Nam có sự hài hòa của con người vào thiên nhiên. Con người và tổng thể có núi, sông, cây cỏ... tạo cảm giác khoan thai, thanh thoát. Tôn trọng tự nhiên, sống hài hòa với tự nhiên đã trở thành một trong những lẽ sống của người Phật tử. Ngoài ra, trong chùa có mái cong, câu đối, hoành phi, bia đá làm tăng thêm vẻ trang trọng, cổ kính, tĩnh lặng, huyền hư. Điều này chứng tỏ khuynh hướng thẩm mỹ trong kiến trúc Phật giáo mang tính nghệ thuật dân tộc rất cao bởi ảnh hưởng điều kiện và môi trường sống của người Việt.

Phong tục tập quán

Phong tục tập quán thể hiện tính đặc thù về giá trị văn hóa mang bản chất truyền thống của mỗi dân tộc. Phong tục tập quán Việt Nam trong quá trình tồn tại và phát triển đã chịu nhiều tác động của nhiều trào lưu văn hóa khác nhau. Trong đó Phật giáo đã dự phần quan trọng trong việc định hình và duy trì không ít các tập tục dân gian vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay. Có thể đề cập đến những tập tục phổ biến trong đời sống hằng ngày thể hiện niềm tin của người dân Việt Nam nói chung và tín đồ Phật giáo nói riêng như:

- **Lễ hội và hành hương:** Chùa là nơi linh thiêng để gửi gắm niềm tin. Chính niềm tin ấy tạo động lực cho tín đồ tổ chức hành hương về các Phật tích vào dịp đầu năm hay các ngày sóc vọng (15 và mồng 1). Họ tin rằng hái lộc và lễ chùa đầu xuân sẽ đem lại nhiều may mắn và tốt lành cho bản thân, gia đình trong năm mới. Điều đặc biệt là vào các dịp lễ hội tung bồng như Tết Nguyên đán, Phật đản, Vu-lan báo hiếu, hội Lim, hội Chùa Hương,... hiện không còn là ngày lễ của riêng Phật giáo mà đã trở thành ngày lễ chung của rất nhiều người dân Việt Nam.

- **Tập tục ăn chay, thờ Phật, phóng sanh và bố thí:** Ăn chay và thờ Phật là việc đi đôi với nhau của tín đồ Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, người Phật tử thờ Phật



Nguồn: chuahoangphap.com.vn

đã đành, nhiều người không phải là Phật tử cũng dùng tượng Phật hay tranh ảnh có yếu tố Phật giáo để thờ cúng, chiêm ngưỡng, trang trí cho cảnh nhà thêm đẹp và trang nghiêm. Ăn chay cũng vậy, người Việt Nam không riêng gì tín đồ dù không phải là Phật tử cũng thích ăn chay. Tập tục này đã ảnh hưởng sâu rộng trong mọi giai tầng xã hội. Có thể nói ăn chay, thờ Phật đã trở thành truyền thống văn hóa của người dân Việt Nam từ xưa đến nay.

Cũng xuất phát từ tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật và truyền thống văn hóa đạo đức bao dung, nhân hậu của dân tộc “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân” mà việc từ thiện, bố thí, phóng sanh đã ăn sâu vào đời sống sinh hoạt của tín đồ. Họ tin rằng làm việc thiện sẽ gạt hái nhiều phước báo nên đến ngày rằm và mừng một, tín đồ thường hay mua chim, cá, rùa... để đem về chùa chú nguyện rồi phóng sanh. Người ta cũng thích làm phước bố thí và sẵn sàng giúp đỡ kẻ nghèo khó, hoạn nạn... Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại những biểu hiện mang tính chất hình thức trên đang dần bị thu hẹp. Thay vào đó tín đồ thường tham gia vào các hoạt động cứu trợ, tương tế cho đồng bào gặp thiên tai, hoạn nạn, hay những gia cảnh gặp khó khăn.

- Tập tục ma chay, cưới hỏi: Về ma chay, người Việt Nam vốn có truyền thống nhớ ơn tổ tiên, người Việt dù có đạo hay không có đạo đều nghĩ rằng chết không phải là hết mà về với ông bà tổ tiên (sanh ký tử quy), nên ma chay theo phong tục của người Việt Nam trước đây rất là phiền phức và hao tốn. Tuy nhiên có sự ảnh hưởng của Phật giáo thì tang lễ diễn ra đơn giản và trang nghiêm hơn. Khi trong gia đình có người qua đời, tín đồ đến chùa thỉnh Tăng Ni về nhà để giúp đỡ phần tang lễ và cầu nguyện cho người chết (thường gọi là

làm ma chay). Ngày nay, các tín đồ thường đem di ảnh, bát hương, tro cốt người quá cố về chùa để thờ vì niềm tin rằng người mất nhờ sớm tối nghe lời kinh tiếng kệ mà nhẹ nhàng siêu thoát về với cõi Phật.

Về cưới hỏi, ở Việt Nam tầm ảnh hưởng của vấn đề này đến Phật giáo tỏ ra ít phức tạp hơn so với Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo. Trước khi tiến tới hôn nhân, nhiều đôi bạn trẻ theo truyền thống Phật giáo tự nguyện đến chùa khấn nguyện Phật phù hộ cho mối lương duyên của họ được trăm năm hạnh phúc. Đến ngày cưới hỏi, họ được hướng dẫn về chùa để làm Lễ hỷ thuận trước khi rước dâu. Đó là nghi lễ chúc phúc ngắn gọn kèm theo một số lời khuyên dạy về đạo đức làm hành trang cho cuộc sống mới của hai vợ chồng.

Ngoài những hành vi tôn giáo chịu ảnh hưởng của phong tục tập quán kể trên, chúng ta còn thấy một số tập tục khác cũng tương đối phổ biến và ít nhiều lan tỏa trong niềm tin của tín đồ Phật giáo như: đốt vàng mã, coi ngày giờ, cúng sao hạn, xin xăm, bói quẻ.

Qua việc phân tích trên chúng ta nhận thấy dân tộc Việt Nam có duyên là đã tiếp nhận đạo Phật và xây dựng nên Phật giáo Việt Nam, đạo Phật có cái duyên là tìm được chỗ đứng trong lòng dân tộc Việt Nam... Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh đó đã thể hiện vai trò quan trọng về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn hồn thiêng sông núi.

Các tầng lớp nhân dân trong xã hội đã và đang tìm thấy ở Phật giáo nhiều giá trị hữu ích. Đây là điều kiện thuận lợi cho niềm tin vào Phật giáo phát triển. Bởi lẽ trong bối cảnh đó con người cần đến tôn giáo để gửi gắm niềm tin, giải tỏa áp lực, nương tựa tinh thần và nuôi dưỡng hy vọng vào một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn cho cá nhân, gia đình, xã hội. ■

Vui thay già có giới

NGUYỄN AN

Đức Phật bảo cho chúng ta rằng con người vốn có nhiều niềm vui cần được thiết lập và thực nghiệm trong suốt cuộc đời của mình. Đó là niềm vui của giới đức thanh tịnh, niềm vui phát sinh do lòng kính tín Tam bảo, niềm vui của lối sống không làm ác, niềm vui sinh khởi nhờ có trí tuệ sáng suốt.

Bậc Giác ngộ nêu rõ:

*Vui thay, già có giới,
Vui thay, tín an trú,
Vui thay, ác không làm,
Vui thay, được trí tuệ.¹*

Như vậy, có bốn điều kiện để con người tạo dựng hạnh phúc an lạc cho cuộc đời của mình gọi là “*già có giới thì vui*”. Già thì khổ nhưng già có giới thì vui, già mà không khổ. Nói khác đi, người nào biết nuôi dưỡng giới đức, trưởng dưỡng đức tin, quyết tâm không làm ác, nỗ lực phát triển trí tuệ thì có được cuộc sống an vui, thậm chí lúc tuổi về già.

Sao gọi là già có giới thì vui? Đây chính là quả an lạc của nếp sống có giới đức, có tín tâm, không làm ác và có trí tuệ. Bởi vì già mà vui tức là già mà không thiếu thốn thứ gì, già mà có đầy đủ tài sản để dùng, có tâm thanh thản để cảm nhận, có tư lương và cảnh giới an lạc để sẵn sàng ra đi. Tài sản ấy là giới đức, là tín tâm, là không làm ác, là có trí tuệ; tâm thanh thản ấy là giới đức, là tín tâm, là không làm ác, là có trí tuệ; tư lương và thể giới an lạc ấy là giới đức, là tín tâm, là không làm ác, là có trí tuệ². Đó chính là những thiện pháp hay các pháp đưa đến an lạc, do chính người ấy nuôi dưỡng và tích tập, tác động trở lại lên cuộc sống và tâm thức người ấy, khiến người ấy được hoan hỷ an lạc.

“Có giới” tức là có nếp sống hiền lương, chân chánh, có hiểu biết, có đạo đức, có từ tâm, thể hiện qua việc ăn ở hiền lành, cư xử chánh trực, bỏ ác làm lành, thương người thương vật, tu nhân tích đức.

“Tín an trú” nghĩa là luôn luôn sống với lòng tin vững chắc đi kèm với nhận thức rõ ràng về giá trị cao quý của thể tánh thanh tịnh Phật-Pháp-Tăng vốn có trong chính mình, mình cần phải phát huy thể tánh cao quý ấy trong chính mình để soi sáng và làm chỗ nương tựa cho đời sống của mình.

“Ác không làm” nghĩa là thực thi nếp sống có kỷ cương, có đạo đức, không buông lung phóng dật, thân không làm ác (không sát sanh, không lấy của không

cho, không tà hạnh trong các dục); miệng không nói ác (không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời phù phiếm); ý không nghĩ ác (không tham dục, không sân hận, không tà kiến).

“Được trí tuệ” có nghĩa là có nỗ lực văn, tư, tu theo lời Phật dạy, hiểu rõ điều thiện nên làm, việc ác cần phải từ bỏ; thấy rõ lý sanh diệt của các pháp; nhận thức rõ phiền não khổ đau, đạo lý thoát khổ hay cách thức đi ra khỏi phiền não khổ đau, thực chứng Niết-bàn tịch tịnh.

Cứ theo lời Phật thì người nào tự trang bị cho mình bốn phẩm hạnh trên, nghĩa là có giới đức, có tín tâm, không làm ác, có trí tuệ, thì người ấy có được hạnh phúc an vui trọn cả cuộc đời, kể cả lúc tuổi về già, thân thể suy yếu, lực bất tòng tâm.

Già mà vui, không khổ; vì già mà có văn, tư, tu theo lời Phật dạy, già mà có trí tuệ thấy rõ hết thấy mọi thứ đều phải bị già, không thoát khỏi già; vậy thì có gì phải lo âu sầu muộn khi mình phải bị già và già đến? Khác với kẻ vô văn phạm phu (người không học tu theo lời Phật dạy) rơi vào sầu muộn khổ đau khi già đến, vị đa văn Thánh đệ tử (người có tu học giáo pháp giác ngộ của Phật) có thái độ tỉnh táo, sáng suốt và thanh thản khi đối diện với tuổi già:

“Với kẻ phạm phu không học, này các Tỳ-kheo, phải bị già và già đến; khi già đến, kẻ ấy không suy tư: ‘Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến, nhưng đối với loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến; kẻ thù sẽ hoan hỷ; bạn bè sẽ lo buồn’. Kẻ ấy phải bị già, khi già đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Nhưng với vị Thánh đệ tử có học, này các Tỳ-kheo, phải bị già và già đến; khi già đến, vị ấy suy tư như sau: ‘Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già, và già đến. Và nếu phải bị già và già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến; kẻ thù sẽ hoan hỷ; bạn bè sẽ lo buồn’. Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh”³.

Già mà vui, không khổ; vì già mà có học tu theo lời Phật dạy, biết tích lũy công đức thiện nghiệp, nên có

đầy đủ tài sản để vui hưởng hạnh phúc hiện tại, có đầy đủ tư lương để vững tin vào tương lai. Kinh Phật mô tả người có giới đức, biết tích lũy công đức thiện nghiệp, được xem là người có trí, luôn luôn cảm thấy an lạc và tin tưởng vào tương lai tốt đẹp do công đức thiện nghiệp mà mình đã nỗ lực tích tập:

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi người trí leo ngổ trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ những thiện nghiệp người ấy làm từ trước, như thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ví như, này các Tỳ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, khi người trí ngổ trên ghế hay ngổ trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi các nghiệp quá khứ của người ấy tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỳ-kheo, người trí suy nghĩ như sau: ‘Thật sự ta không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, lại làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi. Do không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, do làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi, được đi đến thiện thú nào, thiện thú ấy sau khi chết, ta được đi’. Vì ấy không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đấm ngực, không rơi vào bất tỉnh”⁴.

Ai cũng biết rằng già là hiện tượng suy yếu, già nua, da nhăn, má hóp, tay chân run rẩy, đi đứng không vững, phải chống gậy, không còn chủ động, lực bất tòng tâm. Thông thường, con người đến tuổi già yếu thì sức sống tàn phai, không còn tìm thấy nhiều niềm vui, do thế giới chung quanh bắt đầu quay lưng lại với người ấy, chỉ còn dư âm của những hồi ức quá khứ thỉnh thoảng quay về. Sức sống bị giới hạn, bị co cụm lại, nên người già thường hay lặng lẽ và cảm thấy cô đơn. Như vậy, già là một trở ngại của đời sống con người; chính vì thế mà đạo Phật gọi già là khổ. Làm người thì không ai tránh khỏi cái khổ tuổi xế chiều. Tuy nhiên, điều đáng buồn và vất vả đối với tuổi già là già mà thiếu tư lương⁵, tức thiếu nguồn lực hoan hỷ an tịnh nội tâm để sưởi ấm và chống đỡ cảm giác tuổi già. Già mà có giới thì khó khăn một phần, vì chỉ có thân thể suy yếu nhưng tâm tư thì vui vẻ khỏe mạnh. Nhưng già mà không có giới thì vất vả trăm bề, bởi thân thể đã suy yếu mà tâm tư thì lại u uất ốm đau.

Kinh *Pháp Cú* mô tả cảnh u buồn trống vắng của tuổi già không có giới, già mà thiếu tư lương:

*Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tìm cứu.*

Lúc trẻ không phạm hạnh, không tìm kiếm bạc tiền, tức là khi còn trai trẻ khỏe mạnh không lo tu tập, không biết nuôi dưỡng giới đức, không biết trường dưỡng đức tin, không quyết tâm từ bỏ điều ác, không biết nỗ lực

phát triển trí tuệ. Vì vậy mà đến lúc tuổi già sức yếu thì không tránh khỏi cảnh u sầu trống vắng, vì không có tài sản để dùng, không có tâm thanh thản để cảm nhận, không có tư lương để vững bước đi đến cảnh giới an lạc; giống như con cò già gặp mùa giá rét, đứng ủ rũ bên bờ ao lạnh lẽo vì không tìm được mỗi cá tôm vậy.

Đáng sợ hơn đối với tuổi già không có giới là cảm giác lo lắng sợ hãi luôn luôn rình rập và ám ảnh tâm tư người làm ác, do tác động của các ác nghiệp, khiến cho tuổi già càng thêm vất vả và khổ não:

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, khi người ngu leo ngổ trên ghế, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ, những ác nghiệp người ấy làm từ trước, như thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè lên người ấy. Ví như, này các Tỳ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỳ-kheo, khi người ngu ngổ trên ghế, hay ngổ trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi ấy các nghiệp quá khứ của người ấy, tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỳ-kheo, người ngu suy nghĩ như sau: ‘Thật sự ta không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi. Do không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, do làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi nên phải đi đến ác thú; ác thú ấy sau khi chết ta phải đi’. Người ấy sầu muộn, than van, khóc lóc, đấm ngực, rơi vào bất tỉnh”⁶.

Để tránh tình trạng tuổi già thiếu tư lương, bậc Giác ngộ khuyên nhắc mọi người cần nhận thức cho thật đúng về quy luật già, bệnh, chết không thể tránh của đời người và cần quan tâm nhiều hơn đến việc nuôi dưỡng và phát triển giới đức, tâm đức, tuệ đức vốn có của chính mình. Có như thế thì cuộc sống mới diễn tiến suôn sẻ, đời người mới thanh thản an lạc, sự sống mới có kết thúc tốt đẹp. Phải nhận ra cái cảm giác khó khăn không thể tránh của sự kiện già, bệnh, chết để nỗ lực tu tập, sửa soạn tốt cho tuổi già. Phải thiết lập ngay nếp sống có giới đức, có tín tâm, không làm ác, có trí tuệ trong lúc còn trai trẻ để tích lũy tư lương, để lúc nào cũng thấy thanh thản, không nên đợi lúc tuổi già chạm đến rồi mới lo tu tập thì cơ duyên chuyển hóa phiền não không có được bao nhiêu. Bậc Đạo sư nhắc nhở và sách tấn các Tỳ-kheo trẻ như thế này:

“Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo phải quán sát như sau: ‘Nay ta còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Nhưng rồi đến thời già sẽ xúc chạm thân này. Khi đã già yếu, và bị già chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các Đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hằng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng



đắc, chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, có bị già, ta sẽ sống được thoải mái”⁸.

Một dịp, bậc Giác ngộ khuyến cáo nhà vua Pasenadi, quốc vương nước Kosala⁹:

“- Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?”

“- Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!”

“- Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!”

Kinh Tăng Chi Bộ thuật câu chuyện có hai vị Bà-la-môn tuổi cao sức yếu đến thưa với Đức Phật:

“- Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi, Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi. Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài!”

“- Thật vậy, các Ông là những Bà-la-môn già yếu... đã 120 tuổi, nhưng các Ông không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Thật vậy, nay các Bà-la-môn, thế giới đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn. Thế giới này đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn như vậy, nay các Bà-la-môn, thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến côi chết, phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn cù lao, là chỗ quy y và là đích xứ nó đến.

Đời sống bị dắt dẫn,
Mạng sống chẳng là bao,
Bị già kéo dắt đi,
Không có nơi nương tựa.
Hãy luôn luôn quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chơn an lạc.
Ở đây chế ngự thân,
Chế ngự lời và ý,
Kẻ ấy dầu có chết,
Cũng được hưởng an lạc,
Vi khi còn đang sống,
Đã làm các công đức”¹⁰.

Lời răn dạy của bậc Giác ngộ cho hai vị Bà-la-môn già mà không có giới trên đây rất đáng cho mọi người chiêm nghiệm và học tập, nhất là những vị tuổi còn trẻ, những người sẽ đi đến già trong nay mai, nhưng già mà có giới, già mà có tư lương, già mà vui, không khổ, không lo âu sầu muộn. ■

Chú thích:

1. Kinh Pháp Cú, kệ số 333.
2. Kinh Các tài sản tóm tắt, Kinh Các tài sản rộng thuyết, Tăng Chi Bộ.
3. Kinh Sự kiện không thể có được, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh Hiền ngu, Trung Bộ.
5. Kinh Pháp Cú, kệ số 235, 237.
6. Kinh Pháp Cú, kệ số 155.
7. Kinh Hiền ngu, Trung Bộ.
8. Kinh Sự sợ hãi trong tương lai (2), Tăng Chi Bộ.
9. Kinh Ví dụ hòn núi, Tương Ưng Bộ.
10. Kinh Hai người, Tăng Chi Bộ.

Làm ăn sinh sống và sự nghiệp trong kinh *Pháp Hoa*

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Ở đời cần có việc làm, tài sản để sinh sống (tư sanh); nghề nghiệp vừa để kiếm tiền vừa để hoàn thiện nhân cách. Nghề nghiệp đó có thể là nông nghiệp, công nghiệp hay công nghệ thông tin.

Trong tám Chánh đạo, Chánh nghiệp (*việc làm chân chánh*), Chánh mạng (*nuôi thân mạng một cách chân chánh*) nói về vấn đề này. Đây là vấn đề then chốt của cuộc sống, vì không ở đâu trong vũ trụ này có sự sống mà không có công việc nuôi mạng sống.

Phẩm *Pháp sư công đức* của kinh *Pháp Hoa* nói:

“Dùng ý căn thanh tịnh ấy, nếu nói kinh sách thế gian, lời lẽ tri thế, tài sản sinh sống, nghề nghiệp... đều thuận Chánh pháp, đều cùng thật tướng chẳng trái nhau.

Dẫu chưa được trí huệ hoàn toàn thanh tịnh mà ý căn thanh tịnh như thế thì người đó có suy nghĩ, tính toán, nói năng gì đều là Phật pháp, không gì là chẳng chân thật, đều là lời của các Phật trước đã nói trong kinh”.

Tóm lại, tất cả sự làm ăn sinh sống, tất cả nghề nghiệp sự nghiệp trong đời đều là thật tướng, “thật tướng của tất cả các pháp”. Thật tướng của tất cả các pháp, theo Đại thừa, là tánh Không và tánh Như. Tất cả hành động của thân, khẩu, tâm ý của đời sống hàng ngày, một khi đã chánh, đã đúng, đã tương ứng với thật tướng, thì đó chính là Phật pháp.

Điều kiện để thấy và để làm như vậy là “ý căn thanh tịnh”, hay nói rộng ra là “cái thấy biết” của kinh *Pháp Hoa*, điều đã được giảng trong suốt cuốn kinh. Cái thấy biết hay ý thức *Pháp Hoa* biến tất cả sự nghiệp thế gian thành thật tướng, biến tất cả sanh tử thành Niết-bàn.

Chúng ta hay nói Phật giáo là bất biến tùy duyên. Bất biến là cái thấy biết thật tướng của tất cả các pháp, và tùy duyên là tướng khác biệt của các pháp. Tùy duyên ở đây là hoặc nông nghiệp, hoặc công nghiệp, hoặc công nghệ thông tin. Tướng khác biệt của các ngành này đều nằm trong thật tướng của tất cả các pháp.

Kinh *Nhật tụng* nói, “Xứng tánh làm Phật sự”, khi xứng hợp với Phật tánh thì mọi việc làm trở thành Phật sự. Thế nên chúng ta thấy có những người như Bồ-tát Trì Địa: “*Thường ở nơi các con đường trọng yếu, bến đò, đất đai eo hẹp hiểm trở có thể làm hư hại ngựa xe, ông đều đắp bằng, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát; hoặc ở nơi chợ búa có người cần mang đồ vật gì thì*

mang giùm mà không lấy tiền” (kinh *Lăng Nghiêm*). Khi gặp Phật Tỳ-xá-phù, được dạy: “*Hãy bình tâm địa thì tất cả đất đai trong thế giới đều bằng*”, nhờ đó mà vị này chứng ngộ được thật tướng của địa đại, cũng là thật tướng của tất cả các pháp, hay pháp tánh.

Những phẩm cuối của kinh *Pháp Hoa* nói về những hạnh Bồ-tát tương ứng với thật tướng hay pháp tánh. Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng về cây thuốc (phẩm *Dược Vương Bồ-tát bốn sự*, thứ 23); Bồ-tát Diệu Âm “dùng âm nhạc cúng dường” (phẩm *Diệu Âm Bồ-tát*, thứ 24); Bồ-tát Quán Thế Âm nghe tiếng kêu khổ của chúng sanh (phẩm *Phổ môn*, thứ 25); Bồ-tát Diệu Trang Nghiêm Vương trị thế và quản lý gia đình (phẩm *Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự*, thứ 27). Qua đó chúng ta có thể thấy “tất cả các pháp đều là Phật pháp”.

Tất cả mọi hành động thân khẩu ý của chúng ta, mọi công việc mưu sinh và làm lợi ích về vật chất và tinh thần cho người khác, đóng góp vào sự tiến bộ của thế giới, đều không thể ra ngoài Như Lai tạng hay Phật tánh.

Một hành động nhỏ nhất, gần như vô ý thức, đều chạm đến thật tướng của tất cả các pháp, là Phật tánh:

*Nhẫn đến trẻ con chơi
Nhóm cát thành tháp Phật
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo.
Nếu người tâm tán loạn
Cúng dường nơi tranh tượng
Nhẫn đến đưa một tay
Hoặc lại hơi cúi đầu
Dùng đây cúng dường tượng
Lần thấy vô lượng Phật.*

(phẩm *Phương tiện*, thứ 2)

Tất cả hành động, nói năng, ý nghĩ của tất cả chúng sanh đều có nền tảng là Phật tánh, phát khởi từ Phật tánh, hiện hữu trong Phật tánh và chấm dứt trong Phật tánh. Tất cả mọi hành động của thân, khẩu, ý đều từ đất tâm vốn chính là Phật tánh mà lưu xuất. Đây là cái thấy biết của giải thoát và giác ngộ mà chúng ta cần học trong kinh. Cái thấy biết này lật ngược sanh tử thành Niết-bàn.

Điều này được nói trong phẩm *Tùng địa dũng xuất*, từ đất vọt lên. Các vị Bồ-tát của hành động (hạnh) mà



đứng đầu là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh từ dưới đất, tức nền tảng Phật tánh, vọt lên để làm việc Phật ở cõi Ta-bà này. Để hành động, công việc được cao đẹp (Thượng), rộng khắp (Vô Biên), trong sạch vì không có chủ thể đối tượng, ta người làm nhiệm vụ (Tịnh), và có ý nghĩa vững vàng (An Lập), điều căn bản là phải hiểu biết đất tâm Phật tánh vốn luôn luôn có sẵn nơi mỗi người. Từ nền tảng Phật tánh này mới có các hành động “từ đất vọt lên” để cùng thật tướng chẳng trái nhau.

“Tất cả các pháp đều là Phật pháp”, kinh *Pháp Hoa*, kinh *Kim Cương* và nhiều kinh khác nói như vậy. Tư sanh sự nghiệp, công việc xã hội (trị thế) đều là Phật pháp trong một cái thấy biết đúng (chánh tri kiến), trong tư duy đúng (chánh tư duy), trong hành động đúng (chánh nghiệp), trong lời nói đúng (chánh ngữ)... Đúng, tức là đều cùng thật tướng hay Phật tánh chẳng trái nhau.

Người thực hành đạo Phật không phải từ bỏ theo nghĩa đen là bỏ nghề nghiệp lên núi ở. Mà từ bỏ cái thấy sai, tư duy sai, hành động sai để có cái thấy biết đúng, hành động đúng. Thấy biết đúng là thấy biết tất cả mọi hành động của thân, khẩu, tâm ý đều từ đất tâm, từ nền tảng Phật tánh vọt lên, cho nên chúng có bản chất là Phật tánh, là “thật tướng của tất cả các pháp”. Hành động đúng là làm việc mà vẫn tương ứng với Phật tánh và thấy công việc là một cách biểu lộ của Phật tánh.

Chữ ba-la-mật trong sáu ba-la-mật có nghĩa là toàn thiện, giải thoát, đến bờ giác ngộ. Ba-la-mật là làm lợi ích cho mình cho người mà không lìa khỏi Phật tánh bình đẳng khắp tất cả. Mọi công việc đều làm trong Phật tánh thì chúng chính là biểu hiện của Phật tánh. Như tất cả mọi thứ đồ vật làm từ mỏ vàng thì đều có bản chất là vàng.

Trong quá trình Khai Thị Ngộ Nhập của kinh *Pháp Hoa*, ngộ là thấy được công việc đang làm có bản chất

Phật tánh, mà chúng ta thường gọi là Phật sự. Nhập là đi sâu vào cái bản chất ấy để chứng ngộ được “tư sanh sự nghiệp, trị thế đều là thật tướng, đều là Phật pháp”.

Do đó, trong Đại thừa, tư sanh sự nghiệp trị thế là một con đường đưa người ta đến “thật tướng của tất cả các pháp”, đến chỗ “đều là Phật pháp”. Cho nên, điều cần thiết là phải thấy thật tướng của tất cả các pháp, và rồi mọi công ăn việc làm đều được đưa vào thật tướng ấy để chúng trở thành Phật pháp.

Đây là con đường của Bồ-tát hạnh, ở trong thật tướng ấy mà dùng tất cả những phương tiện của thế gian để giúp đỡ và độ thoát cho người khác. Những phương tiện ấy trong mắt nhìn của một vị tu Bồ tát hạnh thì không là thế gian nữa mà là ‘thật tướng của tất cả các pháp’, của ‘tất cả các pháp đều là Phật pháp’. Như Bồ-tát cư sĩ Duy Ma Cật:

“Bấy giờ, trong thành phố lớn Tỳ-da-ly có một trưởng giả tên là Duy Ma Cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu căn lành, đắc Vô sanh nhẫn, biện tài vô ngại, thần thông du hý, khéo giỏi trí huệ ba-la-mật, thông đạt phương tiện, thành tựu đại nguyện, tâm đã thuần thực, quyết định Đại thừa...”

Tuy là cư sĩ mà phụng trì luật hạnh thanh tịnh của Sa-môn. Tuy ở tại gia mà chẳng vướng mắc ba cõi. Thị hiện có gia đình, quyến thuộc mà thường thích hạnh xa lìa. Tuy mặc đồ tốt đẹp mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân. Tuy có ăn uống mà lấy cái vui của Thiền làm mùi vị. Nếu đến nơi vui chơi cờ bạc thì dùng đó để độ người. Tuy thọ các pháp của đạo khác mà chẳng làm tổn hại chánh tín. Tuy rõ sách thế gian mà thường vui thích Phật pháp. Kính trọng mọi người, lấy đó làm tối cao trong sự cúng dường. Tất cả sự làm ăn đều tư hùn hợp dù được lợi lộc thế gian mà chẳng lấy đó làm thú vui. Dạo chơi nơi ngã tư đường mà làm lợi lạc cho chúng sanh. Vào pháp chánh trị mà cứu giúp tất cả. Vào chỗ giảng luận, dạy cho Đại thừa. Vào chỗ học đường khai trí cho người trẻ...” ■

Tất cả đều trống rỗng

GIL FRONSDAL
KHÁNH UYÊN dịch

Mushin là một trong những vị tu sĩ nổi bật ở tu viện. Niềm an lạc và nét vui tươi ở ngài khiến ai gặp ngài cũng đều cảm thấy phấn khởi. Dường như chẳng bao giờ ham muốn điều gì, ngài có một biệt tài là luôn luôn hiện diện đúng nơi đúng chỗ khi có ai đó cần sự giúp đỡ. Lúc nào ngài cũng chu đáo trong việc thực hiện nhiệm vụ của ngài là người quản lý tu viện và chưa bao giờ có ai thấy ngài phiền muộn vì bất kỳ việc gì. Một hôm, tôi hỏi ngài rằng đời sống ở tu viện có điều gì khó khăn không. Dưới đây là câu trả lời của ngài.

Trước khi vào tu viện, cuộc sống của tôi thật là khổ. Đến nỗi tôi đã từng nghĩ đến việc tự kết thúc cuộc sống trước những đau khổ quá lớn của đời tôi. Đối với tôi, tu viện là điểm tận cùng của con đường. Tôi thấy đó như là niềm hy vọng cuối cùng của mình. Lần đầu tiên đến tu viện, tôi được chính ngài tu viện trưởng tiếp chuyện một lúc lâu. Ngài hỏi tôi rất nhiều chuyện. Tôi kể ngài nghe những điều liên quan đến đời tôi mà trước đó tôi chưa từng hé lộ với bất kỳ ai. Vào cuối cuộc tiếp xúc, ngài chấp nhận cho tôi được ở lại tu viện. Khi chào từ biệt ngài, tôi có hỏi ngài về việc tôi nên thực hành những gì trong cuộc sống tu tập của mình. Vị tu viện trưởng già nua nhìn thẳng vào mặt tôi với một vẻ bí ẩn và sự tin tưởng, đến nỗi tôi nghĩ rằng ngài đang chuẩn bị nói cho tôi nghe một điều gì rất quan trọng. Nhưng tôi thật sự bối rối khi tất cả những gì ngài nói chỉ là, “Hãy luôn luôn bước trọn vẹn qua tất cả mọi khung cửa”.

Suốt thời gian còn lại của ngày hôm ấy, tôi tự hỏi không biết tôi có nghe đúng những gì vị tu viện trưởng nói hay không. Làm thế nào mà việc bước trọn vẹn qua mọi khung cửa lại là một lời khuyên hữu ích đối với một kẻ đang tuyệt vọng như tôi? Có thể vị tu sĩ già này đã bắt đầu lảm cẩm.

Nhưng ngay ngày hôm sau, trước sự ngạc nhiên của tôi, quả thật, những khung cửa của tu viện bắt đầu “trò chuyện” với tôi. Mỗi khi tôi đi qua một khung cửa, tôi đều nghe có tiếng thì thầm thật khẽ. Ban đầu, nghĩ rằng mình chỉ tưởng tượng nên tôi không chú ý lắm. Nhưng khi những tiếng thì thầm đó tiếp tục xuất hiện, tôi đã phải cố gắng để nghe xem những tiếng thì thầm ấy nói điều gì. Sau cùng, tôi đã có thể nghe rõ từng tiếng. Dường như mọi khung cửa đều nói lên cùng một câu, “Tất cả đều trống rỗng”.

Tôi hỏi các vị tu sĩ khác trong tu viện xem họ có nghe thấy những tiếng thì thầm nào không, nhưng chẳng ai nghe thấy gì cả. Tôi lại hỏi xem họ có hiểu được ý nghĩa của câu “tất cả đều trống rỗng” hay không thì họ chỉ nhún vai mỉm cười, như thể họ chẳng có một chút manh mối nào.

Rất nhanh, tôi khẳng định rằng những giọng nói ấy là sự nhắc nhở đối với tôi về cuộc sống mà tôi vừa bỏ lại đằng sau. Mọi tài sản của tôi, những điều tìm cầu không bao giờ hết mà tôi vẫn theo đuổi, sự khao khát cháy bỏng về việc được công nhận, và những mối quan hệ lãng nhăng không biết chán với nhiều người phụ nữ, tất cả những điều đó quả thật đều trống rỗng.

Lời thì thầm của những khung cửa dường như đang bảo đảm với tôi rằng tôi đã có một quyết định đúng khi bước chân vào tu viện. Những lời thì thầm đó nhắc nhở tôi rằng không có gì bên ngoài những bức tường tu viện còn giá trị để tôi theo đuổi.

Như vậy, ban đầu, những lời thì thầm ấy khiến tôi thấy hạnh phúc. Được thuyết phục rằng thế giới mà tôi đã bỏ lại sau lưng là nông cạn, tôi toàn tâm toàn ý lao mình vào những công việc thường ngày của tu viện. Vui sướng biết bao khi cuối cùng mình tìm được một cuộc sống có ý nghĩa! Nhưng, khi những khung cửa tiếp tục thì thầm câu nói, “tất cả đều trống rỗng”, tôi lần lần bắt đầu nghi ngờ chính cuộc sống trong tu viện của mình. Phải chăng chính cuộc sống này cũng là nông cạn, vô nghĩa? Thêm vào với sự băn khoăn của tôi, những lời thì thầm bắt đầu nghe rõ hơn.

Chẳng bao lâu, tôi lại cảm thấy thất vọng về chính cuộc sống trong tu viện, như tôi đã từng thất vọng về cuộc sống của tôi trước đó. Cố gắng tìm kiếm một điều gì đó có thể mang lại ý nghĩa cho đời sống của mình, tôi quyết định dành nhiều thời gian hơn cho việc thiền định; nhờ vậy, tôi lần lần phát triển được một cuộc sống nội tâm sâu sắc. Rõ ràng, việc theo đuổi những thành đạt tâm linh là điều có ý nghĩa.

Việc thực hành thiền định giúp tôi bớt thất vọng; và khi sự thực hành thiền định của tôi đạt tới mức độ miên mật hơn, tôi cảm thấy tràn đầy tự tin. Tôi bắt đầu cảm nhận được sự hạnh phúc đến mức hoàn toàn an nhiên, tự tại. Tôi đã tìm thấy được chìa khóa của hạnh phúc và tự thấy mình vượt qua nhiều vị tu sĩ khác trong tu viện về sự thánh thiện. Thế nhưng, mỗi khi rời thiền phòng, tôi lại nghe những khung cửa thủ thủ, “tất cả đều trống rỗng”.

Chỉ một thời gian ngắn, điều đó khiến tôi bắt đầu bứt rứt. Tôi đã trở nên ngày càng cáu kỉnh vì dường như cái giọng thủ thủ ấy cho rằng cái bản sắc mà tôi vừa mới tìm được cho mình với tư cách là một người có chứng đắc tâm linh sâu sắc cũng chỉ là trống rỗng. Khi sự giận dữ trong tôi trở nên quá mạnh mẽ đến nỗi không còn chịu đựng nổi, tôi đã buộc phải tự nhìn nhận rằng tâm tôi đã bị ô nhiễm bởi sự kiêu mạn; và ngay cả sự kiêu mạn ấy thật sự là trống rỗng.

Cho đến khi sự giận dữ ấy qua đi, tôi lại tiếp tục việc thực hành thiền định. Dù sao chẳng nữa, cũng chẳng có điều gì khác mang lại một chút ý nghĩa. Thế nhưng, đến lúc ấy thì cái giọng thủ thủ kia lại bắt đầu bình phẩm chính sự thực hành thiền định. Tôi lại tiếp tục nghe rõ câu, “tất cả đều trống rỗng”. Phải chăng câu nói ấy hàm ý ngay cả sự thiền định cũng không có ý nghĩa gì?

Sự thất vọng lại trở về trong tâm thức tôi, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Tôi cố gắng trốn trong liêu của mình để sẽ không phải đi qua bất kỳ một khung cửa nào. Khi nào có thể được, tôi tìm cách trèo qua cửa sổ. Trường

hợp bắt buộc phải đi qua một khung cửa, tôi cố gắng chạy thật nhanh để rời cái giọng thủ thủ kia càng sớm càng tốt. Nhưng những lúc ấy thì giọng thủ thủ kia lại trở thành tiếng rền rĩ. Khi tôi chạy vào đến phòng, câu nói “tất cả đều trống rỗng” vang lên đuổi theo tôi.

Trong suốt một thời gian dài, bất kỳ ý nghĩ nào tôi có trong đầu, bất kỳ ước vọng nào tôi đang trông chờ, bất kỳ cố gắng nào tôi đang thực hiện, tất cả đều bị tấn công bởi câu nói “tất cả đều trống rỗng” cứ đồng vọng khắp tu viện. Tôi không thể chịu đựng điều này thêm một chút nào nữa. Tôi chạy ra cổng trước của tu viện, định tìm một đỉnh núi cao nào đó leo lên rồi gieo mình xuống khoảng không. Nếu cuộc sống ngày càng khó khăn đến như vậy, thì việc tiếp tục đời sống như thế này còn có ý nghĩa gì?

Nhưng khi tôi đến được cổng tu viện, trước mặt tôi, những khung cửa lại lờ mờ hiện ra, rộng hoác! Tôi quá sợ đến nỗi không dám bước qua những khung cửa ấy. Tôi đứng chôn chân tại chỗ, toàn thân lạnh giá. Bỗng dưng tôi nhớ lại, ngày đầu tiên khi tôi được tiếp nhận vào tu viện, ngài tu viện trưởng đã bảo tôi, “Hãy luôn luôn bước trọn vẹn qua tất cả mọi khung cửa”. Ngay khi nghe lời dạy ấy, tôi đã thấy sao mà lời giáo huấn của ngài tu viện trưởng lại trống rỗng và vô nghĩa đến vậy. Thế mà bây giờ lời giáo huấn ấy lại thật vĩ đại. Mặc dù vậy, tôi cũng không thể nào có đủ can đảm bước qua cổng trước của tu viện.

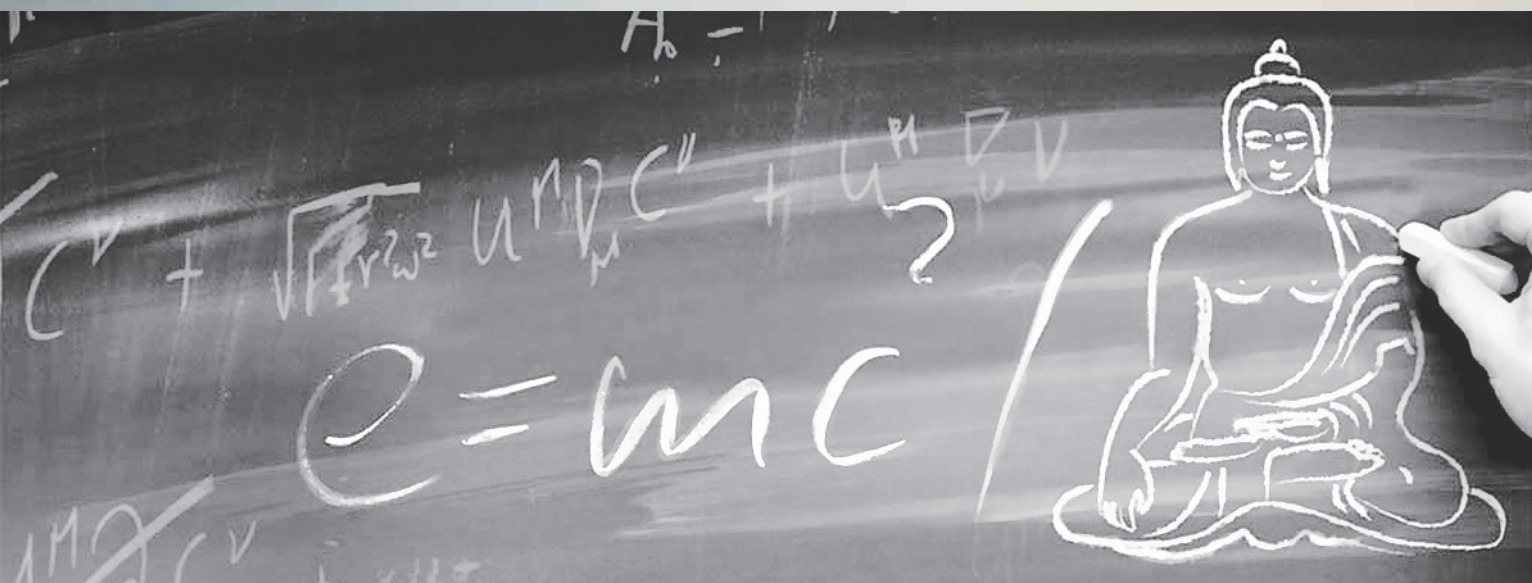
Trong đầu tôi, một giọng nói không ngớt nhắc đi nhắc lại, “tất cả đều trống rỗng”, “tất cả đều trống rỗng”... Tâm thức tôi đã không tìm được bất kỳ đối tượng nào để có thể nương tựa; vì mỗi khi tôi tìm thấy một điều gì đó thì câu nói kia lại nhắc bảo tôi rằng điều vừa tìm thấy cũng chỉ là trống rỗng. Tâm thức tôi càng lúc càng co rút lại, quay trở vào bên trong để tìm cách nương tựa vào chính nó. Nó tiếp tục tách rời khỏi mọi sự vật cho đến lúc điều còn lại chỉ là chính cái tâm thức đang run rẩy. Thế rồi, một lần cuối, cái giọng thủ thủ kia lại vang lên, “tất cả đều trống rỗng”. Ngay lúc ấy, tôi bỏ rơi luôn cái tâm thức của mình. Tôi chậm chậm quay người, bước vào tu viện trở lại.

Từ đấy, giọng thủ thủ kia hoàn toàn ngừng bật và tôi chẳng bao giờ còn băn khoăn đến ý nghĩa của bất kỳ việc gì. Tôi chẳng hề quan tâm đến sự thất vọng hay niềm hy vọng. May mắn thay, sự trống rỗng thấm đẫm tất cả mọi sự vật. ■

Nguồn:

It is all empty, Gil Fronsdal, insightmeditationcenter.org.

Gil Fronsdal tốt nghiệp tiến sĩ Phật học tại Stanford University và hiện là giáo thọ tại Insight Meditation Center thuộc Redwood City, California (Hoa Kỳ). Ông thực hành thiền Tào Động từ năm 1975 rồi trở thành một tu sĩ Nguyên thủy tại Myanmar. Ông được truyền giới bởi vị tu viện trưởng của Berkeley Zen Center.



Năng lượng tâm và nền văn minh tự hủy

NHUY NGUYỄN

Những nhà thờ đạo Thiên Chúa thường được xây cao lộng, để mỗi lần bước vào ta cảm giác mình nhỏ bé. Đây là triết lý tôn giáo chứ không đơn thuần sự phô diễn quyền năng siêu nhiên. Nếu ta ngược mắt nhìn trời, nhất là nhìn ra vũ trụ, thì tòa kiến trúc nhẵn nhụi con người vốn nhỏ bé kia thực còn khiêm tốn. Thời-không vũ trụ chứa hàng triệu triệu tỉ, hàng ức cho đến không máy móc nào đếm hết hằng sa số hành tinh như trái đất mới biết con người là một sinh thể gần như bằng không. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ, con người vốn siêu việt, chứa đầy đủ thông tin vũ trụ, câu thông với vũ trụ và do đó sự tồn tại của vũ trụ có liên đới trực tiếp với con người. Chân tướng tối thượng này mấy ngàn năm trước từ một người bình thường như bao người khác đã phát hiện thông qua sự giác ngộ toàn triệt - đó là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Cho đến khoảng ba mươi năm trở lại đây, ngành khoa học đi đầu trong các ngành khoa học - Vật lý lượng tử - đã phần nào nhìn ra, khiến cho lời Phật thêm phần chói sáng; chứng minh tuyệt đối kinh Phật chẳng những là triết học mà còn là nền khoa học tối cao.

Cũng đi đến một kết luận đặc biệt quan trọng: *Hễ ai nơi chỉ tin khoa học, không tin Phật giáo, người đó hoàn toàn chưa tiếp cận đến nền khoa học đỉnh cao đang dẫn mình về phía hư không đầy hấp dẫn.*

Từ sự nhìn thấu triệt chân tướng vũ trụ, Đức Phật thuyết lại không thêm bớt. Một khi các nhà thiên văn

học biết vũ trụ rộng lớn nhường nào, sẽ phần nào hiểu lẽ những ẩn nghĩa siêu hình trong kinh Phật. Siêu hình ở đây đơn giản bởi *siêu quá*, vượt khỏi lối kiến giải thông thường. Thử nghiệm câu kinh: "Sắc tức thị không". Sắc, hiểu thô là vật chất; đã vật chất sao lại không? Nói như giỡn chơi. Phải đến lúc khoa học phát triển, cùng với việc chia chẻ vật chất ra điện tử, trung tử, quang tử, lượng tử, chia mãi cho đến *hạt cơ bản*, mới hay vật chất đó chính xác là huyền tướng. So với các hạt Phật nêu như cực vi chi vi, lân hư trần v.v, khoa học hãy còn xa lắm. Câu kinh quen thuộc khác: "Một là tất cả". Thông thường một cộng một bằng hai. Bây giờ một lại gồm thâm tất cả, nghe thật buồn cười. Điểm này một học sinh tiểu học sẽ cùng ý nghĩ với phần lớn các người lớn bậc trí. Đến thời điểm giải Nobel *Lý thuyết toàn đồ*⁽¹⁾ thực chứng, chân lý này mới thoát khỏi nỗi ám ảnh siêu hình để đưa ra luận đề mới: Con người nhỏ bé với vũ trụ bao la có mối liên hệ mật thiết; mà theo Phật pháp vốn là *một thể* thông qua *sóng tâm*. Bản *Báo hiệu phụ mẫu trọng ân*, cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ Phật đã thấu rõ "thai mang một tháng mới như hạt sương rơi trên cỏ, tụ tán mong manh. Hai tháng mới như vầng sữa. Ba tháng mới như huyết động...". Đọc những bộ kinh khác thực sự tuôn trào cảm xúc, như chính được quay về bến bờ sau nghìn trùng lưu lạc. Những bộ kinh như *Vô Lượng Thọ*, *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *A-di-đà*, *Địa Tạng*, *Đại Bảo Tích*..., nghe qua tưởng như câu chuyện cổ tích bình thường, thần thoại, huyền hoặc nhưng nó tả về một cảnh

giới cao vợi, ngôn ngữ thế gian khó tường giải. Triết gia Pháp Michel Foucault (1926-1984), một trong “tứ trụ” của chủ nghĩa hậu cấu trúc (post-structuralism) nói rằng con người sáng tạo ra ngôn ngữ nhưng lại bị đóng khung trong cái nghĩa hạn hẹp của nó⁽²⁾. Cảnh giới chư Phật đưa ra thoát khỏi những định danh của ngôn ngữ, do vậy để hiểu đúng *nghĩa chân thật* phải từ trong ngộ tánh thông qua quá trình hành pháp miên mật. Chúng ta có thể bày ra mọi triết học, khoa học được xem tiến bộ nhất thế gian, sẽ thấy không gì ra ngoài Tam tạng kinh điển. Nhưng có một bí mật. Bí mật của toàn thể bí mật. Là, Phật pháp nằm trọn trong tâm mỗi con người nhỏ bé.

Nhiều khoa học gia hàng đầu trên thế giới chiêm nghiệm, trước khi vật chất hình thành nó nằm trong tâm trí chúng ta. Đức Phật lý giải vạn vật đều từ tâm tưởng sinh khởi, theo đó dầu là một hạt vật chất nhỏ nhất cũng hàm dung vũ trụ. Từ việc truy tìm vụ nổ Big Bang, khoa học cảm nghiệm nó không hề lớn như tưởng tượng, mà rất có thể nguyên khởi từ trên bề mặt của một sợi tóc. Điều này tương hợp với lý thuyết hiệu ứng cánh bướm⁽³⁾, với ngành khoa học sai số. Từ kết quả của sai số (như số π chẳng hạn), người ta bỗng thấy tổng hợp những sai số nối nhau kia dễ dàng gây ra một dư chấn thảm khốc. Phật giảng, Tâm mỗi người dung chứa sức mạnh toàn thể, và mỗi ý nghĩ đều loang đến vô tận. Trong thí dụ của kinh *A-hàm*, con chim lúc sà xuống đậu trên cây cao chót vót với con chim lúc sà xuống đậu trên nhánh cây thấp trệt, thì bóng của nó tiếp cận mặt đất đồng nhau. Chúng tỏ mỗi niệm của chúng ta xuyên thấu mọi hư không và do đó tác động đến vũ trụ. Thế nên Phật bảo trong các nghiệp chúng sanh gây ra, *ngiệp ý* là gốc rễ. Ta không đánh đập ai song những ý nghĩ sát, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn, nghi, sẽ là năng lượng *đen* trước hết bao vây lấy mình rồi ảnh hưởng trực tiếp đến từ trường, đến thứ năng lượng sạch ở mọi pháp giới, chiêu cảm thiên tai. Phát loại ý nghĩ xấu ác, là đang xây “ngục” cho chính mình. Ý nghĩ có mức thu hút thứ cùng loại vô cùng lợi hại, (ở mức thấp có thể so với khoa học *Luật hấp dẫn*). Trong nhà bạn nếu bài bạc, sẽ tự động hút những người mê trò này tụ đến; còn bạn dầu lặng lẽ tụng kinh, cũng sẽ tự động thu hút những Phật tử quanh đó. Bạn nghĩ xấu, nó chiêu cảm những ý nghĩ xấu sẵn giữa không trung xoáy vào tâm; nghĩ thiện thì ngược lại. Xưa nay rất nhiều người hành trì pháp niệm Phật, niệm chú, tụng trì kinh điển, tạo nên nguồn năng lượng tịnh khiết. Bạn niệm Phật ở bất cứ thời điểm nào cũng là mở cánh cửa Tâm để nguồn năng lượng đó ủa vào. Làm phát sinh trí tuệ. Ở mức thấp khoa học cũng kết luận trí tuệ khởi nguồn từ lòng từ bi, ái mẫn, kham nhẫn tận hiến vì người. Phật pháp đưa ra phương pháp *chế tâm nhất xứ*; như ta thấp bóng đèn hàng ngàn watt, dầu sao cũng là sự sáng, còn gom vào một điểm lượng sáng đó sẽ xuyên cả sắt thép. Nó khác với sự tích lũy tri thức thế gian. Đọc càng nhiều học càng nhiều, đa phần là sự cóp nhặt thông tin; một thiền sư gọi là kiến

thức ao hồ (không phải loại kiến thức lòng giếng), rồi ta sử dụng nó theo một chiều hướng gọi là *phản ứng* trở ra từ những kinh nghiệm. Khoa học đưa ra danh từ *reaction*, kết hợp giữa repeat, và action. Thấy ai có biểu hiện về tinh thần và thể chất giống với cái ta lưu trong đầu, liền mang ra gán ghép họ vào đó. Điều này hết sức tệ hại đối với việc ta không biết gì lại phán cho người mắc căn bệnh ấy bệnh kia; mà theo Tâm lý học hiện đại và Duy thức học Phật giáo cùng với Luật xung động, ta dễ biến từ *không* [bệnh], thành *có*⁽⁴⁾. Sức mạnh của nguồn năng lượng sạch có sẵn mọi nơi mọi lúc, mỗi người đều có thể sử dụng một khi tâm không vọng động. Sự ngáng trở Tâm nổi mạng với vũ trụ chính là vọng tưởng, hiểu đơn giản là *ngĩ* và *tuởng*. Bạn hãy nhắm mắt tự răn mình không nghĩ gì sất, sẽ thấy trong đầu là dòng sông cuộn cuộn ý nghĩ. Dừng hẳn nghĩ tưởng, tâm trở về trong lặng như tờ giấy trắng là ước vọng mà triết học đỉnh cao đã chạm tới. Triết gia Đức Edmund Husserl (1859-1938) đưa ra ba giai đoạn để đạt được yếu tính thuần túy của sự vật: (1) giảm trừ triết học hiểu như là hoài nghi, gạt bỏ tất cả những gì chúng ta đã học, đã biết từ sách vở, truyền thống, tập tục, lối sống...; (2) giảm trừ bản chất, nghĩa là đóng ngoặc mọi hiện tượng (khoan vội phán đoán quy kết định danh), tiến hành tìm lại kinh nghiệm ban sơ như lúc đầu ta bắt gặp thế giới, đến giai đoạn này điều quan trọng là ta phải biết gạt bỏ “thiên kiến thế giới”; (3) giảm trừ hiện tượng học, nghĩa là kiến tạo lại thế giới một cách ngây thơ sau khi đã giảm trừ toàn bộ hiện tượng để tiến đến bản chất do chủ thể cấp cho sự vật, ở đây phát sinh một điều mà Husserl gọi là tương đồng tính là năng tri (noema) và sở tri (noesis). Sự ngây thơ ở đây chính là tờ giấy trắng của Tâm; cũng là Đạo mà Lão Tử đã thâm nhập. Với triết học đó là mong ước rất xa vời. Trong nhà Phật, tờ giấy trắng chính là Tâm tịch mặc; từ đây “sinh ra vạn pháp” như cách nhìn của thiền sư Huệ Năng lúc *kiến tánh*. Tâm ấy cũng là tấm gương soi chiếu vũ trụ *mười pháp giới*.

Bậc thức giả lỗi lạc Friedrich Nietzsche (1844-1900) nhận định: Phật giáo là tương lai của nhân loại được nêu ra trong tác phẩm *Kẻ chống Chúa* (còn được biết đến với tên *Kẻ phản Ki-tô*). Với *cái búa* trong tay, ông muốn tạo ra hệ giá trị mới gần như chống lại *tín điều* ngáng trở tầm nhìn của con người về vũ trụ. Từ khoa học nhìn về tôn giáo, Albert Einstein càng thấy rõ Phật giáo là khoa học của vũ trụ bởi sự hoàn thiện cả hai mặt tự nhiên và tâm linh. Qua thuyết Tương đối, ông chứng minh tuổi thọ con người tùy thuộc vào không gian. Thí nghiệm hai người cùng tuổi, một người vẫn sống dưới đất, người kia du hành trên trời, sau mấy năm hai người gặp lại, người sống ở trên trời trẻ măng còn người kia thì già nua. Chưa nói đến cảnh giới Cực Lạc được Phật Thích-ca giới thiệu trong kinh *A-di-đà*, *Vô Lượng Thọ* siêu vượt 28 tầng trời⁽⁵⁾, câu chuyện dân gian thường kể về người lên trời ba ngày lúc trở lại trần gian đã không còn tìm thấy người thân bởi đã ba trăm năm trôi qua, thực sự có căn cứ khoa học⁽⁶⁾.

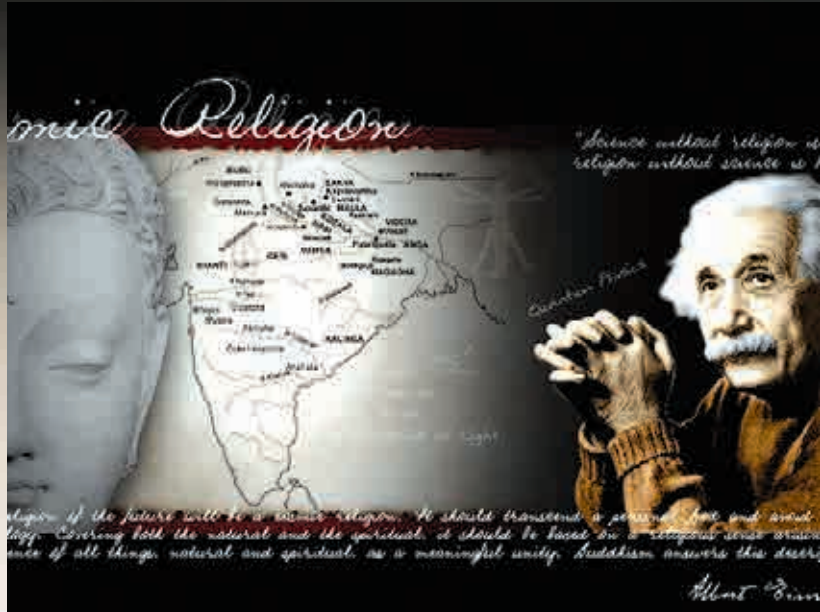
Qua lý thuyết Hồi quy vĩnh cửu (eternal recurrence), Nietzsche thừa nhận sự thay đổi và tuần hoàn của vạn vật chứ không hề mất đi. Điều này là những “phác thảo” về thuyết Luân hồi trong kinh Phật. Khoa học đã tiến rất xa so với bộ máy công kênh lạch của xã hội vật chất. Nhiều báo cáo uy tín trên thế giới bảo vệ mỹ mãn thuyết con người chết vốn như lật giờ sang trang, theo nghiệp mà tái sinh trong một kiếp khác. Thí nghiệm trong phòng cấp cứu những bệnh viện lớn về với hàng trăm trường hợp chết lâm sàng, lúc sống lại họ đã kể về việc thấy xác mình nằm dưới như thế nào, thấy lại người thân đã qua đời, thấy vô vàn hồn ma tàn ác bao vây đòi nợ báo oán, thấy thần linh...⁽⁷⁾ “Thời khắc tử vong” tạo nên những “ấn tượng thiên đường” sâu đậm, tạo nên một thế giới lộng lẫy của sự sống đằng sau cuộc chuyển kiếp bi hùng. Báo cáo khoa học thực nghiệm của Giáo sư Stephenson, ông đã miệt mài trong hơn 40 năm chứng minh luân hồi có thật qua việc thu thập lượng bằng chứng khổng lồ và nghiên cứu tường tận với 3.000 trường hợp rất *điển hình*. Qua đây ông từng được giới khoa học mệnh danh là “Galileo Galilei của thế kỷ XX”. Để thấy về thuyết *đầu thai chuyển kiếp*, xét ở góc độ khoa học, rất ráo rả mà nói, đã được chứng minh quá rõ ràng, đã hoàn thành đã xếp lại rồi. Vấn đề là ta không quan tâm không muốn chạm đến, bởi vẫn nghĩ “chúng nó” không liên quan đến cuộc sống của mình. Vũ trụ rộng lớn ngoài kia không mấy may liên quan đến sự nghiệp và vận mạng của mình.

Gần đây có phát hiện chấn động giới khoa học về *sóng hấp dẫn* (gravitational wave) cách trái đất 1,3 tỉ năm ánh sáng⁽⁸⁾. Trong kinh Phật chẳng có gì lạ lắm, bởi sóng ấy ở ngay cạnh mỗi người từ vô thủy, chỉ là khoa học chưa thể chứng minh đó thôi. Lúc ta nghĩ về một người thân trong xóm so với nghĩ về một người thân cư trú ở nước ngoài đều thông đến nhanh tương đồng. Đệ tử Phật môn, hễ vừa khởi tâm động niệm đã biết niệm kia châu biến khắp vũ trụ rồi, và vũ trụ cũng đã “hồi âm” về chính họ vô vàn những niệm tương đồng. Luận từ *Bồ-tát xứ thai kinh*, một niệm xuất ra ước khoảng 1 ngàn 6 trăm triệu phần của giây. Khoa học nếu chế ra loại đồng hồ chia một giây thành tỉ tỉ phần, mới cảm được không gian là zero. Điều khả dĩ, khoa học đã tìm ra mối liên hệ mật thiết giữa mỗi cá nhân với vũ trụ thông qua *sóng*. Dẫu khoa học còn chưa thể biết sóng này xuất phát từ Tâm, chứ không phải bộ não. Sóng Tâm. Quá trình mắt (6 căn *căn* (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) nhìn thấy một vật (tiếp xúc với *trần* (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), được đưa vào sâu trong thức thứ 8 *a-lai-da* so sánh với những thứ lưu sẵn từ kiếp này hoặc tiền kiếp rồi sanh khởi tâm thích hay ghét mới dội ngược lên não (thời gian trong khoảng 1 phần tỉ giây). Đòi hỏi người tu phải thâm nhập cảnh giới cao diệu [của Thiền] mới cảm thọ nổi. Chẳng hạn khoa học chứng minh có một cõi sau cái chết, con người thoát xác vẫn còn đó, nhưng khoa học không nhìn thấy. Rồi tương lai khoa học nếu bảo vệ thành công có tồn tại các cõi Quỷ, Địa ngục, Trời chẳng nữa,

cũng không thể nhìn thấy chúng sinh ở mỗi cõi đó. Chỉ trừ những bậc đặc đạo. Sự nhìn thấy này chính là Tâm trong veo như gương, và các cảnh giới tự hiện trong đó. Mỗi người vốn có tính chất của một dạng *ăng-ten* thu và phát sóng không ngừng. Ai không nhận được là do tâm *vọng*. Việc bậc tu hành chứng ở quả vị đầu tiên rồi quả thứ hai Tứ đà hàm có *Tha tâm thông*, biết được ý nghĩ của bất cứ người nào trên thế gian, là sự thể không quá xa vời trong hạn hữu cái biết của Lượng tử học. Ở công trình Nước kết tinh của Tiến sĩ Emoto đã cho thấy ý nghĩ của con người tác động đến vạn sự vạn vật⁽⁹⁾ chỉ trong sát-na. Thuyết bất định (uncertainty principle) của Heisenberg cho rằng cùng một lúc không thể xác định đồng thời vị trí và vận tốc của một điện tử hay lượng tử; xác định cái này thì cái kia trở nên bất định và ngược lại, bởi do tác động chủ quan từ đối tượng thí nghiệm (như dụng cụ đo, phép tính, xử lý số liệu, ...). Sự tác động ở đây nếu hiểu rộng là do tác động của ý từ Tâm mỗi người. Vật lý lượng tử xem ý cũng là dạng “hạt siêu vị trí”, một khi vật được tác động bởi ý sẽ đổi khác và đặc biệt tạo nên “sự dao động toàn phần”. Từ những hành vi thường tình mà xét, chưa bàn đến sự gây rối xã hội thông qua *thân* và *khẩu*, ai hàng ngày với ý nghĩ thuần thiện chính họ là “*điều hảo nhân*”, góp phần hài hòa thế giới. Ở đây xin dừng lại để cúi lạy các bậc xuất gia tu hành chân mật. Chính họ, nhờ việc *nhất tâm* hành trì kinh giáo phát ra năng lượng tịnh khiết cùng với lực gia trì của chư Phật và Bồ-tát đã giữ cho trái đất được trường tồn, giữ cho phước mạng mỗi con người không phân biệt bản tánh ra sao. Chúng ta khỏe mạnh hạnh phúc tưởng nhờ chính phước mạng của mình âu là sự thật quá đỗi lắm mè. Chúng ta không hiểu nên không khởi lòng tri ân ấy là lỗi lỗi quá chừng. Ai với ý nghĩ ác (tham, sân, si, mạn, hay đơn giản là vượt khỏi Thập thiện Ngũ giới) là góp phần phá hoại thế giới. A truy đuổi B, không thấy B nhưng thấy xe của B liền thả sức đập phá; tức A đang xả vào không gian một nguồn nhiệt lượng ác loang mãi và đến một ngày sẽ trở về với chính A. Hoặc, Y trả thù nên tới tấp vào Z; việc hại người này nhiều khi tội không lớn bằng lượng từ trường sân giận Y phóng vào vũ trụ. Hay đó là việc một người chỉ ở trong nhà (xem như vô hại), song luôn luôn thù hận hận học hoặc xem đối trự trên internet dấy nên vô vàn ý nghĩ độc hại... Thử cho một giọt mực vào bể, không cần tác động, hãy để yên như vậy sáng mai ta sẽ thấy giọt mực kia hòa khắp cùng nước trong bể. Lại hỏi nước biết giận hờn chẳng? Câu trả lời từ khoa học là “Yes”. Kinh *Hoa Nghiêm*: “Tinh dữ vô tình đồng viên chung trí”⁽¹⁰⁾. Nước hiểu sâu sắc ý nghĩ con người. Loại năng lượng xấu ác từ nhân tâm đang ngày càng gia tăng, đồng nghĩa với việc nước trong đại dương sông bể ngày một giận dữ. Nhân đã có, một khi vướng duyên của gió sẽ tạo quả, cơn giận của nước bùng lên thành sóng thần. Động đất, thiên tai địch họa xét đến cùng cũng từ nguyên lý này. Ai chú các nhà khoa học tiến bộ thì tin, vì họ đã trải nghiệm và đã “mãn nguyện” lý thuyết này.

Con người có thể bay lượn, biến hóa như chàng Ngộ Không? Trong Phật pháp, đây là sự thường. Vấn đề ở chỗ vọng niệm trùng trùng. Lưu một kỷ niệm, nó nằm đó mãi, bởi ta mê, luôn muốn bộ não chiếu lại nhấm nháp. Không cách gì xóa. Khoa học phát triển tới đâu cũng không giải quyết nổi vấn đề này. Bởi vọng chỉ được đẩy lùi thông qua việc chọn một Pháp môn trong nhà Phật quán sát tâm thời thời khắc khắc, gần như buông bỏ vạn duyên mới mong tiếp nhập cảnh giới phi phạm. Ta mê tài - danh - sắc - thực - thù, bị dục lồi kéo bởi ký ức quá đậm. Sao ta mong Tết, trong lúc tháng năm vẫn nhẹ nhàng trôi; chính bởi tàng thức khắc lưu những hoa hòe, anh em xa gần hội ngộ, ta lưu hình ảnh bữa cơm tất niên, lộc lì xì, ta lưu giữ những bài hát về mùa xuân và phút giao thừa “thiên thanh liêng”, ta lưu giữ bông lộc và tiền thưởng hậu hĩnh. Chúng đều là nhiên liệu nghiệp thức phóng linh hồn vào vòng luân hồi kiếp tới. Tưởng?! Tưởng đến niềm vui nhưng không có trước mặt, liệu có phải khổ? Tưởng đến nỗi buồn liệu nỗi buồn có với hay nhân lên gấp bội? Những câu hỏi luôn có đáp số rõ ràng nhưng ta vẫn thiêu thân lao theo. Người vợ mắt chồng đang tuổi xuân thì ngày đêm chiếu lại những thước phim quá khứ; xem đến hao kiệt nguồn sống, phát bệnh rồi tự kết thúc vận mạng. Chính những lúc tâm chao lộn về những thời gian vàng phủ bụi hay ngược về tưởng cảnh người chồng bỗng làm cuộc trở về trong tưởng tượng, là thân đang ngồi lại với một hiện tại bạc nhược ươn hèn. Khoa học cảnh báo tưởng về quá khứ là ném sức mạnh về quá khứ, tưởng về tương lai là ném sức mạnh về tương lai. Quả thật, diệu lý. Cái này nếu đem kiến giải thông thường thì đến Phật cũng oan! Rất nhiều bậc đạt đến trình độ giảng bất cứ bản kinh nào với lượng thông tin mênh mang như biển cũng không cần suy nghĩ, không cần chuẩn bị mảy may. Là quả vị Vô học siêu phàm. Thiên tông luôn khuyên nhắc hành giả phải an trú trong hiện tại, hiện tại của từng giây, từng sát-na sanh diệt. Tịnh tông khuyến tấn đặt câu Phật hiệu trong tâm không gián đoạn. Sông đời luôn cuộn xoáy. Ta lao theo vọng tưởng là buông thả cùng luân hồi. Nam-mô A-di-đà Phật. Câu này ai không thực tu mà cầm cũng bằng *mê tín*, rất tầm thường; ai hạ thủ công phu thực hành là cứu cánh tối thượng. Ý nghĩ hình ảnh vừa khởi, ta vin chặt lấy cái phao này sẽ phác lộ một tương lai an lạc vô biên ngay giữa trần lao.

Khoa học thực nghiệm, nếu hút hết cái không trong mỗi người thì lượng vật chất còn lại chỉ bằng một hạt bụi. Nhưng cái file chứa lượng thông tin khổng lồ trong quá trình sống lại vĩnh hằng. Chẳng hạn tương lai dữ liệu cá nhân không cần lưu trong vi tính trong các ổ đĩa nữa, mà lưu trong *box đám mây*, không cần mang theo bất cứ gì ta cũng lấy được chúng. Với ngành Vật lý, chỉ nói đến hạt trung tử thôi, nó đã tự tại phiêu du không chướng ngại xuyên qua tấm sắt dày hàng vạn km. Một cục sắt? Nó đâu phải vật chất, nó là sự hội tụ của hàng tỉ tỉ các hạt - đơn giản thế thôi. Có vậy các đệ tử Phật tu ở mức đưa



được tâm về *không* mới xuyên tường tự tại như chính họ là “hạt của Chúa”. Sự tiến bộ của khoa học, nhìn từ Phật pháp, quả vạn lần bội phục. Người ta có thể chụp gen của một người, rồi bằng công nghệ in 3D phun ra (như kiểu in phun lên giấy) bức tượng y hệt. Thử nghiệm “xây” cây cầu nhỏ theo dạng chất liệu phun đôi khi mắt không nhìn thấy, đã hoàn mỹ. Tương lai những ngôi nhà hẳn cũng được xây dựng theo cách phun này; rồi những công nghệ kiểu “nhân bản vô tính” chẳng có gì lạ. Nhưng đó thực là hậu họa. Một khi không ngăn được việc “copy” những con người giống hệt bằng xương thịt nhưng với một tâm hồn vô cảm sẽ sớm tận diệt hành tinh xanh. Ngành khảo cổ học đã phát hiện, khoảng 6 vạn năm trước từng tồn tại đế chế Atlantic phát triển cao siêu đến độ phương tiện giao thông không tiếng động, lấy năng lượng sạch từ không trung nên cũng không ô nhiễm; con người thì đạt đến “sự hưởng thụ điên cuồng”. Kết quả là thảm họa bị nhấn chìm xuống đáy biển Đại Tây Dương. Trong Phật pháp cuộc sống giản đơn vẫn mang lại hạnh phúc viên mãn, ở đó giàu sang, danh vọng và sự hào nhoáng vật phẩm không mảy may liên quan. Một khi ai đó “phát tâm” hưởng thụ, là mở đầu cho chiến dịch tạo nghiệp (như nguồn điện năng đang cung cấp cho bóng đèn quả ốt bóng bị cấm thêm bàn ủi, lò sưởi), phước mạng tiêu hao ngồn ngộn khiến con đường dẫn đến tai nạn, đến bệnh viện và đến nghĩa trang ngắn hơn bao giờ hết. Tất thảy mọi tài sản ta có, cho đến sự bình an nói chung, đều nhờ Phước trong Mạng. Phước như dầu trong đèn, nhưng khác là ta không biết phước còn bao nhiêu, nên cứ đốt và không nghĩ đến việc tích phước chêm dầu. Liên tưởng đến tư tưởng “hãy tận tình hưởng thụ cuộc sống đi, ngày mai khó mà đoán trước” của người dân trong kinh thành La Mã cổ đại Pompeii vào năm 79 SCN. Nay các nhà khoa học tìm thấy nguyên nhân chính từ dòng chữ khắc trên vách tường với lời nhắc nhở về tội ác từ sự hưởng thụ lúc vật chất đã đến lúc đầy ứ.

Thời đại mà thế giới đang thu hẹp trên một mặt phẳng, việc khởi ý niệm của mỗi người thật sự quá lợi hại đối với sự an nguy của địa cầu. Chuyển vào thế giới mạng một mẩu tin xấu, nó dội nghiệp thức về tác giả (nhận phần trăm) cho đến khi mẩu tin đó vĩnh viễn biến khỏi

hành tinh. Những người có ảnh hưởng lớn đến số đông, từ lời nói đến hành vi, cho đến sản phẩm được truyền tải qua sách báo, băng đĩa, chẳng thể không suy ngẫm. Việc nhận diện ta với vũ trụ có mối liên hệ “huyết thống” thật sự quan trọng để cứu vãn thế giới bên bờ hủy diệt mau chóng. Tại những hội nghị hòa bình, đối phó thiên tai quốc tế lớn thời gian qua, nhiều khoa học gia không khuyên giải giáp vũ khí không khuyên chống chiến tranh, mà khuyên nhân loại mỗi người hãy ý thức việc bỏ ác hành thiện, đoạn chánh *tâm niệm*; thật sự là đang nhìn theo luồng ánh sáng chiếu từ “lỗ đen” của vũ trụ, thật sự đang nhìn theo cái nhìn Đức Phật trong ánh hào quang của từ bi vô lượng. ■

Chú thích:

⁽¹⁾ *Lý thuyết toàn đồ* hay còn được biết đến với tên gọi *Lý thuyết não bộ toàn ảnh* (the holonomic brain theory), được phát triển bởi khoa học gia thần kinh Karl Pribram trong một sự kết hợp với nhà vật lý lượng tử lừng danh David Bohm; lý thuyết là mô hình về sự nhận thức của con người qua việc mô tả não bộ như là một hệ thống liên mạng tích lũy mang tính toàn ảnh (holographic storage network). Ví dụ, cắt một tấm hình [chân dung] ra làm trăm mảnh, đưa bất cứ mảnh nào vào chiếc máy đặc biệt, vẫn thấy đầy đủ hình tướng của bức hình gốc ban đầu.

⁽²⁾ Michel Foucault: Nếu thử một lần tháo dỡ toàn bộ ngôn ngữ hiện có trên thế giới này thì nhân loại khi ấy chẳng còn lại gì cả. Còn với nhà triết học Pháp Jacques Derrida (1930 - 2004), cha đẻ của thuyết Giải kiến tạo (deconstructionism): Sự định danh luôn đánh mất những chân trời ý nghĩa của ngôn từ; khi một sự vật được định nghĩa như là một cái gì đó (ví dụ, trong từ điển) thì chính lúc ấy những cách hiểu khác cũng như những cách định nghĩa khác về nó sẽ bị khép lại và bỏ qua, sự định danh vô tình làm nghèo nàn đi tính biểu tượng của ngôn ngữ.

⁽³⁾ *Hiệu ứng cánh bướm* (butterfly effect) quan niệm rằng những nguyên nhân nhỏ, yếu hay không quan trọng lại có thể gây ra những kết quả to lớn. Trong lý thuyết hỗn độn (chaos theory), hiệu ứng cánh bướm là sự phụ thuộc về độ nhạy dựa trên những điều kiện ban đầu, ở đó, sự biến đổi rất nhỏ trong một trạng thái của hệ thống phi tuyến tính xác định cũng có thể mang lại kết quả trong những sự khác biệt to lớn nơi một trạng thái sau đó.

⁽⁴⁾ Lượng tử học cho rằng một sự vật sờ sờ trước mắt, ta cũng chỉ tiếp cận được với bản chất sự thật của nó rất hạn chế, thậm chí là một phần tử; rất khế lý Phật pháp. Đức Phật chỉ ra bởi phía sau mỗi hành động của mỗi chúng sanh là con tàu nghiệp lực sai khiến (oan gia trái chủ từ hữu hình như các loài vật hay người bị mình giết, phá thai, từ những ý nghĩ xấu tâm mình phóng ra, và do tập khí luân tự từ trong kiếp này và tiền kiếp). Chẳng hạn một vụ án đương sự đã thú nhận với đầy đủ tang chứng vật chứng, nhưng trường nghiệp lực sai khiến thôi thúc phạm nhân kia hành ác thì chỉ có bậc tu đạt *Thiên nhân thông* mới thấy. Theo đó mọi hành vi trong đời đều như một ngọn tháp vi đại sừng sững giữa trời với vô vàn mặt song ta chỉ thấy được một mặt hướng về phía mình mà thôi. Ta, thực không thể gọi là làm chủ được mình một khi Tâm chưa tu đến mức tịnh vắng; chẳng hạn ý muốn một cái gì đó nổi lên liên quan đến *ngũ dục lục trần*, liệu có cưỡng lại? rồi ý nghĩ ấy cứ dồn dập, chiêu cảm thêm năng lượng tương đồng sẽ đẩy ta đến hành động - là lộ

trình của *ngiệp* [karma] đi từ *nhân* tương tác với *duyên* tạo *quả*.

⁽⁵⁾ Vào giữa tháng 12 năm 1993, sau khi phi hành gia người Mỹ sửa chữa lại kính viễn vọng Hubble, vốn vện trong vài ngày liền xuất hiện kỳ tích, kính viễn vọng hướng về một chòm sao thiên thể xa xôi, kết quả là đã chụp lại được “Thế giới thiên quốc” tươi đẹp ở trong vũ trụ. Ngày 8 tháng 2 năm 1994, tuần báo tin tức thế giới đã lần lượt đăng tải bức ảnh này, đồng thời cũng báo cáo về phát hiện của Tiến sĩ Marcia Masson. [*Tiểu Thiện, dịch từ Renminbao; theo tinhhoa*]; Bức ảnh “Thế giới thiên quốc” hiện có trên internet.

⁽⁶⁾ Theo kinh Phật: Tuổi thọ thiên nhơn ở trời Tứ đại thiên vương là 500 năm (1 ngày đêm bằng 50 năm cõi hạ giới), tương đương với 9 triệu năm cõi người; ở trời kế tiếp Đao-lợi, một ngày một đêm bằng 100 năm ở cõi người, tuổi thọ trung bình là 1.000 tuổi; cứ thế tăng lên đến cõi trời Dạ-ma, Đâu suất, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại, v.v; đến tầng trời cao nhất Phi tướng phi phi tướng là tám vạn đại kiếp (mỗi *đại kiếp* tương đương với một lần trái đất thành - trụ - hoại - không); người ở cõi trời Phi tướng này sống hoàn toàn trong *định*, nhưng vẫn cứ hết phước hết thọ mạng lại chết lại đầu thai như thường luân hồi trong *lục đạo* (trời, người, a tu la, súc sanh, quỷ, địa ngục), chưa ra khỏi Tam giới, tức chưa chứng quả thánh đầu tiên Tu đà hoàn theo tầng bậc thuộc Nhị thừa; đến quả thánh thứ tư A-la-hán mới thoát nghiệp tử sinh; hoặc thù thắng hơn là những hành giả thuộc Tịnh tông tu niệm *A-di-đà Phật* đạt Nhất Tâm cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

⁽⁷⁾ Người ta đặt những vật trên những cái giá đỡ sát trần khoa Cấp cứu, được thay đổi thường xuyên, không ai có thể nhìn thấy, ngay bác sĩ ở đó cũng không được biết. Khi hỗn lìa xác thường ở dạng chân không nhẹ bằng, “họ” nâng dẳng lên và vô tình thấy những vật trên giá đỡ; sau này sống lại những người đó được phỏng vấn đã kể tường tận sự kiện bỗng nhiên thoát xác. Trong đời thường ở bất cứ quốc gia nào những chuyện tương tự đếm không xuể.

⁽⁸⁾ Ngày 14/9/2015, Đài quan sát sóng hấp dẫn giao thoa kế laser (LIGO) bắt được tín hiệu sóng hấp dẫn từ hai lỗ đen va chạm nhau cách Trái đất 1,3 tỉ năm ánh sáng.

⁽⁹⁾ Trong Thông điệp của nước, Tiến sĩ Masaru Emoto, Giám đốc Viện Hado ở Tokyo, Nhật Bản, đã trình bày những kết quả chụp ảnh có độ phân giải lớn từ những tinh thể nước với kích thước siêu nhỏ. Nghiên cứu được thực hiện: cho nước tiếp xúc với một tác nhân có ý thức như suy nghĩ, âm nhạc, ngôn ngữ, từ ngữ hay một yếu tố vật lý, (không gian không giới hạn, ví như đặt nước ở Mỹ nhưng tác động suy nghĩ xấu hay tốt của người ở Việt Nam) sau đó nhỏ giọt nước ra khay rồi đem bỏ vào tủ lạnh, hạ nhiệt độ xuống còn -5°C để nước kết tinh thành băng, sau đó nhanh chóng lấy ra và đặt dưới kính hiển vi có độ phân giải cao để chụp lại mẫu tinh thể của nước; phát thông tin xấu nó xấu như trái thối, phát thông tin tốt nó đẹp như kim cương, như hoa tuyết, với những câu như Nam-mô A-di-đà Phật, những câu chú như *Um ma ni bát di hồng* hay cho nước nghe kinh Phật thì kết tinh đẹp mỹ mãn.

⁽¹⁰⁾ Loài hữu tình (con người, động vật nói chung) và vô tình (thực vật, khoáng vật...) đều có chung một bản/tánh thể, đều có *kiến* (tánh thấy), *văn* (tánh nghe) *giác* (tánh nhận thông tin), *tri*... Đây vốn là [Pháp tánh] bản nhiên của muôn vật. Theo Đức Phật, chẳng phải riêng *nước* mà ngay cả sơn hà đại địa đều có thanh, sắc, hương, vị; đều là khởi từ *chúng* duyên hòa hợp mà *sanh* khởi (như con người) và đều có mối liên hệ với con người trong một trường sống nhất định.



Biết lắng nghe

VĨNH HANH THÁI CHÍ BÌNH

Biết lắng nghe là một kỹ năng sống vô cùng quan trọng đối với con người. Ông bà ta thường nói: “Để nhìn, ta có hai mắt; để nghe, ta có hai tai; nhưng để ăn để nói, ta cũng chỉ có một cái miệng”, có phần nhằm nhắc nhở chúng ta chú trọng đến việc biết lắng nghe.

1. Biết lắng nghe trong tu tập Phật pháp

Trong giáo lý nhà Phật, biết lắng nghe là nhiệm vụ của nhĩ thức, là cửa ngõ đi vào đạo: Nghe được pháp chân thật thì sẽ suy nghĩ đúng và hành động đúng; từ đó mang lại lợi ích an vui cho mình và cho mọi chúng sinh; ngược lại, sẽ mang đến nhiều khổ đau bất hạnh nối tiếp nhau trong vòng luân hồi sinh tử, trong nghiệp quả trả vay. Do đó, đối với người con Phật thì biết lắng nghe là một pháp khởi dụng trên bước đường tu học; tuy là bước khởi điểm, nhưng là một thành tựu vô cùng quan trọng cho hành trình “ngộ nhập Phật tri kiến”.

Từ lắng nghe đến ngộ nhập Phật tri kiến là cả một quá trình “hành thâm Bát nhã” mà chư Tổ sư, chư Bồ-tát đã trải qua, nhờ có tư lương trong việc đã thực hành miên mật các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định. Lắng nghe, suy nghĩ, hành trì thậm thâm là tánh biết của bậc thiện tri thức. Đó cũng là cửa bước vào giáo pháp vi diệu của Đức Phật, giúp cho chúng sanh có một pháp dược trị dứt căn bệnh thâm căn cố đế tham-sân-si đã lôi cuốn chúng sanh vào khổ đau sanh tử luân hồi. Suốt 45 năm liên tục sau khi chứng ngộ đạo tối thượng, Đức Phật đã tinh cần thuyết giảng cho chúng sanh hiểu rõ con đường giải thoát; trong quá trình đó, kinh sách cho thấy những đối tượng tiếp nhận lời thuyết giảng của Đức Phật luôn biết lắng nghe. Do đó, truyền thống thuyết giảng và biết lắng nghe trong Phật giáo đã luôn song hành từ buổi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên cho năm anh em ông A-nhã Kiều-trần-như, đến nay đã hơn 2.500 năm. Trong giai đoạn nhân loại đang bước vào thế kỷ XXI này, tuy việc truyền đạt giáo pháp của Đức Phật có được hỗ trợ bởi nhiều phương tiện truyền thông hiện đại, nhưng căn bản vẫn là Văn-Tư-Tu. Như vậy, biết lắng nghe vẫn là cách tiếp cận nhanh nhất, dễ dàng nhất để ngộ nhập Phật tri kiến.

Thật vậy, căn bệnh của chúng sanh thuộc tâm bệnh, nằm ở nội tâm của mỗi người. Mỗi người là một tiểu vũ trụ, nên sắc thái của tâm bệnh của từng người lại khác

nau về chủng loại cũng như về mức độ, do duyên nghiệp mà thành. Cho nên, tự mỗi chúng sanh cần xác định đúng bệnh của mình để dùng đúng thuốc, đúng liều trong “84.000 ngàn pháp môn, vốn là 84.000 lương dược” mà Đức Bổn sư đã bày ra. Muốn thế, mỗi người đều phải biết lắng nghe để thấy biết chân thật về cái thế giới ta-bà này - trong đó có con người - vốn là khổ, là giả tạm, là không, là vô tướng, là vô nguyên... để nhanh chóng xa lìa, không bám víu, không mong cầu. Nhờ biết lắng nghe, nhờ khéo nhớ nghĩ mà vững tâm bồ-đề, bước đi theo con đường Phật dạy, hướng tới một đời sống an lạc, thanh tịnh ngay trong cõi đời đầy phiền não này.

Để có thể thâm nhập và hành trì giáo pháp giải thoát, trong thời Đức Phật còn tại thế, mỗi khi được nghe những lời chỉ dạy của Đức Bổn sư, tất cả chúng sanh trong ba đường sáu cõi đều phát tâm thanh tịnh “cần cầu”; luôn tập trung thân khẩu ý, biết lắng nghe để “giải nghi”; sau đó, rất hoan hỷ “y giáo phụng hành”. Đây là ba giai đoạn của quá trình “khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến”. Tùy theo đối tượng và qui mô hội chúng mà Đức Bổn sư có nội dung và phương pháp “khai, thị” khác nhau. Ngài luôn luôn vì chúng sanh mà nói, mà dẫn dắt với lòng từ bi vô hạn, giúp cho tất cả đều vượt qua sông mê đến bến bờ giác ngộ. Từ người giảng nói cho đến người nghe đều một lòng tôn kính, thiết tha vì những điều được giảng nói là của báu, vi diệu, khó tìm thấy. Bấy giờ, giữa Đức Phật và đại chúng đã thiết lập được sự đồng cảm sâu sắc, xây dựng trên sự tương kính. Vì thế việc mô tả đạo tràng trang nghiêm, thanh tịnh, ngay cả có sự hiện diện của chư Thiên, chư Bồ-tát... chư Phật của mười phương... cũng là để làm gia tăng vị thế sự hiện diện của người nói, người nghe, nội dung nói và thái độ biết lắng nghe. Vì vậy mà có thể nói, trong quá trình trao truyền Chánh pháp của Đức Bổn sư, thái độ biết lắng nghe đã trở thành một nội dung văn hóa, luôn đồng hành trong mọi hoạt động tu học của người con Phật. Văn hóa biết lắng nghe hiển hiện càng rộng rãi trong đại chúng cũng đồng nghĩa với đạo Phật ngày càng xương minh; bởi, biết lắng nghe giáo pháp của bậc trí huệ nhân từ với lòng cần cầu tha thiết sẽ giúp chúng sanh một mặt hóa giải tất đổ, cống cao, ngã mạn, mặt khác xây dựng lòng khiêm cung, nhẫn nhục, bao dung để nhận ra mọi chúng sanh trong pháp giới hữu tình là một, không sai khác.



2. Biết lắng nghe trong cuộc sống gia đình

Văn hóa biết lắng nghe đòi hỏi ở mỗi người tinh thần biết tôn trọng và luôn quan tâm đến người khác; mình tự tôn trọng mình và tôn trọng người khác. Nếu biết lắng nghe thì trong gia đình, mọi thành viên đều tôn trọng và quan tâm lẫn nhau. Bình đẳng, thương yêu, chia sẻ, nâng đỡ nhau không có nghĩa là xóa bỏ sự tôn kính và lời đối với đấng sinh thành dưỡng dục, những người đã vì ta mà gánh chịu mọi duyên nghiệp, dù là duyên nghiệp dữ hay duyên nghiệp lành, với mong muốn tốt cùng là con cháu được nên người hữu ích cho gia đình và xã hội. Nếu trong một gia đình mà tinh thần biết lắng nghe được phát huy thì mọi thành viên trong gia đình ấy đều thông cảm nhau, thương yêu nhau, chia sẻ với nhau trong mọi hoàn

cảnh. Biết lắng nghe trong gia đình là biết xây dựng một không gian sống theo tinh thần đạo Phật với ba chuẩn mực: sự hiểu biết, lòng bi mẫn và tinh thần kham nhẫn để vươn lên. Để có được những thành tựu đó, mối quan hệ giữa các thành viên trong một gia đình phải được xây dựng trên cơ sở những giá trị tinh thần; theo đó, phải nhớ đến truyền thống văn hóa của dân tộc ta là lấy sự an lạc của mọi người làm mục tiêu tối hậu cho việc xây dựng gia đình và xã hội, cho dù có phải sống trong hoàn cảnh thiếu thốn, lam lũ.

Mối quan hệ này được xây dựng trên ba nội dung căn bản:

- Vị thế của mỗi người trong gia đình phải được xác lập trên nguyên tắc “chính danh định phận”. Mỗi người

là một tấm gương tốt cho nhau, mọi hành vi, lời nói, suy nghĩ đều được soi rọi bởi các chuẩn mực giới hạnh. “Nói một đàng, làm một nẻo” phải coi là tà hạnh, đáng phải xấu hổ. Người lớn không đúng phép thì làm sao dạy bảo con cháu chăm ngoan.

- Thành tâm, tương kính giữa người dạy bảo và người nghe lời dạy bảo. Trọng tâm của vấn đề là lòng tha thiết hướng về lời dạy bảo và điều được dạy bảo; nếu không thì chỉ còn là “đàn gảy tai trâu” hay “nước chảy lá môn” mà thôi.

- Cùng giúp đỡ nhau đạt tới sự thấy biết chân thật để xây dựng cuộc sống gia đình phù hợp với các chuẩn mực của luật pháp và hướng đến con đường Chánh pháp mà Đức Phật đã vì thương tưởng chúng sanh mà giảng nói.

Nếu được như thế, cuộc sống gia đình của mỗi chúng ta sẽ tránh được biết bao phiền não, lo âu, xung đột thậm chí khổ đau vô vọng.

3. Biết lắng nghe trong lãnh vực học đường

Môi trường học đường là nơi mà tinh thần biết lắng nghe cần được phát huy tối đa. Hiện nay, tuy việc giáo dục ở học đường đã được sự trợ giúp đắc lực của công nghệ truyền thông đa phương tiện, nhưng không vì thế mà sự truyền đạt bằng ngôn ngữ giảm đi tầm quan trọng. Vai trò vị trí của người giảng nói - người thầy - và người lắng nghe - người học trò - quyết định hiệu năng của hoạt động giáo dục. Điều này càng làm cho văn hóa biết lắng nghe có một giá trị nền tảng trong việc truyền thụ kiến thức.

Có ba yếu tố làm nên một buổi học, một buổi họp, một buổi nghe giảng đạt kết quả tốt đẹp, viên mãn:

- Người dạy (người điều hành buổi họp hay người giảng) và người nghe đã thiết lập được tinh thần biết lắng nghe trong một môi trường thanh khiết mà những giá trị tinh thần được đề cao.

- Nội dung truyền đạt được sự quan tâm, trân trọng của cả người giảng nói và người nghe.

- Vị thế của người giảng nói và người nghe là bình đẳng và tương kính.

Nếu được như thế, trong sinh hoạt, hội họp, học tập sẽ tránh được những trạng huống “thiếu văn hóa”, “ngỗ ngược”, “bạo lực học đường”... do không xác lập được tính “chính danh định phận”. Nếu thầy không ra thầy, trò không ra trò thì sự hỗn độn, ồn ào, mất trật tự trong lớp học, trong phòng họp, trong hội trường là điều tất yếu sẽ xảy ra. Trước hết, sự thất bại của hội trường, phòng họp hay lớp học biểu hiện sự thiếu sót văn hóa biết lắng nghe ở người nghe; nhưng trong một vài trường hợp, đó là sự yếu kém của người dạy, người giảng nói.

4. Biết lắng nghe trong môi trường xã hội

Môi trường xã hội là nơi dung chứa tất cả pháp tánh chúng sanh. Do đó việc hình thành và duy trì truyền

thống văn hóa của một cộng đồng dân tộc, trong đó có văn hóa biết lắng nghe, đòi hỏi ba yếu tố cơ bản:

- Biết bảo vệ và truyền thừa những giá trị tinh thần làm nổi lên những điều lành, điều thiện; ngăn ngừa những việc xấu ác.

Điều này thuộc vai trò của nhà cầm quyền thông qua việc quản lý luật pháp.

- Duy trì vững chắc mối quan hệ gắn bó trong hạt nhân gia đình làm nền tảng cho lòng biết ơn và tinh thần đùm bọc, bao dung, chia sẻ. Đây là vai trò của mỗi gia đình thông qua yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc.

- Thấy biết tầm quan trọng của thân phận làm người, trong sự liên đới nhân quả, duyên nghiệp, để biết quý trọng sinh mạng của nhau không cống cao ngã mạn, luôn biết kham nhẫn. Đây là vai trò của hệ thống giáo dục, gia đình, xã hội tác động đến từng cá nhân.

Để có được một xã hội biết lắng nghe nhau là cả một quá trình giáo dục của truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc, sự xây dựng thể chế chính trị trên nền tảng những giá trị cao đẹp của nhân cách làm người, và sự vun bồi của những giá trị tâm linh từ tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Nhờ vậy, mọi người trong xã hội biết lắng nghe nhau để xây dựng một đời sống thanh bình, an ổn. Đây là xã hội lấy dân làm gốc, mà ngay trong chế độ phong kiến cũng đã luôn nêu quan điểm: *“Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”*. Từ thiết chế chính trị đến cấu trúc đời sống cộng đồng xã hội là một quá trình tùy thuộc vào mức độ biết lắng nghe nhau giữa hệ thống chính trị với người dân trên cơ sở bình đẳng và sự tương kính. Biết lắng nghe nhau một cách trân trọng, thành kính mới thấy biết ý nguyện của nhau để cùng nhau xây dựng, phát triển đất nước bền vững. Cần nhấn mạnh rằng người lãnh đạo ở vị trí càng cao càng cần phải biết lắng nghe.

Lắng nghe và biết lắng nghe là hai tâm thái của một quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin. Trong đạo tràng của Đức Phật, không có một lời nào nhắc nhở đại chúng, trừ lời khuyên ban đầu của Đức Bổn sư khi chấp nhận lời thỉnh cầu của thánh chúng: *“... phải lắng nghe kỹ, khéo nghĩ nhớ lấy”*. Vì thế mà đạo tràng của Đức Phật được gọi là đạo tràng thanh tịnh, trang nghiêm; ở đó, người giảng nói và người nghe là một thể thống nhất, bình đẳng, tương kính. Chúng ta là người nghe, biết giữ im lặng, trật tự là tốt, nhưng đó chỉ là lắng nghe chứ chưa phải là biết lắng nghe, bởi còn phải nghe kỹ và phải khéo nghĩ nhớ lấy điều mình được nghe để soi rọi, điều chỉnh lại thân tâm của chính mình. Nếu trong mọi hành động, việc làm mà chúng ta biết lắng nghe nhau, để thấu hiểu, thấy biết chân thật những điều đang diễn ra chung quanh ta thì đây là nhân của những quả lành thiện dành cho nhau trong gia đình, ở học đường cũng như ngoài xã hội. ■



Thầy ơi, con đã hiểu...

NGUYỄN TỪ

“Thời gian hơn năm, sáu mươi năm trôi qua, mang theo hồi ức tuổi trẻ gắn bó với ngôi chùa thân yêu nơi quê nhà đến nay tôi vẫn không sao quên được”. Đó là những lời tâm sự của người anh cả của tôi, vốn thích văn thơ và có tấm lòng hoài cổ sâu sắc, nồng nàn đối với xóm làng, quê hương và những người thân yêu của mình.

Mời quý vị hãy lắng nghe tiếp tâm tình của anh - được ghi lại dưới đây - đối với ngôi chùa thân yêu nơi làng quê anh, cũng là của chúng tôi, các em của anh...

Thuở ấy, tôi học Trường Trung học Cần Thơ (College de CanTho), sau đổi lại là Trung học Phan Thanh Giản,

diện nội trú. Đạo đó nghỉ hè được ba tháng, tôi luôn mang rương đựng quần áo và vật dụng về nhà, ở quận Tân Châu thuộc An Giang bây giờ. Tôi được học bổng do học lực giỏi và cảnh nhà cũng không khá giả với đồng lương khiêm nhường của cha tôi là một giáo viên đông con. Là con chim đầu đàn của bảy đứa em, tôi phải ráng học để giữ được học bổng, tránh tốn hao cho cha mẹ trên bước đường đi học xa nhà.

Ba tháng nghỉ hè, cha tôi xếp cho tôi một thời dụng biểu nghiêm túc như sau: tháng đầu và tháng cuối nghỉ ngơi, đi du lịch, hoặc thăm bà con. Riêng tháng giữa, tức tháng thứ hai, thì phải học ôn một số bài năm trước và học thêm theo lối hàm thụ với giáo viên tận Sài Gòn (thấy ra bài, tôi làm xong gửi bài làm qua đường bưu điện để thầy sửa rồi hoàn lại, cứ thế mà học).

Nhà tôi đông em, lại chật chội, không có chỗ yên



tịnh để ngồi tập trung làm bài, nên tôi xin ba tôi mỗi ngày cho tôi vào một ngôi chùa cất ở giữa đồng rất hiu quạnh vì xa đường cái.

Trụ trì là một sư ông trạc 60 tuổi, quen biết gia đình tôi, là một vị chân tu từ tốn và có phẩm hạnh. Ông xếp cho tôi một góc có cửa ngang nhìn ra vườn rợp bóng cây dầu, cây sao cao ngất cùng một số cây bàng xòe tàng như những chiếc lọng xanh um, mát mẻ. Một chiếc bàn con bằng gỗ và một ghế đai. Thế là tôi có một chỗ ngồi học lý tưởng.

Mỗi ngày, tôi cắp sách lên chùa từ bảy giờ sáng, chào sư xong ra chánh điện lễ Phật rồi mới học. Vị sư xem tôi như con cháu nên bảo tôi ăn trưa với ông. Nhưng tôi có đem theo một gà-mên cơm và đồ ăn do mẹ tôi làm sẵn để ăn trưa. Xong, nghỉ một tiếng đồng hồ rồi học lại đến năm giờ chiều mới về. Chủ nhật nghỉ ở nhà.

Hồi ấy, tôi chỉ biết học chứ không hiểu gì về Phật giáo, ngoài việc ngày hai lần lễ Phật, khi đến chùa và lúc về nhà, thế thôi. Giờ rảnh, nhìn xem mấy tượng Phật và bức vẽ một ông râu rìa quấy trượng có treo chiếc giày đi trên sông nước; tò mò, tôi hỏi sư; thì người cho biết danh hiệu của các vị Phật và Bồ-tát như Đức Thích-ca Mâu-ni, ngài Quán Thế Âm, ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền... Còn vị có râu rậm là ngài Đạt-ma Tổ sư.

Sư thấy tôi có vẻ như muốn hiểu thêm về Phật giáo bèn ôn tồn bảo: *"Nếu con muốn học hỏi về giáo lý Phật-đà thì Chủ nhật con rảnh; lên đây một ngày; thầy sẽ sơ giảng về Phật pháp căn bản cho con hiểu; cũng có ích cho đời sống tâm linh của con đó"*.

Tôi chỉ vàng dạ... và rồi suốt một tháng rưỡi trôi qua, tôi chỉ đến chùa để học và làm bài của tôi mà thôi, không nhớ gì đến việc thầy hứa sẽ hướng dẫn tôi vào đường học đạo...

Bây giờ, tôi đã ở tuổi "cổ lai hy", ngồi nhớ lại thời gian nghỉ hè, đi học thêm ở chùa mà nghe bùi ngùi tắc dạ. Sư ông đã viên tịch, ngôi chùa không còn nữa.

Nơi đó nay là ruộng lúa mênh mông, những lượn sóng lúa như đùa giỡn với ngọn gió đồng. Vạn vật hoàn toàn đổi khác. Lời từ tốn nhỏ nhẹ của sư ông năm xưa hứa sẽ giảng về Phật pháp căn bản cho tôi nghe như còn văng vẳng bên tai, khiến tôi tự thấy như hối tiếc vì chưa được điểm phúc học đạo với người, để nay người đã vĩnh biệt ngàn thu, về với tứ đại. Kỷ niệm thời gian học tập ở chùa này, tôi không sao quên được; và hình bóng thầy trụ trì đức độ thương kính ấy cũng không thể nào nhạt phai trong tôi.

Sau này, lúc ra trường đi làm công chức, rồi rảnh tôi lấy kinh sách của ba tôi mua từ phổ thông đến cao cấp để xem và tìm hiểu thêm, và cũng để tạ lòng mong muốn truyền pháp đạo Phật của sư ông lúc xưa cho tôi để cho lòng được thanh thản, an vui. Qua đó, tôi được hiểu khá nhiều về Phật pháp: thế nào là thân Tứ đại, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, ảo kiến, cái ta... Tôi không còn nuối tiếc những mất còn, tang điển thương hải... Cái sinh tử tôi cũng xem thường mà hiểu rằng "nó" đang xảy ra từng sát-na tâm, rằng không có người chết mà chỉ có tiến trình của sự chết. Và việc mất còn ấy cũng không ra ngoài sự chi phối của định luật vô thường. Mọi sự là như vậy, như thị, như như... đơn giản mà thâm thúy, thanh cao.

Phải chăng đó là ý nghĩa bốn câu kệ của Hòa thượng Phước Hậu:

*Kinh điển lưu truyền tám vạn tư
Học hành không thiếu cũng không dư
Đến nay tính lại đã quên hết
Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như.*

Hiểu như thế, tôi đã tự nhủ lòng mình là: *"Thầy ơi, con đã hiểu..."*, nên đã trang bị phần nào cho cuộc hành trình về bến Giác ngày nào đó tiếp bước theo sư ông thương kính vậy!

Đoạn hồi ký ngắn ngủi của anh tôi đến đó là kết thúc. Giờ đây anh đã về nơi cõi vĩnh hằng. Để tỏ lòng nhớ thương anh vô vàn, tôi ghi lại đoạn hồi ký này và kính gửi hương linh anh. ■

Người nữ tu sĩ Phật giáo trong thế giới ngày nay

VENERABLE KARMA LEKSHE TSOMO
HOANG PHONG dịch

Sự hình thành và phát triển của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni

Dòng tu nữ giới của Phật giáo được thành lập khi bà Mahaprajapati xin Đức Phật cho phép người phụ nữ được gia nhập Tăng đoàn của Ngài. Dù lúc đầu còn do dự, Đức Phật cũng đã xác nhận rằng người phụ nữ hoàn toàn hội đủ khả năng thực hiện được quả mang lại từ con đường, và đạt được giác ngộ. Với sự chấp thuận của Đức Phật, Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni được thành lập khoảng năm hay sáu năm sau Tăng đoàn Tỳ-kheo. Dưới sự lãnh đạo khéo léo của bà Mahaprajapati, Tăng đoàn nữ giới phát triển nhanh chóng, hàng ngàn phụ nữ đã tinh khiết hóa được tâm thức, giải thoát mình ra khỏi khổ đau và chu kỳ sinh tử, đã trở thành A-la-hán. Kinh điển xưa có đưa ra một danh sách gồm nhiều vị trong số các nữ tu sĩ đầu tiên mà các sự chứng đắc của họ đã được chính Đức Phật công nhận, chẳng hạn như Ni sư Khema có trí tuệ siêu việt, Ni sư Dhammadinna có nhiều năng khiếu giảng dạy, Ni sư Nanda có nhiều kinh nghiệm về thiền định...

Đức Phật vạch ra con đường phát huy tâm linh mà tất cả mọi người, nam và nữ, đều có thể bước theo; và trên nguyên tắc, cả hai, nam cũng như nữ, đều có cùng khả năng đạt được sự giải thoát như nhau. Nhưng chế độ phụ hệ trong xã hội Ấn có thể là nguyên nhân khiến các tiêu chuẩn giới luật áp dụng cho tu sĩ nữ giới khác biệt hơn so với tu sĩ nam giới. Theo truyền thống thì bà Mahaprajapati phải tuân thủ thêm tám giới luật đặc biệt, bắt người Tỳ-kheo-ni (dù đã thọ đủ giới) phải lệ thuộc vào người Tỳ-kheo (đã thọ đủ giới). Trên dòng lịch sử phát triển của Ni giới, ngoài các giới luật áp dụng cho nam tu sĩ, người Tỳ-kheo-ni còn phải tuân thủ thêm khoảng 100 giới luật khác.

Tuy nhiên, trong cuộc sống thường nhật thì chư Ni tự quản lý Ni giới, quán xuyến mọi việc, tự chọn lựa xem những ai có thể được phép gia nhập Ni giới. Các nam tu sĩ chỉ tiếp xúc và cố vấn họ hai lần mỗi tháng, và phải luôn ở bên cạnh họ tại những nơi mà họ ẩn cư trong ba tháng vào mùa mưa, với mục đích bảo vệ họ. Ngoài ra thì các nữ tu sĩ sống hoàn toàn độc lập. Vào thời kỳ Đức Phật còn tại thế, người phụ nữ chọn cuộc sống tu hành không nhất thiết là vì mục đích mong cầu sự giải thoát tâm linh cho mình, mà còn là một phương tiện giải thoát

mình khỏi những sự trói buộc của gia đình, chẳng hạn như các thói tục thời bấy giờ bắt người phụ nữ phải tòng phục chồng, mẹ chồng, phải liên tục sinh con đẻ cái, đảm đương các công việc nội trợ chẳng bao giờ dứt.

Nhiều bằng chứng lịch sử cho thấy dòng tu của các nữ tu sĩ đã từng tồn tại và phát triển trong suốt mười lăm thế kỷ ở Ấn Độ. Vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch, con gái của hoàng đế A-dục là Sanghamitra được mời sang Tích Lan để trao giới cho Công chúa Anula và hàng trăm phụ nữ Tích Lan khác mong muốn được bước vào con đường tu hành. Bà Sanghamitra rời Ấn sang Tích Lan mang theo một chồi cây Bồ đề và đã thành lập Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni cho Tích Lan. Tăng đoàn của các nữ tu sĩ Tích Lan tồn tại ít nhất cũng phải đến thế kỷ thứ IX sau Tây lịch.

Truyền thống trao đủ giới cho các nữ tu sĩ trên đảo Tích Lan được truyền sang Trung Quốc vào thế kỷ thứ V sau Tây lịch, nhân dịp một Tỳ-kheo-ni tên là Devasara du hành sang Trung Quốc và lưu lại hai năm tại Nam Kinh. Năm 433 sau Tây lịch, bà cùng với đoàn tùy tùng đứng ra tổ chức lễ truyền giới cho vài trăm nữ tu sĩ Trung Quốc, đánh dấu sự hình thành của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni đầu tiên của nước này. Từ Trung Quốc, Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni này lại lan sang Triều Tiên, Đài Loan, và tiếp tục phát triển cho đến nay. Trong nhiều thập niên gần đây, các nữ tu sĩ Tích Lan và các nước khác bắt đầu tái lập các Tăng đoàn nữ giới theo truyền thống của xứ sở mình thời trước, nhờ vào sự truyền giới của các dòng truyền thừa Tỳ-kheo-ni còn tồn tại qua hàng bao thế kỷ tại các nước trên đây.

Tương tự như màu sắc của một cầu vồng

Cuộc sống của những người nữ tu sĩ Phật giáo ngày nay thật khác biệt nhau, tùy tông phái, xứ sở và từng tu viện, và cũng có thể là tùy theo từng người. Các nữ tu sĩ mặc áo với nhiều màu sắc khác nhau, nói nhiều thứ tiếng khác nhau, tu tập theo nhiều cách và sống theo nhiều lối sống khác nhau. Trong cuộc sống của họ chỉ có một điểm giống nhau là đều cạo tóc, khoác lên người chiếc áo của người tu hành và cùng tuân thủ một số giới luật giống nhau. Các giới luật áp dụng cho họ chủ yếu cũng là các giới luật chung cho tất cả những người Phật giáo là: không được sát sinh, trộm cắp, nói dối, tránh các hành vi tính dục bất chính, không được dùng các chất ma túy.

Điểm khác biệt duy nhất là đối với người tu tập tại gia là họ chỉ phải tránh các hành vi tính dục bất chính, trong khi đó thì người nữ tu sĩ phải thệ nguyện hoàn toàn tiết dục. Cuộc sống độc thân đó không phải chỉ có nghĩa là không được lập gia đình, mà cũng không được giao du thân mật, sự tự nguyện đó giải thoát họ khỏi mọi thứ ràng buộc trong bối cảnh gia đình.

Những người nữ tu sĩ Phật giáo ngày nay sống rải rác trên khắp thế giới, từ Campuchia đến Mông Cổ, từ Thụy Điển đến Tân Tây Lan. Tại các nước theo Phật giáo Theravada thì người nữ tu sĩ mặc áo trắng, cam hay nâu, trong các vùng Đông Á thì họ mặc áo màu lam, đen hay màu tím, tại các nơi theo Phật giáo Tây Tạng thì mặc áo màu nâu đỏ hoặc vàng. Họ nói nhiều thứ tiếng, từ các thổ ngữ của các bộ tộc đang có nguy cơ bị diệt chủng ở Bangladesh cho đến tiếng Anh hiện đại chen đầy tiếng lóng của dân Anh tại thủ đô Luân Đôn. Phương tiện sinh sống cũng khác nhau, các nữ tu sĩ Tích Lan ngày ngày khát thực khắp nơi trong nước, các nữ tu sĩ Đài Loan thì trường chay trong chùa. Một số nữ tu sĩ thệ nguyện suốt đời không chạm đến đồng tiền, một số khác thì làm năm bảy nghề, kể cả cho vay thế chấp. Một số chăm lo thiền định và ẩn cư, một số khác thì quản lý các ngôi chùa tấp nập, đứng ra sắp xếp các chương trình thuyết giảng quốc tế. Một số ăn chay trường thật nghiêm túc, không ăn trứng, hành, tỏi; một số khác không kiêng cử gì cả khi dùng các thực phẩm cúng dường. Nhiều người không biết đọc biết viết, nhưng cũng có một số có bằng tiến sĩ. Tất cả sự đa dạng đó phản ánh tính cách phong phú và phức tạp của những người nữ tu sĩ trong thế giới tân tiến ngày nay.

Các nữ tu sĩ Phật giáo Theravada

Các nữ tu sĩ tu tập theo Phật giáo Theravada sống ở Miến Điện, Campuchia, Lào, Tích Lan và Thái Lan, tuy nhiên cũng thấy có một vài tập thể nhỏ ở Bangladesh, Ấn Độ và Việt Nam. Lối sống của họ dựa vào các khuôn mẫu quy định cho các Tăng đoàn nữ giới từ những thời kỳ xa xưa. Họ mặc áo vải đơn sơ, sống bằng khất thực, không được phép dùng thêm các thức ăn đặc sau bữa ăn trưa. Đa phần, họ chưa được truyền đủ giới. Ngoài việc tuân thủ các giới luật dành cho các Phật tử tại gia, họ còn tự nguyện không đeo nữ trang, nhảy múa, và hát xướng, không nằm giường cao, ngồi ghế rộng, không dùng thêm thực phẩm đặc sau bữa ăn trưa.

Ngoài ra, đối với những người tuân thủ 10 giới luật thì cũng không được phép dính dáng đến vàng, bạc và tiền. Dù không hội đủ số Tỳ-kheo-ni đủ tư cách trao giới cho họ, thế nhưng không phải vì thế mà xem họ là các *sramanerika* (sa-di-ni).

Các nữ tu sĩ Phật giáo Theravada tụng niệm kinh điển bằng tiếng Pa-li và thiền định mỗi ngày hai lần, vào sáng sớm và chiều tối, mỗi lần khoảng một tiếng. Ngoài ra trong ngày họ luyện tập một phép thiền định thật chuyên biệt gọi là *Vipassana* và tham dự các khóa giảng Pháp và ẩn cư tổ chức theo các định kỳ đều đặn. Một số chọn lối sống biệt tu, tìm sự vắng lặng nhằm tránh xa các sự cám dỗ và bon chen của xã hội thường tình. Một số khác sinh sống trong các vùng làng mạc đông dân, đô thị và thành phố, hầu giúp đỡ người thế tục trong cuộc sống tâm linh của họ, và đây cũng là một cách giúp người tu hành hòa mình với người thế tục: một bên thì tụng niệm các kinh cầu an, một bên thì hiến dâng các nhu cầu vật chất. Nhiều người đứng ra khuyên giải người thế tục hoặc giảng dạy Đạo Pháp cho họ, nhất là cho phụ nữ và trẻ em, hoặc góp phần tích cực vào sự sinh hoạt của các chùa chiền và tu viện lớn.

Trước đây không lâu, các nữ tu sĩ Phật giáo Theravada vẫn chưa hề được trao đủ giới để trở thành các Tỳ-kheo-ni, chẳng qua là vì truyền thống truyền giới cho người phụ nữ do chính Đức Phật thiết lập khi trao giới cho bà Mahaprajapati đã bị mai một tại một số nước (chẳng hạn như Ấn Độ, Miến Điện và Tích Lan), hoặc chưa hề được thiết lập tại một số các nước khác (chẳng hạn như Campuchia, Lào, Thái Lan). Nếu không được truyền đủ giới theo đúng pháp thì các người nữ tu sĩ không được xem là thuộc

thành phần của Tăng đoàn, không được giúp đỡ vật chất đầy đủ, không có nhiều dịp học hỏi, và cũng không được quý trọng như các tu sĩ nam giới. Họ sống độc lập bên trong các Tăng đoàn riêng, hoặc chung với các tu sĩ nam giới trong các chùa chiền của họ. Vào những năm gần đây một số bắt đầu hòa mình vào sự sinh hoạt xã hội, và từ năm 1988 một số tìm cách được truyền đủ giới theo đúng pháp. Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni Theravada quan trọng nhất là ở Tích Lan,



khoảng 500 nữ tu sĩ trên hòn đảo này đã được truyền đủ giới theo đúng pháp góp phần tái lập lại Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni và làm sống lại truyền thống lâu đời do Ni sư Sanghamitra đã đưa vào Tích Lan trước đây.

Các nữ tu sĩ Phật giáo Đại thừa

Các nữ tu sĩ Đại thừa tu tập dựa theo các dòng truyền thừa xuất phát từ Trung Quốc hay Tây Tạng. Dòng truyền thừa nữ giới Tích Lan được đưa vào Trung Quốc vào thế kỷ thứ V sau Tây lịch, và sau đó từ Trung Quốc vào Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan và Việt Nam, và sau hết là các tập thể người Hoa ở Indonêxia, Mã Lai, Phi Luật Tân, Singapore và các nơi khác trên toàn thế giới. Lối sống của họ tùy thuộc vào các môi trường sống khác nhau, chẳng hạn như những nơi có khí hậu lạnh và các nền văn hóa khác với Ấn Độ. Thay vì khát thực thì họ trực tiếp nhận các vật cúng dường như rau trái và tự nấu ăn lấy, và thường thì họ tự trồng trọt lấy.

Truyền thống Tỳ-kheo-ni phát triển rất mạnh trong các Tăng đoàn Đại thừa. Những người phụ nữ muốn bước vào con đường tu tập sẽ được các Tỳ-kheo-ni lão thành hướng dẫn, tuy nhiên họ cũng có thể học phép thiền định và kinh sách với các tu sĩ cả nam và nữ giới. Các nữ tu sĩ theo truyền thống Đại thừa họp mỗi ngày hai lần, vào buổi sáng và buổi tối để tụng niệm các kinh bằng tiếng Hán, hoặc các câu chú bằng tiếng Phạn, hoặc các kinh điển bằng ngôn ngữ của dân tộc mình. Vào các dịp lễ theo âm lịch, họ tổ chức các khóa tu tập hướng vào nhiều vị Phật và Bồ-tát khác nhau. Trong các dịp lễ này họ tụng niệm hai lần mỗi ngày, sáng và chiều, mỗi lần có thể kéo dài nhiều tiếng, đôi khi có thể là nhiều ngày. Các nghi lễ này hướng vào Phật A-di-đà, là vị Phật “vô lượng thọ” và “vô lượng quang”, và vị Bồ-tát Quan Âm biểu trưng cho lòng từ bi; cả hai vị này đều được tôn thờ rộng rãi trong dân chúng. Rất nhiều nữ Phật tử tại gia cùng tham gia với họ, ủng hộ họ về tài chính, mua hoa và cúng dường thực phẩm. Nhằm hồi đáp lại, các nữ tu sĩ dạy cho họ thiền định và giảng Pháp cho họ, cố vấn họ về các vấn đề gia đình, tham dự lễ mai táng, xoay xở mọi việc giúp các gia đình có người thân qua đời, tổ chức các trại họp bạn cho thiếu nhi và các thanh thiếu nữ, mở các khóa dạy nấu ăn chay, hoặc cắm hoa...

Trong khoảng mười năm sau này, Phật giáo lớn mạnh tại hầu hết các nước theo Đại thừa, tất cả nhờ vào sự nhiệt tình và hăng say của các nữ tu sĩ. Nếu nhìn thật gần thì sẽ thấy trong các nước đó người Phật giáo đã thành lập được nhiều trung tâm đào tạo hiện đại với các chương trình giảng dạy giáo lý Phật giáo gồm từ bốn đến năm năm học, dành cho các nữ và nam tu sĩ và cả người thế tục. Nhờ vào các chương trình đào tạo và giảng dạy đầy đủ đó, các nữ tu sĩ trở nên tích cực hơn trong sinh hoạt xã hội, tham gia vào việc in ấn, dịch thuật, chăm sóc người ốm đau, công tác trong chốn lao tù, hướng dẫn trẻ em, giúp đỡ người già yếu, tiếp tay với các trạm y tế, các nhà dưỡng lão, và vô số các công việc khác.

Các nữ tu sĩ Phật giáo Tây Tạng

Truyền thống tu tập của người phụ nữ Tây Tạng trải qua một lịch sử rất lâu đời, thế nhưng cũng tương tự như trường hợp của những người phụ nữ ở các nơi khác trên địa cầu, các thành tích của họ không hề được ghi chép cẩn thận. Nền văn hóa Tây Tạng cũng đã được phát triển ra ngoài biên giới của xứ sở này, chẳng hạn như tại các vùng Bhoutan, Mông Cổ, Nepal, Buryatia, Kalmykia và một số các vùng khác của Liên bang Xô-viết trước kia, và cả các vùng biên giới Bắc Ấn Độ thuộc phía Tây rặng Hy-mã Lạp-sơn như: Kinnaur, Laddakh, Lahaul, Spiti, và vùng Zaskar thuộc phía Tây Ấn Độ, sát với biên giới phía Nam của Pakistan, và cả trong các tập thể người dân Tây Tạng sống lưu vong ở Ấn, Nepal và các nước khác. Tại tất cả các nơi này đều thấy có các nữ tu sĩ, thế nhưng ít hơn nam giới và cũng không tạo được nhiều ảnh hưởng. Thường thì họ chỉ tuân thủ 10 giới luật dành cho hàng sa-di, nhưng vẫn được xem là thuộc vào thành phần của Tăng đoàn. Việc trao đủ giới theo đúng pháp cho những người nữ tu sĩ Tây Tạng chưa bao giờ được thực hiện. Dẫu sao cũng không thấy kinh sách Tây Tạng ghi chép gì nhiều về những người Tỳ-kheo-ni, và việc trao đủ giới cho người phụ nữ cũng chưa bao giờ được chính thức thành lập trong Phật giáo Tây Tạng. Con đường từ Ấn Độ lên Tây Tạng xuyên qua những vùng núi cao đầy tuyết phủ của rặng Hy-mã Lạp-sơn rất nguy hiểm, ngay cả đối với các nam tu sĩ, vì vậy đây có thể là nguyên nhân khiến các nữ tu sĩ [từ Ấn Độ] không đến được nơi này.

Trước thập niên 1980, việc tu tập của các nữ tu sĩ Tây Tạng chủ yếu là tụng niệm, thực thi nghi lễ và thiền định. Các chương trình giảng dạy căn bản về giáo lý Phật giáo trong ba tu viện đại học lớn ở miền nam nước Ấn (Drepung, Ganden và Sera) và cả Viện Phật giáo Biện chứng (Institute of Buddhist Dialectics) ở Dharamsala đều không thu nhận các học viên nữ tu sĩ. Các nữ tu sĩ chỉ có thể học hỏi giáo huấn Phật giáo vào các dịp thuyết giảng đồng đạo dành cho quảng đại quần chúng, nhưng không được học kinh điển một cách quy củ. Trên nguyên tắc, chùa chiền tốt nhất cho người nữ tu phải được thiết lập ở những nơi hẻo lánh hầu tránh mọi sự tiếp xúc giữa họ và xã hội thế tục, nhưng đây cũng là cách gây ra khó khăn cho họ trong việc học hỏi giáo lý, thường thì họ chỉ được học hỏi thêm nhờ vào các dịp lễ hội lớn.

Trong vòng hai mươi năm trở lại đây, nhiều cải tiến đáng kể trong cuộc sống của những người nữ tu sĩ thuộc các vùng chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Tây Tạng cũng đã được thực hiện. Họ tìm mọi cách để được học hỏi giáo huấn và noi theo các thái độ hành xử do Đức Đạt-lai Lạt-ma cũng như các vị Lạt-ma khác đưa ra. Nhờ tấm gương của các vị thầy trên đây và đồng thời ý thức được quyền hạn của người phụ nữ, nên các nữ tu sĩ đã bắt đầu bắt tay vào việc soạn thảo các chương trình giảng dạy và thành lập các trung tâm đào tạo dành cho các phụ nữ Phật giáo trong toàn vùng Hy-mã Lạp-sơn. Các chương

trình giảng dạy này đã tạo dịp cho người nữ tu sĩ được học về triết học Phật giáo và tham gia vào các cuộc tranh luận. Các nữ tu sĩ Phật giáo Tây Tạng bắt đầu được theo học các chương trình giảng dạy thật nghiêm chỉnh về Phật giáo biện chứng, và hàng năm được tham dự các buổi họp mặt giữa các tu viện và chùa chiền để cùng so tài hiểu biết với nhau, khởi sự trước hết là tại Dharamsala và sau đó đã lan ra các nơi khác, như Nepal và các vùng lân cận của rừng Hy-mã Lạp-sơn. Chùa chiền đẩy áp các nữ tu sĩ, họ chỉ mong được học các kinh điển thật khó. Các chương trình giảng dạy cũng như các sự khích lệ của những người chung quanh đã mang lại nhiều tự tin cho họ, ngày càng có nhiều người biết đến họ và kính nể họ hơn, và ngày nay thì họ đã đủ sức góp phần mình vào việc bảo toàn và quảng bá gia tài Đạo Pháp lưu lại từ ngàn xưa.

Các nữ tu sĩ Phật giáo trong xã hội tân tiến ngày nay

Năm 1987 đã đánh dấu một khúc quanh thật lớn đối với những người phụ nữ Phật giáo, nhất là các nữ tu sĩ. Trong năm này lần thứ nhất họ được vinh dự tham gia Hội nghị quốc tế Sakyadhita của những người phụ nữ Phật giáo, hội nghị này chưa bao giờ được tổ chức trước đó. Chủ tâm lo cho người nữ tu sĩ quả là cả một điều sáng suốt, nói lên sự ý thức của mình trước các khó khăn và tình trạng kỳ thị nam nữ mà họ đang phải đương đầu ngày nay. Các nữ tu sĩ tại nhiều nước trên thế giới bị bỏ quên, không đủ ăn, không được chăm sóc sức khỏe và học hành. Các đòi hỏi về giáo dục thật hết sức khẩn thiết đã khiến nhiều nữ tu sĩ tham dự đại hội để nghị phải đặt giáo dục lên hàng đầu trong các sinh hoạt của Hiệp hội Sakyadhita, một tổ chức quốc tế hoàn toàn mới mẻ của những người phụ nữ Phật giáo. Bài diễn văn của Đức Đạt-lai Lạt-ma trước đại hội đã mang lại một vinh dự to lớn cho toàn thể những người phụ nữ Phật giáo, và sự nhấn mạnh của Ngài về tầm quan trọng của giáo dục cũng đã mang lại thật nhiều khích lệ cho họ. Hội nghị này đã mang lại cho người phụ nữ Phật giáo thật nhiều phần khởi, thúc giục họ tham gia vào các công tác cải thiện thân phận của người phụ nữ, nhất là đối với các nữ tu sĩ, dù thuộc tông phái Phật giáo nào. Chủ đích quan trọng nhất của tổ chức Sakyadhita là giúp người phụ nữ Phật giáo trên toàn thế giới được học hành ở các cấp bậc cao nhất, được truyền đủ giới theo đúng pháp và ý thức được các lý tưởng cao đẹp của Phật giáo.

Hiện nay, Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni trên đảo Tích Lan đã được tái lập. Nhiều nữ tu sĩ Thái Lan, Ấn độ và các nước Tây phương cũng đã được truyền đủ giới theo đúng pháp.

Nhìn về tương lai

Trên dòng lịch sử Phật giáo đã từng xuất hiện nhiều ni sư lỗi lạc, thế nhưng cuộc đời họ thường bị che khuất

bởi bóng dáng của các nam tu sĩ. Trong các xã hội Phật giáo phụ hệ, người con trai bao giờ cũng được ưu đãi trong gia đình, nơi trường học và cả trong chốn chùa chiền, trong khi đó thì người con gái phải tranh đấu từng miếng ăn, viên thuốc, chiếc ghế nơi trường học và cả quyền được chọn cho mình cuộc sống trong chốn chùa chiền. Dù may mắn được bước theo con đường tu hành đi nữa, thì người nữ tu sĩ cũng không hề được giúp đỡ tận tình, không được học hành chu đáo và cũng chẳng ai đoái hoài đến họ. Trong vòng hai mươi năm sau này, tình trạng bất bình đẳng giữa các tu sĩ nam và nữ giới đã khiến nhiều người quan tâm, nhờ đó nhiều biến cải cũng đã được thực hiện nhằm sửa đổi tình trạng bất bình đẳng đó.

Các quan niệm đạo đức mới mang tính cách toàn cầu về công bằng xã hội trong thế giới ngày nay đã khiến tình trạng kỳ thị người phụ nữ trong các xã hội theo Phật giáo càng hiện ra như một thứ gì đó đi ngược lại với lý tưởng Phật giáo. Đức Phật thường được xem là biểu tượng của sự bình đẳng xã hội, và Phật giáo là con đường mở ra tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tầng lớp xã hội hay giới tính. Vì thế không thể nào có thể làm ngơ được trước sự nghịch lý giữa lý tưởng xã hội nêu lên trong giáo lý Phật giáo và tình trạng bất bình đẳng xảy ra trên thực tế bên trong các xã hội Phật giáo. Nhằm giúp cho Phật giáo có thể trở thành một động cơ thúc đẩy mang lại một sự biến đổi tích cực cho xã hội ngày nay, thì trước hết những người Phật giáo phải sửa đổi tình trạng bất bình đẳng trong xã hội và cả trong các thể chế, hầu biến cải thực trạng xã hội phù hợp hơn với giáo huấn Phật giáo. Điều đó đối với người phụ nữ có nghĩa là được bình đẳng trong lãnh vực học vấn, truyền giới và học hỏi giáo huấn Phật giáo. Những sự cải tiến đó không phải chỉ mang tính cách tượng trưng, bề ngoài hay giai đoạn, mà phải toàn diện và đích thực. Điều đó có nghĩa là ý thức được một cách cư xử khác hơn đối với người phụ nữ. Nếu muốn nêu lên cho mọi người trông thấy là người Phật giáo luôn hành động một cách chân thật, và giáo huấn Phật giáo thừa sức biến cải xã hội, thì người phụ nữ phải có tiếng nói và quyền hạn được hưởng sự an vui và đạt được sự giác ngộ ngang hàng với nam giới. Những sự biến cải mà những người phụ nữ Phật giáo đã đạt được ngày nay trên toàn thế giới thật hết sức khích lệ và cũng là cả một tia sáng hy vọng soi đường cho những người phụ nữ trong các xã hội khác. ■

Nguồn: *Buddhist Nuns In The Global Community*, <http://www.buddhistwomen.eu/EN/index.php/Texts/BuddhistNuns>.

Karma Lekshe Tsomo là sáng lập viên và là đồng Chủ tịch Hiệp hội Sakyadhita, nguyên nghĩa là “*Những người con gái của Đức Phật*”. Bà thuộc vào số những vị nữ tu sĩ Phật giáo đầu tiên thụ Đại giới theo đúng pháp tại Tây Tạng. Ni sư Karma Lekshe Tsomo là Tiến sĩ Triết học và là Giáo sư tại Đại học San Diego, Hoa Kỳ.

Yến Lan

một hồn thơ nặng lòng xứ sở

PHẠM TUẤN VŨ

Dọc theo hành trình thơ hơn nửa thế kỷ với nhiều chặng đường khác nhau của Nàng Thơ một thời Bàn Thành tứ hữu, người ta vẫn nhận ra ở Yến Lan một hồn thơ nặng lòng xứ sở, một tấm lòng tha thiết với quê hương. Điều đó đã khiến tác giả Lâm Trường Định nhận định trong bài viết “Đất và người Bình Định trong thơ Yến Lan”, rằng “Đọc nhiều thơ Yến Lan sẽ thấy nhà thơ yêu quê hương đến dường nào” [1].

Yến Lan sinh ra tại An Nhơn, một miền quê thơ mộng của Bình Định. Nhà thơ đi qua thời niên thiếu tại nơi đây, bên bến đò Trường Thi êm đềm, cạnh con sông Côn chảy qua quê ngoại gắn với bao kỷ niệm tuổi thơ. Chính quê hương khổ nghèo nhưng đầm thắm tình đất tình người đã nuôi dưỡng tâm hồn Yến Lan, chấp cánh cho hồn thơ thi nhân bay bổng. Để rồi, quê nhà lặng lẽ đi vào tâm thức, trở thành một niềm ám ảnh, một miền nhớ thương nặng lòng thi sĩ trên bước đường đời và mỗi nẻo đường thơ.

Sự nghiệp văn chương Yến Lan khá đồ sộ, trải qua nhiều thời kỳ với số lượng tác phẩm lớn. Thơ Yến Lan thuộc nhiều mảng đề tài với nhiều nguồn cảm hứng khác nhau. Dầu vậy, xuyên suốt hành trình thơ gần một đời người của Yến Lan, vẫn dễ nhận ra, quê nhà Bình Định là đề tài phổ biến, có vị trí quan trọng, được thể hiện một cách đầy yêu thương, trân trọng trong thơ ông. Hồn thơ Yến Lan nặng lòng cố hương, sâu nặng ân tình xứ sở. Dù viết ở thời kỳ nào, trên quê nhà hay giữa đất khách, với cảm hứng nào đi chăng nữa, Yến Lan vẫn dành cho quê hương những tình cảm thật tốt đẹp. Đó là nỗi nhớ, niềm thương, lòng tự hào, yêu mến đối với quê nhà mà nhà thơ gửi gắm trọn vẹn trong thơ. Hình tượng quê hương trong thơ Yến Lan, vì thế, dù có thể còn đó những vất vả, thương đau, nhưng vẫn thật lung linh, thật đẹp.

Trong các nhà thơ ở thế kỷ XX, có lẽ Yến Lan là một trong những người viết nhiều và hay nhất về Bình Định. Trong thơ Yến Lan, từ những tác phẩm của thời Trường thơ Loạn cho đến những sáng tác cuối đời, quê nhà Bình Định dường như là nguồn cảm hứng bất tận, đồng thời cũng là niềm đau đáu không nguôi của một hồn thơ gắn bó tha thiết với quê cha đất mẹ. Nhà văn Mang Viên Long cho rằng: “Có thể nghĩ nhà thơ

Yến Lan là người đầu tiên viết về quê nhà Bình Định một cách đầy đủ, sâu đậm; tạo nhiều dấu ấn lâu dài cho người đọc hơn hết” [3]. Quả vậy, Yến Lan có đến vài chục bài thơ viết trực tiếp về Bình Định, chẳng hạn như: *An Lão, Phù Ly, Bình Định 1935, Bình Định 1945, Bình Định 1947, Bình Định 1975-1976, Mưa Bình Định, Chiều qua Cánh Tiên, Hôm nay đã đến Bình Định ơi, Qua cửa đồng thành Bình Định, Ớn Đào, Mùi cá nướng, Rượu bầu đá, Nhớ bến My Lăng, Tiếng chuông ngày cũ...* Ở đó, tình đất và người Bình Định, tấm lòng của nhà thơ đối với nơi này bao giờ cũng được thể hiện một cách chân thành, thấm thiết. Ví như, kết thúc *Bình Định 1937*, bài thơ mà Yến Lan tâm đắc nhất trong đời cầm bút của ông, nhà thơ khẳng định một cách xúc động vị trí của quê nhà Bình Định trong trái tim mình:

*“Ôi Bình Định sao nằm trong mãi mãi
Đĩa dầu voi, tim cháy ngọn âm âm...”*

Kết thúc bài *Phù Ly*, Yến Lan một lần nữa khẳng định nỗi nhớ thương và lòng ngóng đợi ngày về lại trên giữa quê hương mình:

*“Nhớ Phù Ly, nhớ khung xa
Nhớ ngày canh củi quê ta rộn ràng
Chân đi giữa nắng hanh vàng
Mà lòng xoáy ốc nẻo đường về Nam”*

Trong thơ Yến Lan, hình ảnh quê nhà, quê ta, quê xưa, quê mẹ, quê ngoại, làng tôi... lặp đi lặp lại với tần số rất cao, trở thành một hình tượng nghệ thuật đầy ám ảnh. Yêu quê hương, nhà thơ viết về quê mình bằng tất cả tấm lòng nâng niu, trân trọng. Quê nhà, từ những điều dung dị, đời thường nhất đi vào thơ Yến Lan cũng thành những hình tượng đẹp đẽ, lung linh:

*“Quê tôi nắng mới võ vàng
Dừa cao lảnh khảnh, cành xoan ngồng ngoèo
Con đường thì ngút cheo leo
Mình đi chỉ bóng cùng theo với mình
Làng tôi gió nhỏ thênh thênh
Mưa thưa nhẹ nhẹ, trăng lên dịu dàng”*

(Đi trong nắng mới)

Yêu quý, biết ơn mảnh đất từng gắn bó với tuổi thơ, khơi nguồn và nuôi dưỡng hồn thơ của mình, Yến

Lan viết về quê nhà với phố huyện Bình Định, bến đò Trường Thi, sông Côn quê ngoại, về bờ tre, bãi cát, đồng quê, đường làng... bằng những vần thơ đậm thắm ân tình. Ở đó, quê nhà luôn hiện về với những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ khó nghèo nhưng tình nghĩa, với ký ức về ngoại, về mẹ và bao con người thân thương khác:

*"Than Cù Lân nướng cá sông Côn
Mật bến Trường Thi vị khói thơm
Xưa mẹ nuôi con từng miếng nạc
Phần mình xương xẩu cũng khen ngon".*

(Mùi cá nướng)

Lặng lẽ đi vào tiềm thức để rồi ký thác vào thơ như một niềm bức bách thúc giục, quê nhà với nỗi nhớ khôn nguôi luôn thường trực trong thơ Yến Lan. Dường như càng đi xa, nhà thơ càng nhớ quê nhiều hơn. Xưa, Thi tiên Lý Bạch nơi đất khách, chỉ một ánh trăng rọi nơi đầu giường cũng làm nỗi nhớ cố hương ủa về. Yến Lan nơi xứ người (nước Nga), chỉ một vật nặng quai chiếu hôm cũng đủ làm thổn thức nỗi nhớ quê nhà:

*"Nặng quai hành lang, khách sạn xa
Ông ngồi nò với trẻ con Nga
Giờ này khuya khoắt bên quê hẳn
Cháu nhớ đời ông quấy giấc bà".*

(Nhớ nhà)

Yến Lan có nhiều bài thơ hay viết về nỗi nhớ quê nhà. Trong cuộc đời của mình, nhà thơ từng đi nhiều nơi như chính ông viết trong những bài tứ tuyệt cuối đời, *"Năm châu chín quận trải qua rồi"*.

Dường như mỗi khi đến với những vùng đất mới, Yến Lan lại càng thêm nhớ quê. Giữa hai chiều không gian quê nhà - đất khách, tấm lòng nhà thơ cứ hướng về cố hương. Cho nên, bắt gặp một điều gì nơi đất khách mang hình bóng quê nhà cũng đủ làm nhà thơ bồi hồi thương nhớ. Một hương xoài trên đất Yên Châu cũng làm cho thi nhân nghe quê nhà Bình Định như đang ở bên mình:

*"Trưa ghé Yên Châu núp bóng xoài
Mùi hương Bình Định thoảng đâu đây".*

(Mùa xoài)

Càng nhớ quê người ta càng mong ngày về. Cho nên, cảm hứng "tư cố hương" bao giờ cũng gắn liền với tấm lòng "hồi hương", "hoài quy nhật". Yến Lan viết nhiều về ngày về cũng như lòng ngóng đợi ngày trở lại quê hương. Tiêu biểu như các bài *Trở về, Lại về tỉnh nhỏ, Nằm giữa quê ngoại, Về quê ngoại sau hai mươi năm, Về quê mẹ sau ngày giải phóng, Mùa lứt thăm quê mẹ...* Trong đó, nhiều vần thơ thật sự làm cảm động lòng người bởi tác lòng cố hương nặng nghĩa tình xứ sở của nhà thơ:

*"Tu hú gọi theo mùa lúa sạ
Dòng sông nước loáng tỏa ra hồ*

*Xóm giếng lẫn dạn theo mưa nắng
Xót bát rau cần vị tuổi thơ".*

(Về quê ngoại sau hai mươi năm)

Có thể nói, "Yến Lan còn có vô số bài thơ nặng tình quê hương đến như vậy. Bao tình cảm dạt dào trong ý thơ đều chứa nặng trong tâm tưởng của nhà thơ một tình yêu quê hương không phai mờ" [1]. Yến Lan viết nhiều, cảm động về quê nhà, bởi lẽ "Chỉ có những người nặng nghĩa tình với quê hương như nhà thơ mới trải cuộc đời mình theo những dòng tự sự viết về quê hương như thế" [1]. Đóng góp của Yến Lan đối với văn học Bình Định là điều không cần phải bàn cãi. Riêng tấm lòng của ông đối với quê hương qua những vần thơ nặng lòng xứ sở cũng thật đáng quý biết bao. Ta từng biết một Yến Lan với tuyệt phẩm *Bến My Lăng* huyền thoại, một Yến Lan của Bàn Thành tứ hữu được Hoài Thanh - Hoài Chân trân trọng giới thiệu trong *Thi nhân Việt Nam*, ta còn biết thêm một Yến Lan nặng tình quê hương với những vần thơ nghĩa tình, tha thiết về quê nhà Bình Định. ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Lâm Trường Định, "Đất và người Bình Định trong thơ Yến Lan", báo *Bình Định*, ngày 1/3/2006.
2. Thanh Huyền, "Yến Lan bến sông và phố huyện", báo *Văn Hiến*, số 81, 2002.
3. Mang Viên Long, "Bình Định qua bài thơ của Yến Lan", báo *Bình Định* nguyệt san số tháng 10/2002.
4. Lâm Bích Thủy, "Bình Định trong thơ Yến Lan", đăng trên website: vanchuongviet.org ngày 20/9/2010.



Lang thang trong chữ

Tro chôi nói ngược

HỒ ANH THÁI

Đưa cháu tôi, dạo mới qua tập nói, thỏ thẻ như trẻ lên ba, đang ở độ thấy từ mới là tiếp nhận, và có khi tiếp nhận ngược. Cu cậu có một từ làm cả nhà buồn cười mãi đến tận vài chục năm sau. Mẹ đang bận, đã bảo đừng đến gần, cu cậu cứ rón rén đến. Mẹ đe: *Lại mon men đến đấy.*

Cu cậu lấy được từ mon men. Nhưng vài ngày sau, cậu lại lảng vảng đến gần mẹ, vừa cười cười làm thân, vừa nói, nhưng nói ra thì lại thế này: *Mẹ ơi, con men mon đến mẹ.*

Men mon. Rõ là một cách nói ngược.

Tôi cứ hình dung, khi ở trường tiểu học, cu cậu và các bạn có lúc sẽ chơi đùa với chữ. Chúng sẽ bày ra trò tìm những từ có thể nói ngược. Bên A sẽ xướng lên một từ, nếu có thể nói ngược thì bên B phải đáp lại bằng từ nói ngược đó. Nếu đấy là từ không thể nói ngược mà bên B cứ liều đáp thì B thua một điểm. Rồi đến lượt bên B xướng lên một từ cho A đáp. Cứ thế.

Nó sẽ tương tự thế này:

A: Bảo đảm. B: Đảm bảo.

A: Trò chuyện. B: Chuyện trò.

A: Yêu thương. B: Thương yêu.

A: Mơ mộng. B: Mộng mơ.

Đấy là những từ có thể đảo ngược vị trí mà ý nghĩa vẫn tương tự. Giống như từ mênh mông sau đây:

Để chiều buồn mênh mênh mông

Thôi còn còn gì ước mong?

(Lời bài hát *Sang sông*, Phan Huỳnh Điểu)

Còn đây là những từ mà nếu đảo ngược vị trí, thì bên đáp sẽ bị mất điểm:

Sâu sắc - Sắc sâu.

Lâm ly - Ly lâm.

Kể ra mấy ví dụ như vậy, để dẫn đến việc tôi đã được một trận bất ngờ thế nào khi thấy phụ đề tiếng Việt trong một bộ phim ca nhạc, dựng theo tác phẩm kinh điển của Pháp. Người dịch đã cố ép từ để cho hợp với nốt nhạc, họ tự lý sự rằng lời ca phải chấp nhận ép vào khuôn của giai điệu:

Trước gian nan em không hề núng nao...

Em với anh một lời kết cam...

Trong khoảnh khắc đầy hân hoan, sướng sung...

Có thể có độc giả phải cau mày. Còn tôi thì vừa xem phim ấy vừa cười phá lên, dù trên màn ảnh các nhân vật đang rên rỉ khóc than (than khóc). Sự làm mới từ ngữ của người dịch này đúng là theo kiểu tạo chữ của chú bé kể trên: *"Men mon con đến bên mẹ"*.

Nhân tiện nói chuyện lời ca ép vào nốt nhạc. Tiếng Việt phức tạp ở chỗ nhiều dấu nhiều thanh, rất nhiều khi làm khó cho nhạc sĩ. Lời ca không chỉ biểu đạt nội dung, không chỉ biểu đạt cảm xúc và tư tưởng, mà lời ca còn phải hợp với thanh với dấu. Không thể thì sẽ thành ngọng như ông Tây nói tiếng Việt. Hãy cùng nhau nhớ lại một số lời ca không khớp dấu, chỉ là nhân chuyện cho vui:

Đoàn Vệ Quốc quân một lần ra đi...

Hàng Đào riu rít Hàng Dương, Hàng Bạc, Hàng Gái (làm gì có Hàng Dương và Hàng Gái nhỉ).

Thôi ngủ đi em, mưa ru em ngủ, tay em kết nù, nuôi trọn một đời...

Chi tai cai dong sông quê suốt tháng năm cứ rọi núi Hồng... (sáu âm tiết đầu giống như một cô Tây ngọng ngọng tiếng Việt: chỉ tại cái dòng sông quê).

Cũng chỉ cần gợi ra đến thế, người đọc sẽ nhớ lại và nối dài một danh sách những câu ca có thể làm ta cười, có thể làm ta ưu tư, tùy theo. ■



Đôi điều về lễ hội ở chùa

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Mỗi năm, đến hẹn lại lên. Sau Tết Nguyên đán là vào mùa lễ hội từ Bắc vô Nam, kéo dài đến hết mùa xuân.

Năm nay, theo phản ánh của giới truyền thông báo chí thì tình trạng chen lấn, tranh giành, cướp giật những cái gọi là “phúc lộc” ở các lễ hội vẫn còn diễn ra khá phổ biến.

Ở một số chùa cũng có rất đông người chen nhau cầu xin chư Phật và Bồ-tát ban phước lành bằng nhiều hành động sặc mùi mê tín. Rất nhiều người đứng ngồi hàng hàng lớp lớp từ trong chánh điện đến ngoài sân chùa và tràn ra cả đường phố để chờ nhà chùa phát lộc, cúng sao giải hạn! Nhìn những hình ảnh ấy thật buồn! Dục vọng, tham ái của con người tập nhiễm lâu ngày trở thành thói quen, thành định kiến trong đời sống tâm linh được thể hiện lộ liễu, trắng tráo nhất vào dịp này!

Theo lịch sử thì đạo Phật có nhiều ngày lễ nhưng chủ yếu là ba ngày lễ chính: Phật Thích-ca Đản sinh (15-4 âm), Thành đạo (8-12 âm) và Nhập Niết-bàn (15-2

âm). Hàng năm, vào các ngày ấy, các chùa đều làm lễ kỷ niệm, để Phật tử và tín đồ đến dâng hương, dâng hoa, lễ Phật, niệm Phật, nghe kinh. Lễ Phật là ngưỡng mộ, tôn kính đức độ, và noi theo gương sáng của Ngài. Niệm Phật để nhớ công ơn của Ngài đã chỉ đường cho chúng sinh thoát khổ. Nghe kinh để hiểu nghĩa lý và biết phương pháp của Ngài chỉ ra mà theo đó hành trì, tu tập. Phần hội của các ngày lễ đó thông thường là Tăng Ni thuyết pháp, biểu diễn văn nghệ của Gia đình Phật tử hoặc chiếu phim Phật giáo giúp vui. Ngày đầu xuân không phải ngày lễ của Phật giáo nhưng đến chùa lễ Phật vào ngày này là một nét đẹp của Phật tử, tín đồ và cùng một mục đích như vào những ngày lễ kỷ niệm nhưng không có hội.

Tại sao ở một số chùa người ta lại bày ra chuyện cúng sao giải hạn và “phát lộc” trong những ngày đầu xuân? Tại sao Phật tử, tín đồ lại tranh giành cướp giật những vật vô tri giác do người phạm mất thịt tạo ra rồi bảo là “lộc” là “phúc” linh thiêng và ban phát cho người khác? Tại sao Phật tử, tín đồ lại tự hạ thấp mình

Nguồn: ohaytv



cầu khẩn van xin phước đức như những người ăn mày cầu khẩn van xin vài đồng bạc lẻ? Nếu cầu được ước có thì Phật Thích-ca đã không đưa “*cầu bất đắc*” vào tám cái khổ của thế gian? (sinh-lão-bệnh-tử, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội, ngũ ấm xí thạnh). Tại sao Phật tử, tín đồ không tin vào lời dạy của Đức Phật Thích-ca, không tin vào chính mình mà đặt hết niềm tin vào các thực thể tâm linh hay còn gọi là thực thể siêu nhiên?

Thực thể tâm linh là gì? Đó là những vật có ý thức, có quyền lực cao hơn con người bình thường gồm linh hồn người chết, thần linh, ma quỷ, số mạng... kể cả thượng đế, ngọc hoàng (ông trời). Thực thể tâm linh là sản phẩm của các tôn giáo hữu thần, tín ngưỡng dân gian, thần thoại và thần luận. Người ta cho rằng con người có một cách duy nhất giao tiếp và tác động đến các thực thể tâm linh bằng cúng tế, dâng lễ vật, cầu khẩn, đọc tụng kinh... Họ tin tưởng làm như vậy sẽ thuyết phục được chúng; làm cho chúng cảm động rồi ban phước cho họ; đồng thời che chở, bảo vệ họ, và giúp họ giải trừ tai họa khi xảy ra, nếu có!

Những khái niệm đó hoàn toàn nằm ngoài thực chất của Phật giáo. Mặc dù được khai sinh tại một đất nước do đạo Bà-la-môn, một đạo đa thần, thống trị; nhưng đạo Phật hoàn toàn đối lập với đạo Bà-la-môn. Căn cứ vào các giáo lý ban đầu của Đức Thích-ca, chúng ta thấy không có bất cứ hình bóng thực thể tâm linh nào, còn Thượng đế hay Ngọc hoàng thì tương đương với Nghiệp trong đạo Phật. Chính Nghiệp quyết định

vận mạng mình, ban phước giáng họa cho mình chứ không có thể lực siêu nhiên nào định đoạt, ban giáng cả, chúng tỏ đạo Phật vô thần, không tạo niềm tin vào thực thể tâm linh.

Vậy thì người ta tin tưởng vào thực thể tâm linh bắt nguồn từ đâu?

Sau khi Phật Thích-ca nhập diệt, đạo Phật chia thành hai nhánh Nam, Bắc tông khi truyền bá ra ngoài lãnh thổ Ấn Độ. Nhánh Bắc tông lại chia thành nhiều tông phái, mỗi tông phái đều có hệ thống giáo lý, hệ thống nghi lễ, hệ thống biểu tượng, phương pháp hành trì riêng nhưng vẫn theo tông chỉ ban đầu của Phật Thích-ca. Các bộ kinh Đại thừa cũng xuất hiện cùng thời điểm ấy, tuy có kế thừa giáo lý ban đầu của Phật Thích-ca nhưng lại thêm thắt nhiều vị Phật và Bồ-tát mang tính tôn giáo và thần thánh hóa các vị đó như những đấng “cứu rỗi” của các tôn giáo hữu thần.

Phật giáo nước ta lại theo Bắc tông hàng ngàn năm nay nên có một số tông phái Đại thừa hoạt động và phát triển rất mạnh, có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội. Kinh điển Đại thừa được truyền bá rộng rãi từ thành thị đến nông thôn, được nhiều Tăng Ni, học giả viết sách luận giải, phổ biến, thuyết giảng thường xuyên.

Phật giáo Trung Quốc cùng các tư tưởng Khổng Mạnh, Lão Trang, Dịch lý và tín ngưỡng dân gian cũng tác động không nhỏ đến đời sống tinh thần, tâm linh quần chúng. Phần lớn Phật tử, tín đồ thuộc bậc thấp, trình độ nhận thức hạn chế nên dễ dàng đến với các



thực thể tâm linh hoặc cầu cứu các vị Phật, Bồ-tát tôn giáo khi họ đối diện với khó khăn, trở ngại, thử thách trong cuộc sống mà chính họ và cả thiết chế chính trị đều bất lực, không giải quyết được...

Không chỉ ở các thời trước, ngay thời hiện đại mà người ta còn tin tưởng thái quá vào các loại thần luận, thần thoại rồi đâm ra mê tín, đua nhau tôn thờ, sùng bái quyền năng siêu việt của thực thể tâm linh mà bỏ quên những lời dạy thiết thực của Đức Thích-ca, quên cả chính mình! Theo các vị cao tăng và các nhà bác học có uy tín nhất thì việc tin tưởng đó đã làm cho đạo Phật ngày càng xa rời cái nền tảng ban đầu, lệch hướng, thậm chí biến tướng trầm trọng như hiện nay.

Trong khi đó, những giáo lý ban đầu của Phật Thích-ca lưu truyền chủ yếu ở nhánh Nam tông với số tu sĩ và tín đồ khiêm tốn. Phật giáo Nam tông không thần thánh hóa Đức Thích-ca, không cho Ngài là vị thần linh mà là con người từ bi trí tuệ bậc nhất, là vị Phật lịch sử duy nhất trên thế gian này, tính con người của Ngài không thể bác bỏ được. Sự nghiệp của Ngài là chỉ dạy chúng sinh giải thoát khổ não, sinh tử luân hồi và sự nghiệp đó thành toàn khi Ngài nhập diệt... Tuy nhiên, Phật giáo Nam tông không vì sự nghiệp vĩ đại, công lao to lớn của Ngài mà gán cho Ngài những quyền năng siêu việt như các vị Phật tôn giáo trong kinh Đại thừa. Còn các vị Bồ-tát? Đây là danh hiệu cao quý của những bậc chân tu đạo cao đức trọng, siêng năng học tập, tinh tấn tu hành và mức độ giác ngộ của họ cao hơn người thường, chứ không phải họ có phép mầu, thần thông quảng đại mới có danh hiệu Bồ-tát.

Phật Thích-ca có câu nói nổi tiếng *"Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn"* nghĩa là trên trời dưới trời chỉ có ta là đáng tôn quý. Nhiều người cho đây là thái độ tự cao tự đại. Không phải thế, nếu tự cao tự đại Ngài đã không tuyên bố *"Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành"*. Một tinh thần bình đẳng trên cả tuyệt vời, thử hỏi có vị giáo chủ tôn giáo nào dám đặt mình ngang hàng với tín đồ như Ngài? Thực ra, đây là sự từ chối thẳng thừng, phủ nhận dứt khoát của Ngài đối với tha nhân và các thực thể tâm linh.

Trước khi đạo Phật ra đời, đất nước Ấn Độ đã có đạo Bà-la-môn. Đây là tôn giáo đa thần. Trên hết là đấng Brahman thống trị muôn loài. Kế đến là Atman làm chủ thân người. Tiếp theo là các thần Shiva, Vishnu, Shakti cùng hàng ngàn vị nữa phụ trách các lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống. Đạo Bà-la-môn còn chia xã hội Ấn Độ thành bốn giai cấp, trong đó giai cấp Tăng lữ đứng đầu, chịu trách nhiệm chăm lo đời sống tinh thần, tâm linh của dân chúng. Kế đến là giai cấp quý tộc gồm vua chúa, quan lại các cấp, chịu trách nhiệm chăm lo cuộc sống vật chất... Thế mà xã hội vẫn đầy dẫy áp bức bất công, nghèo khó, khổ đau bất hạnh nhưng không có một vị thần linh, một chức sắc tôn

giáo, một ông vua, một ông quan hay bất cứ người nào khác đứng ra giải quyết được. Thái tử Tất-đạt-đa bèn tự nguyện làm việc đó. Trải qua một thời gian dài dẫn thân tìm tòi, học hỏi đầy gian nan nguy hiểm và suýt mất mạng, cuối cùng Ngài cũng tìm ra được chân lý sau bốn mươi chín ngày đêm thiền định quán chiếu. Chân lý đó là chỉ có chính mình mới giải thoát khổ não cho mình chứ không ai giải thoát cho mình được. Ví như mình đói khát thì chính mình ăn uống mới hết đói khát chứ không ai làm cho mình hết đói khát. Về phương diện tu hành cũng vậy, tự mình giác ngộ chứ không ai đem giác ngộ đến cho mình, cho nên Ngài mới nói lên câu nói trên và ai làm được như Ngài đều có thể nói được.

Sau khi phát hiện ra chân lý đó, Ngài nói pháp *"Tứ diệu đế"* cùng 37 pháp trợ đạo, *"Thập nhị nhân duyên"*... Đây là những nền tảng cốt lõi ban đầu của hệ thống giáo lý đồ sộ của Ngài. Qua đó chúng ta có thể ví chúng sinh là người bệnh còn Ngài là vị lương y, chẩn bệnh cho bệnh nhân, biết anh ấy bệnh gì, biết nguyên nhân gây ra bệnh, biết bệnh có thể chữa khỏi, ra toa cho anh ấy mua thuốc uống và khuyên anh ấy siêng năng chữa trị bệnh sẽ khỏi. Uống thuốc hay không là quyền của anh ấy chứ Ngài và bất cứ ai cũng không thể can thiệp được.

Đã là chân lý thì tại sao chúng ta không chịu làm theo? Tại sao chúng ta không chịu trở về với giáo lý ban đầu của Phật Thích-ca? Không chịu quay lại nhìn vào chính mình như Ngài đã làm, đã dạy? Để thực hiện những điều trên, tôi mạn phép đề nghị Giáo hội Phật giáo Việt Nam phát động phong trào trở về với giáo lý ban đầu của Phật Thích-ca trên cả nước. Nghiêm cấm các chùa tổ chức phát lộc, cúng sao giải hạn và những hủ tục khác vào dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ vía, rằm ngươn. In ấn, phát hành rộng rãi những bộ kinh Nguyên thủy cho mọi người theo đó tu tập, hành trì.

Đề nghị Tăng Ni và các học giả viết sách luận giải và thuyết giảng nhiều hơn về lãnh vực này, đồng thời giảm bớt thuyết giảng kinh điển Đại thừa. Bởi vì, phần lớn Phật tử, tín đồ thuộc loại trung bình thấp, trình độ nhận thức hạn chế nên rất khó lĩnh hội những giáo lý cao siêu, uyên áo. Hẳn là rất nhiều người không biết thế nào là vô ngã, sắc không, tâm vương tâm sở... Đã không hiểu hoặc còn mơ hồ thì làm sao thực hành được? Sau cùng, tôi đề nghị Phật tử và tín đồ tích cực hưởng ứng phong trào, không tham gia và tẩy chay những buổi lễ mang màu dục vọng mê tín.

Mặc dù niềm tin vào các thực thể tâm linh và các vị Phật, Bồ-tát tôn giáo đã thấm vào máu nhiều người nhưng không có việc gì không thể, miễn chúng ta quyết tâm và không ngại khó, chán nản. Hãy tự tin vào chính mình và hãy bắt đầu ngay bây giờ, nếu chậm trễ hoặc không làm thì tình trạng chệch hướng, suy đồi, biến tướng ngày càng trầm trọng hơn. ■

Cô hoi tồ rac

LÊ HẢI ĐĂNG

Bất chấp điều cảnh báo được phát đi từ thông điệp: *"Du lịch là một ngành công nghiệp không khói, nhưng có rất nhiều rác"*, chúng ta vẫn rơi vào "vết xe đổ" của một hiện thực đã từng xảy ra.

Nhiều địa phương trong cả nước đang phải oằn mình gánh chịu hậu quả của rác. Đằng sau bước chân du khách, nổi ưu tư, ám ảnh về rác ngổn ngang như cơn ác mộng. Nhiều bãi biển xinh đẹp, nhiều khu du lịch hấp dẫn, kể cả các công trình kiến trúc tôn giáo liệt vào hàng danh thắng, di sản văn hóa quốc gia... đều lu mờ dần và méo mó trước sự xâm thực của rác.

Riêng đợt Tết Bính Thân vừa qua, nhiều chùa chiền, bãi biển bị chà đạp đến mức biến dạng. Du khách đi rồi để lại một hậu cảnh tan hoang, chán chường, ngán ngẩm, ngổn ngang đủ loại rác sinh hoạt. Trong khi rác thải công nghiệp chưa kịp lắng xuống, rác sinh hoạt lại nổi lên như một trận địa mới không kém phần ác liệt. Chính quyền địa phương kêu ca, bất lực trước sự

tấn công của rác. Không ít trường hợp đùn đẩy trách nhiệm cho nhau; vốn là căn bệnh phổ biến ở nước ta.

Khi người đóng vai trò quản lý biến sự yếu kém của mình thành lỗi lầm của kẻ khác, thì chuỗi nhân quả cuối cùng sẽ đi thẳng đến ý thức người dân. Điều này cũng dễ hiểu, nhưng không dễ giải quyết được vấn đề. Thực tế cho thấy, từ tai nạn giao thông cho đến hậu quả của rác, sau bao năm cố gắng, nỗ lực, tình hình vẫn chưa hề được cải thiện. Vì chúng ta chưa nhận thức đúng mức độ cũng như sử dụng biện pháp phù hợp trước thực trạng.

Nếu cứ đổ lỗi cho ý thức người dân thì sẽ chẳng bao giờ giải quyết được tình hình. Đừng y lại vào ý thức người dân. Tầng lớp gây ra các vấn đề xã hội đã phủ một biên độ khá rộng đủ để cho chúng ta phải ý thức được rằng xã hội tự thân không thể tự điều chỉnh được khuynh hướng khi thiếu thiết chế đi kèm. Nhất là trong điều kiện một đất nước đang chuyển biến từ truyền thống sang hiện đại, từ nông thôn sang đô thị... Tư



tưởng chờ sự chuyển biến tích cực của “một bộ phận không nhỏ” sẽ làm lỡ mất cơ hội giải quyết vấn đề xã hội mới phát sinh.

Thực tế, du khách tham quan tại nhiều địa phương không tập trung ở tầng lớp thấp, nhưng ý thức của họ có cao hay không lại là một chuyện khác. Câu chuyện ấy có liên quan tới công tác quản lý của chính quyền địa phương.

Ngay tại thủ đô Hà Nội, rác cũng bị tập kết trên cây cầu Long Biên nổi tiếng hơn trăm năm tuổi. Tại đây, rác được vớt một cách công khai, giữa ban ngày. Cảnh cả người già lẫn trẻ nhỏ hồn nhiên đứng trên thành cầu tung rác xuống lòng sông Hồng không còn là hiếm. Bao ny-lông dùng để đựng rác thì được treo lên thành cầu để chúng tung bay trước gió. Như vậy, rác đang “thập diện mai phục” trên khắp các địa phương của cả nước. Rác tập trung nhiều ở những thành phố, khu du lịch, rác ngổn ngang ở khu dân cư, công trình kiến trúc biểu trưng, rác trong công viên, trong trường học...

Nói chung, rác ở khắp mọi nơi. Nơi nào có người Việt Nam là nơi ấy có rác! Tất nhiên, sự thật không phải lúc nào cũng như vậy.

Tôi dám thách người Việt sang Singapore vớt rác! Không thể nói rằng, người Việt ở trong nước thì ý thức kém, khi sang đến Singapore thì ý thức được nâng lên. Việc tuân thủ pháp luật trở thành “giả sần” đối với một xã hội thượng tôn pháp luật. Người quản lý xã hội biết dựa vào bộ công cụ pháp lý này để đưa cuộc sống

vào luật. Bất kể ý thức người dân cao hay thấp, đối với những nơi công cộng, tất cả đều bình đẳng. Và đi kèm với công cụ luật là biện pháp chế tài, xử lý người vi phạm.

Nước ta mặc dù đang trong quá trình hoàn thiện thể chế pháp luật, nhưng luật không hiện diện trong đời sống như một biểu tượng quyền uy. Khi luật pháp không nghiêm, luật rừng sẽ phát triển. Luật rừng là quy luật của tự nhiên. Nó cho phép kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu, phần con thắng phần người. Tất cả dựa trên nền tảng của tập tính tự nhiên. Gặp điều kiện thuận lợi, nhiều người sẵn sàng bỏ phần “người” để ứng xử bằng phần “con”.

Và bản năng con hầu như có ở khắp mọi người. Vì vậy, cảnh cướp giật, ẩu đả trong lễ hội truyền thống, tham gia giao thông bằng hành vi cướp đường, không biết dừng trước đèn đỏ, vớt rác nơi công cộng, không xếp hàng... trở nên phổ biến. Tất cả những biểu hiện lệch chuẩn ấy đều sản sinh trong điều kiện luật rừng phát triển, luật pháp lu mờ và ý thức đi vắng.

Báo Tuổi Trẻ từng mở diễn đàn để xuất biện pháp xử phạt hành vi xả rác bừa bãi. Nếu biện pháp này được thực thi, có thể trông chờ rác sẽ đem đến cơ hội cho cả nhà quản lý và người dân. Đối với nhà quản lý, đây sẽ trở thành một nguồn thu đáng kể, với lý do, tình trạng xả rác của người dân khá phổ biến. Việc thu về nguồn lực chính đáng này không chỉ góp phần tăng thêm ngân sách, mà còn chặn chính được bộ mặt đô thị và đặc biệt là uốn nắn được hành vi công dân. Bên cạnh đó, rác cũng là một ngành công nghiệp mà ngay cả nhiều nước phát triển vẫn gặp không ít khó khăn. Sự nở rộ các phương pháp xử lý rác cùng những thay đổi trong tư duy, quan niệm về rác cũng đem đến cơ hội, thách thức mới.

Giới hạn trong phạm vi xử lý hành vi xả rác ở nước ta, bên cạnh biện pháp xử phạt bằng tiền, nên áp dụng các cách giáo dục mang tính răn đe. Chẳng hạn, chúng ta có thể quy đổi từ tiền phạt ra số giờ lao động công ích. Lấy chính người đã vớt rác đi dọn rác hẳn có tác dụng kép. Một mặt giúp họ nhận thức được hậu quả của hành vi, một mặt thấy được “sĩ diện” của mình đã bị tổn thương. Biện pháp xử phạt kiểu này có tác dụng mạnh hơn mất tiền.

Trong phát triển, chúng ta luôn nhận thức được cơ hội và thách thức. Song, đứng trước nhiều vấn nạn xảy ra trong thực tế, cơ hội và thách thức dường như vẫn chưa gặp gỡ nhau. Thái độ đùn đẩy trách nhiệm của cơ quan quản lý một phần chỉ ra tư duy tách rời giữa cơ hội và thách thức. Nếu cho rác là một thách thức, hãy thử chuyển hướng lấy đó làm cơ hội để tiến hành các biện pháp nhằm giải quyết tình hình. Cơ hội này không chỉ có tác dụng chặn chính những mặt yếu kém trong công tác quản lý, mà còn góp phần nâng cao ý thức người dân. ■





Một thoáng Hàn Quốc

Bài & ảnh: HOÀNG TÁ THÍCH

Giữa tháng 12. Trời Saigon còn đang hầm hập nóng mà vẫn phải cầm theo cái áo khoác nặng trĩu để bước lên máy bay, vì Hàn Quốc bây giờ đang là mùa đông đúng nghĩa thời tiết của nó.

Máy bay đáp xuống phi trường Incheon, Seoul vào khoảng sáu giờ sáng. Gần như chuyến bay nào của Korean Air cũng đều đến Seoul vào sáng sớm, giống như các chuyến bay đến Nhật Bản, mục đích là để những doanh nhân đến đây có thể bắt đầu một ngày làm việc trọn vẹn. Khách sạn thì phải sau 12 giờ trưa mới có thể nhận phòng. Chẳng biết làm gì hơn là làm một chuyến du lịch nho nhỏ thăm đảo Nami cho hết buổi sáng vậy.

Bây giờ đang là mùa đông nên nhiều rừng cây trên đảo trụi lá, nhưng những con đường đất giữa hai hàng thông thì vẫn rất thơ mộng. Đường đất vì người ta

không trải nhựa để thiên nhiên hơn, nhưng đất rất chắc. Dĩ nhiên mùa thu thì cảnh sắc sẽ rất tuyệt vời như đã thấy trong phim. Và dù đang là mùa đông, thời tiết khá lạnh, nhưng cứ chừng nửa tiếng thì du khách - phần lớn là người Hàn và người Hoa, người Nhật - được những chiếc phà lớn cách đất liền chỉ vài phút không ngớt đổ xuống bến. Vì vậy mà trên hòn đảo nhỏ này có rất nhiều quán cà-phê để mọi người nghỉ chân. Thỉnh thoảng trên đường đi lại có một đống lửa lớn để du khách có thể sưởi ấm đôi chút. Lác đác vài nơi có những tấm hình rất lớn của cặp tài tử nổi tiếng trong phim "*Bản tình ca mùa đông*" để du khách chiêm ngưỡng, chụp hình kỷ niệm. Những điều đó có thể thấy trong phần quảng cáo của các công ty du lịch trước khi đến đây, nhưng những căn nhà vệ sinh và những thùng rác được thiết kế rất mỹ thuật đặt trong những góc kín đáo rải rác khắp nơi thì có lẽ phải đến đây mới thấy. Thấy để thần phục sự chu đáo

của cơ quan tổ chức du lịch Hàn Quốc. Vì đây là nơi dành cho du khách, chứ giữa đường phố Seoul thì chẳng bao giờ tìm ra một thùng rác. Nhờ vậy mà tuy khách du lịch ăn uống linh tinh khắp nơi, vẫn không thấy một cọng rác vứt bừa bãi; không phải như ở xứ mình, sau một lễ hội thì công viên, đường phố trở thành những bãi rác. Đến như hồ Xuân Hương ở Đà Lạt có tiếng là thơ mộng mà đôi khi cũng đầy cả rác rưởi nữa là.

Trở về thành phố, lấy phòng khách sạn thì trời cũng đã khá chiều. Nghỉ ngơi một lát, mọi người đi bộ xuống phố. Phố đây là những con đường nhỏ chỉ vừa hai chiếc xe hơi tránh nhau một cách khó khăn. Rất nhiều con đường như thế chung quanh khu khách sạn. Hai bên đường là cửa hàng, quán ăn. Rất nhiều quán café. Từ sáng sớm người đi bộ đã đông đúc, khắp nơi, nhưng những chiếc xe hơi hoặc xe giao hàng vẫn len lỏi một cách khó khăn trong yên lặng, không một tiếng còi giữa đám đông và chưa hề thấy một chút nào phàn nàn của người đi đường. Khoảng bốn giờ chiều thì những chiếc xe bán thức ăn ở đầu kéo đến chiếm dọc lòng đường, nên xe cộ cũng không ra vào nữa. Người đi bộ càng về tối càng tấp nập, mua sắm và thưởng thức những món ăn nhanh ngoài đường. Chẳng thấy một ai hút thuốc. Tưởng dân Hàn chê thuốc lá, hóa ra không phải. Những người đến cơn ghiền cũng không hút giữa đám đông người mặc dù là ngoài đường và cũng chẳng có bảng cấm. Họ tìm vào những con hẻm rất hẹp không có người đi, đứng yên lặng một mình trong một góc tối để hút; không như ở bên mình, bất cứ nơi đâu cũng có thể phì phèo điếu thuốc không cần biết tàn thuốc có thể bay vào mắt ai.

Giữa đường phố đông người, một thanh niên vừa chế biến thức ăn nhanh vừa bán trên chiếc xe của anh ta, nên phải mang găng tay mỏng và không thể lấy tiền của khách; nhưng khách vẫn có thể trả tiền bằng một chiếc hộc có nhiều ngăn, tự bỏ tiền vào và tự lấy tiền thối. Trong những con hẻm rất hẹp, vắng người, không có hàng quán cũng như những xe bán thức ăn giữa đường, nhưng lại có những tủ lạnh hoặc tủ gỗ đặt sát vách tường, bán bia, nước ngọt hoặc những thức ăn trong bao bì. Muốn mua một lon bia, thì cứ mở tủ mà lấy, nhưng muốn trả tiền thì phải vất vả hơn, vì phải đến cách chỗ đó chừng vài chục bước để tìm ra một cánh cửa của một gian hàng rất hẹp, có một người ngồi đó để nhận tiền. Không thể tưởng tượng được con người có thể đạt đến mức văn hóa cao như thế. Đây là chưa kể hôm sau đến thăm một ngôi chùa ở giữa thành phố: Phật tử hoặc du khách có thể mua thực phẩm như gạo, đậu, nếp và bạch lạp để cúng dường Tam bảo trên một tủ kệ đặt trong một góc sân chùa với hàng chữ: “Tự phục vụ”. Như thế nghĩa là người mua cứ lấy hàng, có bảng giá và cho tiền vào trong một khe hở phía dưới.

Đi len lỏi giữa đám người đông đúc mà trong lòng có cái cảm giác thanh thản an toàn vì biết rằng không

thể có một kẻ bất lương nào bên cạnh mình. Có thể dùng điện thoại, nói chuyện, chụp hình, nghe nhạc, phụ nữ cầm ví... một cách an tâm không sợ bị giật.

Phố cổ ở Seoul cũng là một nơi đáng đến. Một khu phố nhỏ, hầu hết là những căn nhà xưa cả hàng trăm năm san sát nhau trên một ngọn đồi thấp. Những cây tùng cây bách chẳng khác gì những cây bonsai lớn phủ xuống những mái nhà ngói cổ rêu phong làm khung cảnh đẹp và thơ mộng như những bức tranh cổ giữa một thành phố văn minh hiện đại bậc nhất thế giới. Nhiều nhà phía trước có treo hàng chữ: “Xin giữ yên tĩnh”. Nhà thì cổ, nhưng có lẽ toàn là dân nhà giàu, vì rất nhiều xe hơi hàng hiệu đỗ phía ngoài. Ngang một cửa hàng nhỏ bán đồ kỷ niệm cho du khách, thấy cửa kính đóng, nhưng bên ngoài có một chiếc bàn chung những món đồ nho nhỏ. Cầm một vật thấy ưa ý, nhưng loay loay chẳng biết trả tiền ở đâu. Cuối cùng đành phải bỏ lại vì có người cho biết cửa hàng đã đóng, chẳng có ai đứng bán. Thế mà hàng thì vẫn để ngoài đường. Quả là bây giờ mới có khái niệm thế nào là thời Nghiêu Thuấn.

Buổi sáng vào tham quan một ngôi chợ bình dân rất lớn ngay giữa thành phố. Có lẽ cũng là ngôi chợ tiêu biểu của Seoul. Người tấp nập mua bán, ăn uống xôn xao. Mua một bịch cơm khá là đặc sản của Hàn Quốc, vừa đi vừa tìm cách xé bao bì plastic ra, nhưng có hơi khó khăn vì lớp nylon dày quá. Đang loay loay chưa biết làm thế nào thì bỗng nhiên một chàng thanh niên đứng bên cạnh, có lẽ là chủ một gian hàng ngay đó, chia ra một cây kéo cùng một nụ cười. Không những thế mà khi miếng rẻo nylon vừa được cắt rời ra thì anh thanh niên đó đã một tay lấy lại cây kéo, một tay giữ miếng rẻo đem vào trong vì phía ngoài không thấy thùng rác nào. Người ta nói người Hàn Quốc dữ tợn đâu không thấy, nhưng chỉ thấy những người lịch sự nhẹ nhàng với du khách mà thôi.

Ngày cuối cùng mọi người lên xe đến phi trường để về nhà. Anh tài xế nhận tiền một ngày, đếm xong trả lại một ít. Hỏi tại sao, anh bảo hôm nay thay vì chạy tám tiếng thì chỉ đi có bảy tiếng, nên chỉ nhận tiền bảy tiếng mà thôi. Bảo cứ xem như tiền “bo” cho vui về với nhau nhưng cũng vẫn từ chối.

Vào đến phi trường trong khi ngồi chờ lên máy bay thì điện thoại hết pin. Chưa biết làm sao thì nhìn thấy gần có đó một cái bàn đầy những dây sạc điện thoại đủ loại. Trên đó đã có ba bốn cái đang sạc pin, nhưng chẳng thấy ai đứng gần đó cả. Nghĩ mà thấy cảm khái. Những tên bất lương chuyên giật điện thoại ngoài đường phố ở Việt Nam chỉ cần qua đây một thời gian thì kiếm không biết bao nhiêu là thứ có tiền. Nhưng nghĩ cho vui thế thôi, chắc chắn ở cái xứ này chẳng có ai thèm mua ba cái đồ trộm cắp, và nếu có kẻ muốn ăn trộm thật thì nhìn lui nhìn tới chẳng bao giờ thấy được một người giống mình, có lẽ cũng sẽ rất ngại ngừng không dám ra tay.



Seoul là thành phố lớn nhất của Hàn Quốc. Thông thường những nơi kinh tế phát triển mạnh thì tệ nạn cũng theo đó mà leo thang. Như Huế, như Đà Nẵng và nhiều thành phố khác, bây giờ cũng khác xưa khá nhiều. Trái lại, ở đây, ngay giữa trung tâm thành phố mà không thấy một dấu hiệu nào của những chuyện xấu. Chỉ có năm ba ngày du lịch nên không đủ thì giờ để tham quan những nơi khác, nhưng nếu ở Seoul đã thế thì những nơi khác đáng tham quan có lẽ cũng đều như thế. Hoặc có thể cũng có những nơi có tệ nạn, nhưng những nơi đó chính quyền sẽ không để cho khách du lịch tham quan. Không ai muốn vạch áo cho người xem lưng làm mất thể diện quốc gia hoặc vô tình làm ảnh hưởng đến nguồn lợi từ công nghệ du lịch. Thực ra, đâu phải người Hàn Quốc nào cũng đều là người tốt, bằng chứng là ở Việt Nam, cũng có nhiều

tội phạm quốc tịch Hàn bị bắt vì nhiều tội trạng khác nhau. Nhưng những người xấu đó chỉ có thể hành sự trong một môi trường xấu. Trong một xã hội được tổ chức một cách hoàn chỉnh, dân trí cao, toàn là những người có ý thức đạo đức thì họ sẽ bị lạc lõng và sẽ bị thoái hóa, không thể tồn tại được.

Đi mấy ngày qua xứ người, thấy nhẹ nhàng như đang ngồi xem *"Bản tình ca mùa đông"*. Lại còn thấy khá nhiều chuyện nghĩ ra thật lạ, thật buồn cười và đáng phục, đồng thời cũng thấy cay đắng đau lòng khi về lại nước mình. Giá như những người trong giới bình dân có thể có một lần qua đó, nhìn thấy dân trí của người ta; và biết đâu cũng sẽ có những suy nghĩ chín chắn. Một môi trường tốt sẽ tạo ra những con người tốt, và những thiếu sót con người gian xảo cũng sẽ cảm thấy lạc lõng rồi có thể tự nhiên sẽ dần dần trở thành người tốt. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thần hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **358 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Nhà dài của kỳ ộc

Bài & ảnh: TRỊNH CHU

*Em khóc khác xưa rồi
Em cười cũng khác xưa.*

(Olga Bergholz)

Cách ví von ưa thích của các nhà nghiên cứu về văn học và truyền thống dân gian vùng Tây Nguyên là so sánh nhà dài với tiếng chiêng ngân. Sự ví von nổi tiếng đến độ gần như trở thành một định thức văn hóa: Cứ nói tới Tây Nguyên, lập tức người ta nghĩ ngay đến công chiêng và nhà dài. Song, trước những biến cải phức tạp của đời sống, giờ đây, cả nhà dài và tiếng chiêng đang dần dần... ngấm lại.

Trên đường đến buôn Bơ Đẳng (thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng), tôi rẽ vào Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Bảo Lâm, tranh thủ nắm sơ lược một vài thông tin. "Cách nay chưa lâu, Bảo Lâm vẫn còn giữ được hai căn nhà dài. Một căn ở Đạ Tồn (thôn 6, xã Lộc Tân) và căn nữa ở Bơ Đẳng (thôn 2, xã Lộc Bắc). Nhưng hiện giờ, huyện Bảo Lâm chỉ còn mỗi căn ở Bơ Đẳng. Có lẽ đây cũng là căn nhà dài cuối cùng còn tồn tại trên mảnh đất Lâm Đồng", ông Trịnh Xuân Thủy, Phó Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Bảo Lâm, nói thật lòng.

Tôi trộm nghĩ, nhà dài mà mất, hẳn những tập tục tốt đẹp liên quan cũng chẳng còn lý do để tồn tại. Như thế, sứ mệnh lịch sử của dạng thức văn hóa đặc trưng Tây Nguyên đến đây có thể nói lời cáo chung? "Mới đây, căn nhà dài ở buôn Bơ Đẳng đã được ông Khuất Minh Ngọc, Phó Phòng Quản lý Di sản thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, cùng các cộng sự tiến hành sửa chữa, tôn tạo. Kinh phí thực hiện khoảng 100 triệu đồng. Ngoài ra, Phòng Quản lý Di sản còn hỗ trợ kinh phí giúp người Mạ ở Lộc Bắc phục dựng Lễ Mừng Lúa Mới (Nhô R'he) truyền thống theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hóa năm 2015 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch", ông Trịnh Xuân Thủy thông tin. Sự chủ động sửa chữa căn nhà dài ở buôn Bơ Đẳng cũng như việc lên kế hoạch kéo Lễ Mừng Lúa Mới về gần hơn với đời sống đương đại của ngành Văn hóa Lâm Đồng trước nguy cơ nhà dài bị xóa sổ vĩnh

viễn là một dấu chỉ đỏ cho thấy mọi chuyện vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát.

Tôi mang theo tin vui này, nhắm hướng Tỉnh lộ 725 và cứ thế thẳng tiến. Sau khi vượt qua quãng đường trên 40 cây số, tôi đã có mặt tại nơi muốn đến. Trời Lộc Bắc nắng đang phôi hết về rực rỡ thì bất chợt có cơn mưa bóng mây xen ngang. Hẳn đã là mưa bóng mây thì không thể đủ độ to, nặng để làm nên thương hiệu trận mưa rừng, nhưng cũng khiến cho cảnh vật trở nên hanh hao trong chốc lát và vì thế cuộc trở lại buôn Bơ Đẳng của tôi nhuộm thêm màu hoài niệm.

Ông Âu Phương Chính, Phó Chủ tịch UBND xã Lộc Bắc, tận tình dẫn tôi đi khảo sát thực tế. Khác với những lần trước mà tôi có dịp tiếp cận, căn nhà mới được sửa chữa, nên trông tinh tươm và gọn ghẽ hẳn. Bà Ka Dết, chủ nhân căn nhà, đi vắng. Con dâu bà chẳng mấy bận tâm trước sự xuất hiện của chúng tôi. Em gái bà lại khá thân thiện, niềm nở mời khách vào nhà. "Tuy không phải là căn nhà đẹp nhất, dài nhất từng tồn tại ở buôn Bơ Đẳng, nhưng chắc chắn đây là căn nhà duy nhất còn lại trên vùng đất này tính đến thời điểm hiện tại", em gái bà Ka Dết quả quyết. Chị Ka Hạnh, gọi bà Ka Dết bằng dì, cũng có mặt ở đây và cho biết: "Không phải là không thích ở nhà dài mà trên thực tế không



còn nhà dài nữa để ở. Bởi, các anh thấy đây, rừng đầu còn nhiều như trước, thì lấy đâu ra nguyên vật liệu nữa mà làm nhà? Với lại, trước kia, nếu ai đó trong buôn có nhu cầu làm nhà, mọi người sẽ xúm tay góp sức mà không hề đòi hỏi tiền công gì. Còn ngày nay, đó có lẽ là điều khó kiếm nhất!", khi tôi hỏi vì sao nhà dài lại ngày một vắng bóng. "Nội cái việc tìm kiếm lá mây, dây mây, tre nứa... thôi cũng đã đủ mệt rồi. Vì giờ đây phải đi kiếm xa hơn, tốn công sức và tiền xăng xe hơn. Trong khi đó, mái nhà cứ ba năm lợp lại một lần. Chưa kể, tuổi thọ trung bình của một căn nhà dài cũng chỉ tầm mười năm. Chính vì thế, duy trì nhà dài là một công việc hết sức khó khăn", anh K'Thần, con trai bà Ka Dết, nói thêm.

Theo chị Ka Hạnh, ưu điểm của việc sống trong nhà dài là mùa khô thì rất thoáng mát; còn mùa mưa, lại ấm áp, dễ chịu. Bên cạnh đó, nhà dài còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống tín ngưỡng và văn hóa của cộng đồng người Mạ.

Nhà dài, trong tâm thức cộng đồng Mạ, là nơi thiêng. Chỉ trong căn nhà dài, các nghi thức, lễ thức của người Mạ mới diễn ra bài bản, trọn vẹn. Cũng như âm nhạc công chiêng, chỉ thật sự là chính nó, một khi được tấu trong không gian thiêng, không gian đêm đại ngàn, với lửa rừng, suối thác, nhà dài, lễ nghi nông nghiệp cùng những con người Tây Nguyên mộc mạc, thô giản, đậm tính ngưỡng nguyên thủy. Nếu tách rời các yếu tố này, sự vẹn nguyên, nồng nàn, huyền hoặc của công chiêng sẽ không còn. Nhà dài còn là nơi để nuôi cái ché, cái chiêng, nơi để cộng đồng người Mạ nuôi lửa, nuôi những bài hát cổ xưa và cùng hướng về miền tâm linh huyền bí, khả kính. Thế nhưng, ngày nay, không

gian thiêng ấy đang sụt giảm nghiêm trọng cùng tỷ lệ với độ che phủ của rừng.

Rừng, phần nổi của tảng băng trong vấn đề duy trì nhà dài. Phần chìm tảng băng lại đến từ nhiều nguyên nhân khác, triệt để và sâu xa hơn. Trong quá trình tìm kiếm nguyên nhân sự mai một của nhà dài, tôi nghe có người bảo ấy là do phương thức sản xuất thay đổi kéo theo hình thái kinh tế thay đổi. Thêm vào đó, là những biến đổi trong đời sống, sinh hoạt, văn hóa, tín ngưỡng của cư dân gốc Tây Nguyên đã tác động tiêu cực đến văn hóa nhà dài. Người thì bảo đấy là do sự giao lưu và đan xen giữa các luồng văn hóa đã vô hình trung tạo nên sự xâm thực về văn hóa theo kiểu cá lớn nuốt cá bé, dẫn đến cư dân bản địa không còn mặn mà với nhà dài nữa. Có người lại khẳng định nguyên nhân là vì ý thức về tư hữu làm nảy sinh sự so bì, mâu thuẫn, khiến các thành viên trong gia tộc không thể sống chung được với nhau nữa và thế là nhà dài bị mai một. Cũng có người nói cuộc sống nương rẫy đơn giản ngày xưa đang bị thay thế bằng cuộc sống hiện đại với quá nhiều nhu cầu về vật chất cùng sự phức tạp về tinh thần đã đem đến cho nhà dài những cái chết lâm sàng...

Cá nhân tôi cho rằng, nhà dài Tây Nguyên là một dạng thức văn hóa đặc trưng của người Tây Nguyên. Nó là phản xạ tự vệ của con người trước môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Trước kia, để chống chọi với thiên tai, thú dữ, địch họa... con người phải quần tụ, sát cánh bên nhau, nhằm bảo toàn sự sinh tồn của dòng tộc, cộng đồng. Từ đặc tính quần cư này, căn tính tộc người Tây Nguyên cũng dần được hình thành qua năm tháng và nhà dài là một thiết chế văn hóa đặc



hữu, mang tính biểu trưng cao nhất cho sự cộng sinh, cộng cảm. Nhà dài, ngoài việc thể hiện sự quần cư, tính cộng đồng, còn cho thấy hình thái tổ chức xã hội giữa những thành viên trong gia đình: cách thức khai thác không gian sinh hoạt, cách thức tổ chức các nghi lễ, bố trí công việc làm ăn, quyết định những vấn đề hệ trọng liên quan đến cả gia đình, kể cả chuyện tiếp đãi khách khứa..., nhất cử nhất động phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của người đứng đầu.

Tuy nhiên, một khi ý thức hệ đã đổi khác, dạng thức văn hóa nhà dài cũng khó mà giữ nguyên trạng. Nếu có cố công để duy trì, trường hợp tồn tại của căn nhà dài ở buôn Bơ Đăng chẳng hạn, thực chất cũng chỉ bảo tồn về mặt hình thức (thuộc thể), còn nội dung (thuộc linh) rất khó để đem sự sống trở lại cho căn nhà. Nói theo một nghĩa nào đó, căn nhà ấy mới chỉ được bảo tồn ở phần xác, nó cần được thổi hồn vào để trở thành vật thể sống, ấm áp và sinh động. Nhìn tổng thể, căn nhà của bà Ka Dết có chiều dài khoảng 20 mét và vẫn giữ nguyên cách thức bài trí truyền thống. Bếp lửa là nơi gia chủ để nhiều thứ: thức ăn, xoong nồi, quả bầu giống, gùi, dao, xà gạc... Chiêng, ché, trống, kèn cùng các vật dụng dùng để ủ rượu cần..., thì bày biện ở phía vách đối diện với cửa ra vào chính. Sừng thú, lông chim, gốc lúa, cây nêu... đã sử dụng trong lễ cúng, được trưng bày ở gian giữa của căn nhà. Nhưng tôi không chắc, sự bài trí và cách thức khai thác không gian sinh hoạt này có còn mang lại sự cộng cảm giữa các thành viên trong gia đình nữa hay không? Tôi quan sát thì đã thấy có nhiều xáo trộn. Đơn cử như việc đặt và khai thác tính năng của bếp.

Trong khi tồn tại hai gia đình nhỏ sinh sống, đúng ra phải là hai bếp. Cả những dấu hiệu để nhận biết căn nhà là một vật thể đang sống: mùi khói bếp, mùi mồ hôi người, mùi rượu cần văng vất... cũng không rõ ràng cho lắm. Cùng đó, là ý thức muốn tách bếp, trở thành một gia đình riêng biệt của vợ chồng anh K'Thân, khi có điều kiện. Do đó, những tính toán, lo liệu trong đại gia đình cũng như mối quan hệ giữa các thành viên đã bắt đầu trở nên lỏng lẻo.

Có lẽ do sốt ruột, từ này đến giờ, con dâu bà Ka Dết mới cất tiếng nhất gùng: "Sắp về. Gọi điện rồi. Cứ đợi. Cần thì hỏi thêm!". Quả nhiên, chưa đầy năm phút sau, tôi đã nghe có tiếng xe gắn máy dừng trước cửa. Tôi mở lời chào, nhưng không thấy trả lời. Chủ nhân căn nhà chậm rãi bước vào bên trong. Chẳng thềm rời mắt khỏi điều thuốc rê đang quần dờ, bà Ka Dết thản nhiên: "Có mang tiền theo không mà hỏi?". Tôi chưa kịp phản ứng, vì quá bất ngờ, chủ nhân căn nhà dài rút bật lửa, lơ đãng châm thuốc, rít một hơi dài và tiếp: "Nếu không mang tiền, đừng có đến nữa!", rồi lạnh lùng nhả khói.

Tôi xưa nay luôn có cảm tình đặc biệt với những người dân tộc thiểu số chân mộc, thô giản, có lối sống hết sức hào nhiên, nghệ sĩ. Chưa bao giờ tôi thấy người dân tộc thiểu số coi nặng và đánh giá cao vật chất, dù rất nghèo. Nhưng có lẽ vì thời thế đã đổi khác, người dân tộc thiểu số buộc phải hay tự update (cập nhật) và tiêu hóa quá nhanh thuật ngữ kinh tế thị trường để tồn tại chẳng? Bất cứ lý do gì được đưa ra thì đây cũng là một sai lầm lớn. Sai lầm vì đã đẩy văn hóa xuống hạng chót trong các mối quan tâm. Sự hưng thịnh của một dân tộc phụ thuộc vào vị trí mà văn hóa ngự trị, chứ không phải sắc mùi tiền bạc phách lối.

Tôi đi tìm văn hóa, rất may là đã gặp. Chưa thể gọi là trọn vẹn, nhưng dấu sao cũng gợi nhắc đôi điều về một thời dĩ vãng chưa hẳn đã xa, ít ra trên phương diện văn hóa hữu thể. Bởi ở buôn Bơ Đăng, căn nhà của bà Ka Dết vẫn còn giữ được những nét chính về mặt hình thức của một căn nhà dài truyền thống, đó là kiến trúc và cách bài trí không gian sinh hoạt. Trở trên ở chỗ, chủ nhân của căn nhà đó lại có cái cách hành xử hết sức khó hiểu. Tôi không rõ, mối quan tâm của bà Ka Dết là văn hóa (như ai đó từng viết bà Ka Dết đã thẳng thừng từ chối sống trong căn nhà kiên cố do Quân khu VII xây tặng) hay những thứ khác ngoài văn hóa? Tôi cũng không rõ, nếu văn hóa mà bị lãng quên, nhà dài sẽ còn lại gì? Câu hỏi được đặt ra, nhưng e cũng chẳng cần đến câu trả lời.

Thời thì giờ đây, nói về nỗi nhớ tiếc một loại hình văn hóa, văn hóa nhà dài, một chiều kích bí ẩn của đại ngàn Tây Nguyên, cũng là... một niềm vui rồi. Chẳng phải người Nhật có một phong tục rất đẹp: ngồi dưới gốc mai anh đào trân trọng uống rượu để mừng hoa nở và cuối mùa lại ngồi uống rượu dưới gốc đào, trân trọng tiễn hoa rụng đó sao! ■



Tháng Ba đã đến

BÙI SỸ CĂN

Tháng Ba, những đợt mưa xuân nhẹ nhàng như sương giăng; và như có phép lạ, muôn loài cây chỉ chờ có vậy để bùng lên một sắc xanh bắt đầu cho chu kỳ sinh sôi; xen vào đó là những ngày nắng hoe vàng - còn gọi là nắng non - vỡ òa trên khắp làng quê. Thời gian này ít có những cơn gió lạnh tràn về, mà chỉ thấy những làn gió đông hây hây đang tràn lan khắp các cánh đồng. Cũng vào mùa này, những cành cây khẳng khiu thì nhau đâm chồi nảy lộc, li ti hoa chanh, hoa bưởi, hoa lộc vùng... bùng nở sau một giấc ngủ dài.

Tháng Ba không phải là mùa để người ta nhớ về những loại hoa sang trọng như đồng tiền, lay-ơn, thược dược, cẩm chướng hay hoa lan hoa huệ đua nhau khoe sắc; tháng Ba là mùa để nhớ về những bông hoa đồng nội.

Cây gạo cổ thụ đầu làng tôi suốt nửa năm đứng trầm ngâm thì nay đã bật lên những bông hoa đỏ làm cháy rực cả khoảng trời, thấp sáng một vùng quê. Trên con đường lá tre rắc, rải lối đi. Mẹ tôi bảo, "Tre thay lá là đom đóm bay ra". Quả thật, mới chập tối mà từ những bụi tre, ao bèo... đã lập lòe những đốm sáng lân tinh.

Ngoài đồng, trên những chân ruộng màu, vùng đang trải màu xanh. Những ruộng tra độ, màu đất nâu bịn rịn bên những hàng đỗ non giăng hàng vừa trở hai lá mầm ve vút trong nắng sớm.

Cây bưởi trong vườn cũng đang thay lá; những lộc non mỡ màng từ nơi đầu cành, nách lá đỡ những chùm hoa xòe nở cánh trắng, hương thơm ngào ngạt theo gió ngan ngát khắp làng. Cây chanh trầm lặng cũng

đơm những bông tím nhỏ nhoi. Ven đường, dưới chân đề, hay trên những sườn đồi thoải thoải, những cây xoan nở hoa tím ngát; những cánh hoa lấm tấm rơi đầy lối ngõ, khi cơn gió thổi qua, có mùi hăng hắc...

Tháng Ba, trên những quả đồi tròn, những cây nhãn cây vải chiu chít hoa; những bông hoa li ti màu vàng sáng đung đưa theo gió. Tháng Ba cũng là mùa con ong đi hút mật; hòa trong làn gió nhẹ là tiếng vo ve của bầy ong đi tìm mật. Dưới mỗi gốc nhãn gốc vải, người ta lại đặt một ổ ong...

Tháng Ba, lúa đương thì con gái trên cánh đồng quê màu xanh no ấm trải tới chân trời. Lúa đang độ đơm hoa, những bông hoa lúa trắng phớt, hương thơm tỏa ngát ngập cánh đồng.

Những loài hoa đồng nội dịu dàng bình dị đã đi vào ký ức của bao đức con xa. Chính những loài hoa đó đã gợi nhớ da diết làng quê nghèo nơi tôi đã sinh ra. Nơi lũ trẻ chăn trâu thả diều trên gò bãi; đá bóng dưới bãi sông; mò tôm trong các vũng; đào dế, bắt cào cào hay nhặt những bông hoa gạo đỏ xâu thành chuỗi đeo vào cổ làm tràng...

Tháng Ba, mùa của hội làng. Trong tiết trời se se lạnh, cả làng quê chìm trong màu tím phớt hăng hắc của hoa xoan, màu trắng ngan ngát của hương hoa bưởi; người già, thanh niên nam nữ và cả trẻ nhỏ náo nức đi hội. Trong tâm hồn mỗi người lại thức dậy mấy câu thơ của Nguyễn Bính:

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ
Mẹ bảo, thôn Đoài diễn tối nay.*

Tháng Ba, cả làng quê đua nhau vào hội. Nếu không có những lễ hội như thế thì thiếu đi mùa xuân, thiếu đi chút lãng mạn của thời gian, thiếu đi tình nồng ấm con người; giống như mùa xuân thì không thể thiếu mưa xuân. Những đứa con xa tìm đâu được màu đỏ rực khát khao của cây gạo đầu làng, tìm đâu được hàng xoan tím mịn, để mùa xuân nào nhớ không về được đều thấy nhớ mong khắc khoải.

Mỗi độ tháng Ba về, trước cảnh sắc thiên nhiên, trước những thang màu rung rinh của hoa đồng nội giữa mùa xuân phơi phới bay, con người vẫn thấy cuộc đời còn nhiều thứ để yêu. ■

Xanh hơn niềm hy vọng

HỒ NHỤY

Đợt cuối đông trời lạnh ngắt, có ngày đến mấy ca bệnh viện cho về, những trường hợp mà nếu rút ống thở xem như hốt thẩn đã trước mặt. Tôi rất sợ mình trong hoàn cảnh đó đối diện với cái chết thường xuyên, liệu có vơi đi niềm đau như lần chứng kiến người nhà bệnh nhân quy xuống nhận tin dữ. Có lần vừa dọn cơm ăn ở hành lang tầng dưới, tầng trên bỗng vang “Ba ơi sao không về nhà. Ba ơi sao bỏ chúng con mà đi vậy?... Lại nhớ hình ảnh cô bé ấy. Vừa bước vào phòng cấp cứu đã thấy em gọi “chú ơi cứu cháu với”. Chợt nghĩ có bác sĩ đó còn tôi giúp được gì, rồi ra hiệu em gắng lên nằm yên, ở đây ai cũng đau đớn cũng đều vật vờ. Nhưng rồi khoảng ít phút sau, em nữ sinh nhỏ bé người dân tộc ấy hụt hơi đột ngột đến khó ngờ. Từ đây khép lại những buổi mai được bạn đèo đến trường, từ đây cô bé đi về cõi vĩnh hằng xa lắm, vắng tiếng cười đùa, vắng tiếng mẹ cha gọi về trong cả những giấc mơ.

Chúng tôi vẫn còn mẹ. Hạnh phúc thay. Không lời nào tả xiết nỗi vui mừng lúc mẹ chúng tôi mở mắt sau quãng dài hôn mê. Chỉ ít giây thôi, nhưng nó như tia sáng khiến chúng tôi vượt qua nỗi lo lắng bồn chồn cả những lúc gần như tuyệt vọng gần ba tháng mẹ nằm ở khoa đặc biệt nhất của Bệnh viện Đa khoa Quảng Trị.

Một ngày cuối đông năm ngoái, nghe tiếng kêu nhỏ ngoài hiên, chúng tôi mở cửa đã thấy mẹ ngồi xòa tay bám lấy cửa không tài nào ngồi dậy. Chúng tôi đâu có cơ hội hỏi mẹ nguyên do, hỏi mẹ đã quy xuống đó trong bao lâu giữa cái lạnh se sắt và mưa dầm; chúng tôi cũng không có cơ hội hỏi mẹ, tại sao chưa bao giờ tay mẹ rời gậy, mà đêm đó lại tự lảo lảo bước ra hiên một mình? Bởi mẹ không còn nói được nửa lời từ đó đến nay. Đưa mẹ đi cấp cứu ở Bệnh viện Trung ương Huế, liền được chuyển lên khoa Hồi sức. Nghe nằm ở khoa Tầng Sáu đó chắc ai cũng hình dung ra mức độ nghiêm trọng. Bác sĩ chỉ cho chúng tôi xem tấm phim vừa chụp rồi lắc đầu, bảo xuất huyết não gần như hoàn toàn. Sáng đưa vào, chiều mẹ chúng tôi đã phải thở máy. Ngoài què chuẩn bị đựng sự xấu nhất. Từ Huế ra quê bảy chục cây số, người nhà sợ đến lúc bệnh viện cho về mẹ không kịp đến nhà thở hơi cuối, nên ngày kia xin phép chuyển ra Bệnh viện Đa khoa Quảng Trị, để từ đó về nhà cũng gần hơn rất nhiều. Mẹ gắn mình với cái máy thở. Chúng tôi vẫn nhớ cảnh lúc ra đến đã

khuya lắm, đưa mẹ đi chụp phim, mới rút máy một chốc mặt mẹ liền tái ngắt. Sợ. Và đau. Rã rời, choáng váng. Nhưng rồi, được đội ngũ bác sĩ và điều dưỡng y tá tận tình chăm sóc, mẹ chúng tôi bình thường dần, chụp phim thấy lượng máu trong não không rịn thêm. Đành là vậy, cái ý nghĩ về một điều tồi tệ vẫn dấy lên tâm thức, khiến nhiều lúc tôi như thấy bầu trời trước mặt sụp xuống. Rồi một lần đang ngồi bàng quơ nhìn lên phòng cấp cứu bỗng nghe giọng ai đó “không mẹ bầu trời tối lắm”, tự dung nước mắt ứa ra. Chúng con có lỗi! Mẹ phải gượng trở về ngôi nhà cũ ngồi nhìn ra khu vườn xanh tươi với vật mình tinh, khoai lang và cải ngồng đang mùa trổ hoa rạo rực.

Cuộc đời có những nhân duyên thật khó lường. Tôi tin ở phước đức của mẹ. Tôi tin vào ánh mắt của những bác sĩ còn rất trẻ ở một bệnh viện lớn mới xây dựng và hoạt động chưa lâu. Dẫu *kinh nghiệm* là điều cần tích lũy, song trước hết ở họ có bản lĩnh, có tri thức y học tiên



Ảnh minh họa

tiến lại được sự hỗ trợ của máy móc và thuốc men hiện đại. Những hành động tiêu cực không hẳn được loại ra bởi mấy dòng chữ của bệnh viện mạnh dạn dặn người nhà phát hiện thông báo, mà chính là niềm kiêu hãnh của tấm áo trắng trên mình những thanh niên tràn đầy nhiệt huyết, làm việc với thật nhiều ước vọng. Tôi chưa từng thấy đội ngũ từ bác sĩ đến y tá điều dưỡng vui tươi, chân tình đến vậy ở khoa “đầu tàu” ở một bệnh viện mới thời khắc đối diện với những bệnh nhân mong manh sự sống, lâu lâu lại vang lên tiếng than, tiếng khóc của người nhà trong nỗi bất lực của số mệnh.

Tôi vẫn thường mỗi sớm sau khi đã lên với mẹ, xuống ngồi tỉ mẩn chế ly cà-phê, ngồi ở hành lang của tầng hai nhâm nhi, nhìn lên căn phòng dài ấy với những khuôn mặt thân quen, thậm chí thấy rõ niềm tin trên mặt, thoảng nghe tiếng cười giữa các nữ điều dưỡng, đến cô hộ lý trẻ cũng toát lên sự nhẫn nại gần như hoàn hảo đưa lại niềm tin cho những phận người xa lạ. Tôi tưởng đến nhiều khuôn mặt ấy già dặn hơn, cả về tay nghề; chợt nghĩ lòng từ mẫn vì người bệnh có giảm dần theo năm tháng? Cuộc sống đưa đẩy, những ai siêu thường lắm mới gạt nổi danh lợi, hướng về tha nhân phụng sự. Ngày xưa *lượng y như từ mẫu*. Chân lý này trong xã hội tân tiến đang dần nhạt bởi sự lên ngôi của vật chất. Người ta thường nói, lượng y vốn là người tạo nên vô lượng phước đức, cũng là người rất dễ gây vô số nghiệp lực. Ngay đến ý niệm luôn mở ra niềm hy vọng cho bệnh nhân cũng sẽ trở thành một thiện nghiệp trong tương lai sẽ dội ngược vào chính mình; dẫn theo quy trình chẩn đoán y khoa, người bệnh ấy đã là hết cách chữa. Đây chính là nguyên lý mà các nhà khoa học lượng tử đã nhận biết. Càng ngắm càng thấy tin yêu những con người tận hiến, càng thấy tin yêu cuộc đời vẫn nhiều lắm những lượng y xem bệnh nhân như người thân, như hàng xóm của chính mình vậy.

Từ Huế chạy xe ra Đông Hà, tôi thường xuất phát vào chiều thứ Sáu đến Chủ nhật về lại để làm việc, để “tích trữ lương thực”. Mỗi lần mang một ba-lô đầy, gặp lại ai cũng hân hoan chào đón. Có lẽ tình cảm chan hòa giữa những người nhà bệnh nhân đã khiến họ vui buồn khổ, vui đi quãng thời gian buồn tẻ đợi chờ được lên thăm người bệnh mỗi ngày lễ thể. Một chàng thanh niên chưa vợ có việc làm trong Nam ổn định lương khá, ra chăm mẹ lâu quá đành ngậm ngùi bỏ ngang. Một bác người dân tộc chiều giở ra hộp cơm còn một nửa, người bên cạnh thấy liền cho thêm, ông ăn một ít rồi đóng hộp lại dành cho vợ. Những con người tới đây, dầu đầy đủ về vật chất thì mặt tinh thần cũng buồn thảm, còn gì phải nặng lời với nhau, còn gì phải nhỏ to tị hiềm. Hãy ngồi yên một chỗ, những câu chuyện những con người mang nhiều số phận khác nhau vẫn dội vào. Hoàn cảnh của bệnh nhân đã đành, người chăm sóc dần dà cũng lộ ra những khúc quanh trong đời. Một ông già, tều tếu bảo, tóc bạc rồi còn lau dẹt cho vợ như trẻ nít; nhà ở tít trên cây số 75, ông có nương chuối

đến vài ngàn gốc; Tết vừa rồi không thuê được người chặt buồng, thế là mất trắng, mặc chuối chín rục trên cây; số đã đem về không ai bán giùm, một ngày trở về thấy rui xuống trong nhà tiếc ngẩn ngơ; thấp nhang lên bàn thờ xem như tắt niên sớm cho ông bà tổ tiên, rồi lặng lẽ khép cửa ra đường bắt xe lên viện, nắn nã mãi cứ vào lại ra không bước nổi; nhìn người người ngược xuôi với hoa trái, chạnh lòng nghĩ, sao mình khổ thế! Lỡ ông pha chút vui vui mà thấm buồn.

Chiều hai chín năm cũ gió hiu hiu. Người bệnh ở các khoa khác đa phần xin về mấy ngày vui Tết. Trong những hành lang sầm tối vắng hoang liêu, gió lùa hun hút. Khuôn viên bệnh viện rộng thênh. Loanh quanh một vòng thấy đời sao bé nhỏ. Cố ghim mình không phóng tầm về thành phố bạt ngàn hoa, cố ghim mình không bước khỏi cổng bệnh viện để hiện hữu niềm hân hoan của một mùa xuân đang về tung bùng. Cảm giác mình gục xuống. Nhưng rồi bỗng nghĩ mẹ nằm trong kia khổ vạn lần. Chợt nhớ câu hát cũ “chỉ bên mẹ là mùa xuân thôi”, lại vững tâm bước vào khu dành cho người nhà bệnh nhân. Gặp đứa cháu thương mẹ quá trời, mang đến nào mút gừng nào bánh thuẫn nào bánh tét. Đứa cháu tuổi đôi mươi, phơi phới biết bao hên hò, lại bảo “giao thừa, Bep ở lại đây đón Tết với mẹ với o với mọi người”, nghe thương lạ lùng.

Vẫn tiếng lách rách của máy thở máy đo nhịp tim đo huyết áp từ trên tầng ba vọng xuống làm nôn nao trắng xóa cả đêm. Rồi giữa không gian khá tĩnh kia vọng tiếng gọi của nữ điều dưỡng nào đó trong veo: “Người nhà bệnh nhân Y...”. Gọi một mà nhiều người ở sảnh thò đầu khỏi chần, người khác nhồm dậy bốn chồn. Vậy là không phải người nhà mình. Mẹ chúng tôi còn sống. Cũng tiếng gọi cao vút như vậy từng rót vào tàn đêm, mấy phút sau điện thoại vang. Tiếng sột soạt thu vén đồ đạc, tiếng bước chân thỉnh thoảng lên xuống cầu thang, tiếng cáng trượt phía tầng trên đưa bệnh nhân về nhà cùng tiếc nắc nghẹn làm xung động bao ánh nhìn theo khiến nhạt nhòa bóng tối. Tôi nhiều lần ở nhà cũng bị ám ảnh bởi tiếng điện thoại nửa đêm. Nghe chuông reo là vùng dậy toát mồ hôi. Chắc có việc gì đó thôi, không liên quan đến mẩu tin xấu về mẹ. Rồi cũng phải ngủ phải quên, phải mơ về tương lai một vùng sáng... Năm giờ trời còn đục, đã nhiều người lục tục dậy lên khoa làm vệ sinh. Nào giấy khô giấy ướt giấy đa năng, nào khăn nhỏ khăn to, nào tã nào tấm lót, nào nước sôi nước chè nước trâu om vào phích rửa cho thông máu, đỡ hâm loét. Phía góc khoa có một bệnh nhân bị tai nạn không giấy tờ tùy thân, đành gọi vui tên Vô Danh; các cô trở thành người nhà thay nhau chăm; ai còn son thì được “ưu tiên” chọc ghẹo gặng lo cho khéo rồi đưa về làm chồng, đẹp trai thế kia. Vào với mẹ, tôi thường dừng lại bên Vô Danh bảo niệm “A-di-đà Phật” nhé, niệm nhiều rồi người nhà sẽ đến đón về, em sập mi mắt thay cho gạt đầu. Bỗng một ngày Vô Danh bập bẹ phát âm, rồi nói ra tên mình

và quê quán. Té ra ở gần cầu Trắng, có xa bệnh viện là bao. Đêm mồng 5/3/2016, sau gần 5 tháng, khoa đón một vị khách đặc biệt - cha của Vô Danh. Người đàn ông khóc nức, cả ngày hôm sau đứng mãi bên con vừa chăm vừa khóc đến mắt đỏ hoe; cả nhà nhờ đến công an nữa tìm không ra, cứ tưởng con vào Nam làm ăn. Có thêm bà o cũng khóc, đau và tủi, bởi từng thấy người ta “rao” cháu trên facebook, nhưng trông mặt và người ốm xo và tên lại là Vô Danh nên phẩy qua.

Mẹ chúng tôi vẫn nằm đó, gần cửa. Có thời gian người phủ lên, hơi thở mỏng hơn tờ giấy lụa. Rồi hen, đờm tấn cổ, phổi viêm. Bác sĩ mở phế quản cho dễ thở. Có người bảo thường như vậy là sống thêm được ít ngày. Nghe mà xót! Nhưng lại nhớ đã vài lần bác sĩ thử cho mẹ cai máy, chỉ được ít phút khuôn mặt ấy rần lên rồi khụt khụt... Nay khác rồi. Bước ngoặt trong đời mẹ. Thân hình ấy đã xẹp lại những dư thừa, da dẻ hồng tươi như hồi còn ở nhà, dường như lượng máu trong não đang dần hấp thu ngược vào cơ thể. Máy cô điều dưỡng còn chọc “o sáng mô cũng tô son cho mẹ hả”; một bác sĩ thêm “mẹ nằm lâu tươi da thẩm thịt, môi còn hồng hơn con gái nữa kia”. Rồi sáng đó, đôi mắt mấy tháng nhắm liền ấy bật mở. Chúng tôi ủa lên “mẹ ơi mẹ ơi, mẹ thấy ai đây không”. Nỗi mừng trào lên tắc nghẹn,

niềm vui có thể khiến người ta bật khóc. Giờ mẹ không phải thở máy, vậy là thời gian ngắn nữa có thể cho về nhà; bác sĩ dặn “chăm cho khéo mẹ còn sống lâu”, rồi tận tình bày cho nhiều “bí quyết”. Ôi, đời một người khó lường định mệnh, 92 tuổi phước tướng cạn vẫn thấp lên thứ ánh sáng diệu kỳ. “Con à, không ngừng thấp niềm hy vọng trong từng giây phút, sống trọn với nó, hướng vào tâm nhận diện sự thanh tịnh trong ngần và chỉ hướng ra ngoài sự bao dung với tất cả mọi người ta gặp”. Thấy tôi từng dạy như vậy. Duyên lành ẩn giữa những bí mật khôn cùng. Lời cảm ân chân thành âu không bao giờ đủ, cũng xin gửi đến những bác sĩ, điều dưỡng, y tá từng ở bên mẹ chúng tôi suốt thời gian mẹ nằm ở khoa Hồi sức tích cực và Chống độc Bệnh viện Đa khoa Quảng Trị. Cảm ơn những người nhà bệnh nhân trong đau khổ bội phần vẫn gieo vào chúng tôi niềm hy vọng. Để chúng tôi không nguôi mơ về một sáng mẹ bỗng ngồi dậy nhìn quanh hỏi đây là đâu; rồi mơ về một khuôn mặt đẹp như Bồ-tát ngồi trên chiếc xe lăn trong nỗi vui của cháu con. Và tôi còn tưởng về hình dáng ấy với chiếc chổi cán dài quét hoa giấy rụng đầy sau hồi nhà. Mơ dáng mẹ vội vã gom lúa giữa cơn giông đang về. Mơ những lần mẹ lại chống gậy quanh xóm; bảo, đèo mẹ về, mẹ nhớ nhà quá rồi. ■

Ảnh minh họa



TRẦN TƯỜNG NHI

Chưa già
Chỉ không còn trẻ nữa
Không muốn với sao trời
Chẳng mong điều kỳ diệu
Xin được đón niềm vui
Nho nhỏ bình thường thôi
Mỗi ngày khi nó tới
Vui đi không tiếc nuôi
Buồn đến cũng hề chi
Hi, nộ, ái, ô gì
Chẳng phải điều to tát
Buồn vui trong chốc lát
Gắng giữ được an nhiên
Chẳng dễ bị muợn phiền
Vớ những điều mặc định
Chấp nhận điều không tính
Cho lòng được thanh thoi.

* * *

Chưa già
Chi không còn trẻ nữa
Để biết cuộc đời này
Ngắn như một gang tay
Mình như những đám mây
Rong chơi
Giữa dòng đời vô định.

NGUYỄN DŨNG

Gửi anh những ánh sao đêm
Sáng soi con sóng êm đềm bình yên
Gửi anh tiếng hát vành khuyen
Lời yêu thổ thề đoàn viên em chờ
Gửi anh lọn tóc mai thề
Hương hoa em ướp ngày về trao anh
Gửi anh những lá thư xanh
Mắt nghiêng vành nón long lanh ngày nào
Gửi anh trọn trái tim đào
Ấm nồng thấm giữ chiến hào biển khơi
Gửi anh bao nụ duyên cười
Theo anh ra trận biển trời Việt Nam.

TÌNH BÌNH

Nghe chiều hoen mắt ướt
 Khói cong vờn tre xanh
 Quê hương mờ lối vắng
 Bước chân đi chẳng đành...
 Lòng rung rung se thắt
 Khói đốt đồng chiều quê
 Mái tranh xưa - dáng mẹ
 Neo lòng ta vọng về...
 Vắng trong tiềm thức cũ
 Man mác một lời ru
 Vương hồn tôi một thuở
 Góc quê hương xa mù
 Giữ gìn ta chút nhớ
 Vạt nắng chiều xiên khoai
 Mái tranh nghèo khói bếp
 Quẩn quýt hồn - không phai...



Cội nguồn

TRƯỜNG KHÁNH

Qua bao lau lách, ải truông,
Vững chân ta đứng dưới sườn đồi nghiêng.
Ai thao thiết khóc bưng biển!?
Và ai khê gọi hồn thiêng cội nguồn!?

Dặm dài - triển ải - vô ngôn,
Mang thiêng - rêu phủ - xanh dờn lối đi
Nam-mô, bất khả tư nghĩ,
Cõi lòng tịnh lắng gió vi vu - chiều.

Tìm không, tìm có, bông phiêu!!
Ba-la yết-đế giáo điều bờ kia...
Chuông ru, canh lặng, gió khua,
Lãng-nghiêm rót mật cũng vừa sang canh...

Non xanh

PHẠM ÁNH

Anh về trong mắt em xưa
Mấy năm tình vẫn hạt mưa lặng thắm
Sông dài còn ánh trắng ngân
Em ơi xin hẹn một lần trăm năm

Tơ tình ai buộc ai giăng
Dầu xa cánh nhạn biệt tấm chân trời
Non xanh ngả bóng sông trôi
Ngập ngừng bóng lá song đôi dịu hiền

Trái tim về với trái tim
Tự ngàn xưa đến vô biên khôn cùng
Lối xưa tình cũ ngập ngừng
Nghìn năm nước biếc nghìn trùng non xanh.

Hoài niệm sông quê

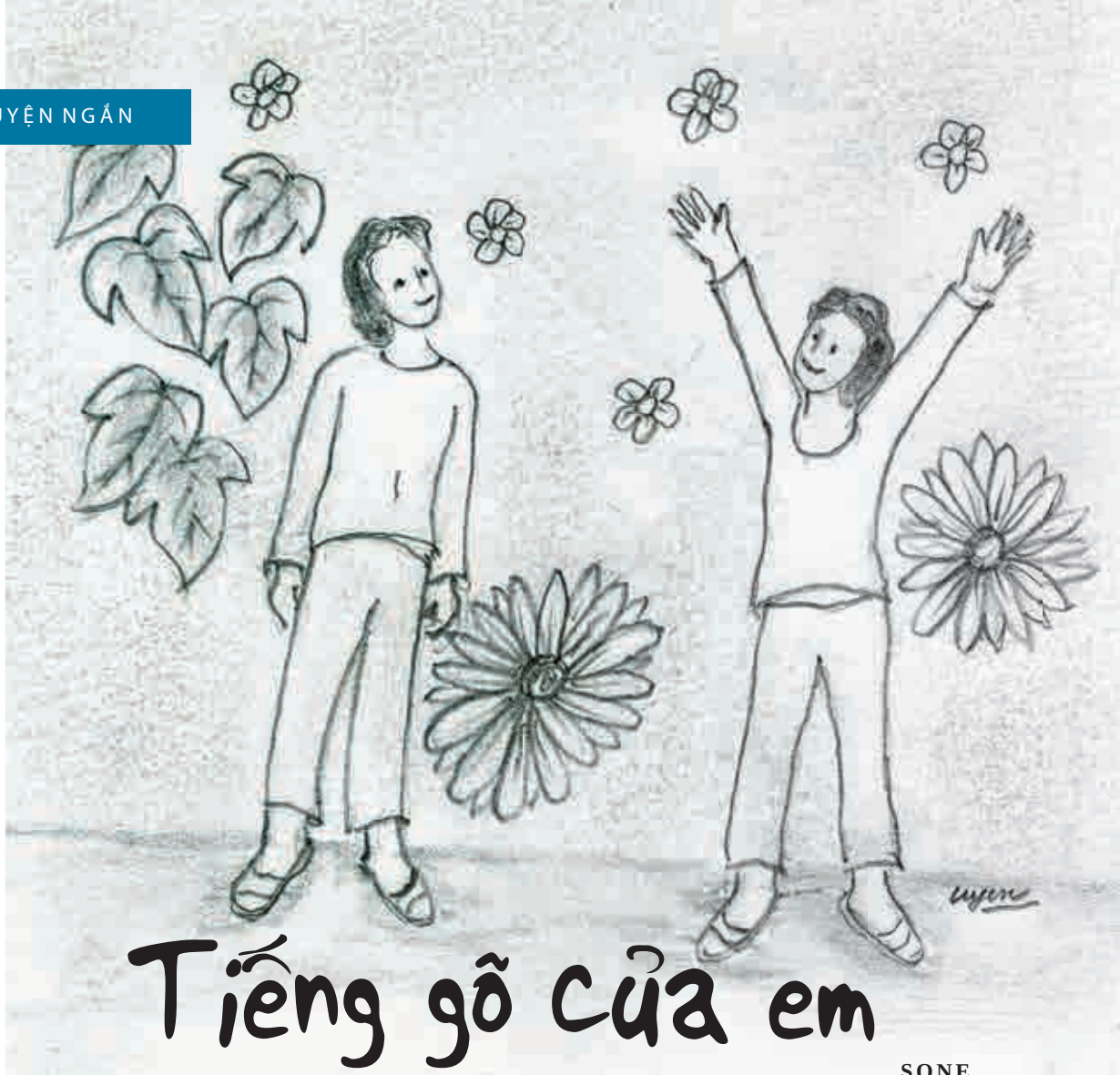
SÔNG HƯƠNG

Một chiều qua bến sông quê
Bờ lau năm cũ vọng về tuổi thơ
Thương ai tháng đợi năm chờ
Đêm nghiêng tiếng võng... ru hờ ngày xưa

“Cái cò đi đón cơn mưa”
Riêng em lặng lẽ đón đưa đời mình
Cũng thân trúc mọc đầu đình
Mà sao trắc trở, gập ghềnh phận duyên

Sông quê sóng vỗ mạn thuyền
Đôi bờ ôm ấp mấy biển dâu xanh
Câu hò thao thức năm canh
Em ru giữa bóng trắng thành tri âm

Tôi về sau mấy mươi năm
Chút hương ngày cũ như thắm đầu dây
Sông quê con nước vui đây
Người... sao tựa cánh chim bay cuối ngàn.



Tiếng gõ cửa em

SONE

Cứ mỗi khi không ngủ được, tôi lại vô thức gõ vào bức tường. Những âm thanh dội lại nghe thật vui tai làm tôi nhớ cả một quãng trời khi hãy còn thơ bé. Mỗi khi như vậy tôi lại nhớ về em tôi da diết, một nỗi nhớ nhưng chẳng thể tượng hình.

Nó với tôi là hai chị em sinh đôi nhưng lại sống ở hai nhà khác nhau. Nó ở nhà ngoại còn tôi ở nhà nội. Vì ba mẹ tôi dong ruổi theo những con tàu bám biển ngày đêm nên chúng tôi được bà nuôi dưỡng; dầu thế, nhà nội hay nhà ngoại đều nghèo nên không thể nuôi cả hai đứa mới chia ra ở như vậy. Tuy nhiên, nhà hai bà lại chỉ cách nhau một bờ kênh, chỉ cần băng qua hai cánh đồng với một cây cầu là đã tới nhà người kia nên khi nhớ nhau, chúng tôi chỉ cần gặp nhau trên cây cầu mỗi khi đến lớp là được. Nó giống tôi như tạc. Từ bờ môi, ánh mắt, nụ cười, nên nhiều người cứ hay nhầm lẫn hai đứa. Họ lại ít thấy hai đứa đi chung với nhau nên hề tôi tạt qua xóm nó hay nó ghé xóm tôi là cứ y như rằng người ta nghĩ chúng tôi là nhau. Từ khi lên bốn lên năm chúng tôi đã xa nhau nhưng không hiểu tại sao tình thương và nỗi nhớ nhưng máu thịt chưa khi nào rời bỏ.

Cứ mỗi cuối tuần bên ngoại lại dẫn nó về nội nhưng chưa khi nào dẫn nó vào nhà mà chỉ dẫn đến rồi lại đi. Cũng bởi hai nhà không thuận nên chúng tôi ngày đó ít có điều kiện gặp nhau. Là máu thịt nhưng khi mới gặp nhau tôi lại như có cảm giác lạ lẫm, tính tôi trầm ít nói còn nó thì lại vui tươi hơn hở, vừa thấy tôi nó đã ôm thốc vào, rồi hai đứa xoắn xuýt đi chơi. Nội tôi khó chứ không dễ chịu như ngoại, nội cấm tôi không được bước chân qua bên kia cây cầu. Ngày nhỏ thì bảo bằng hai cánh đồng là xa lắm, đến lớn thì lại nói thẳng ra là không thích ngoại. Tôi được nội nuôi dưỡng từ bé, những lễ giáo dường như có từ thời phong kiến ăn sâu vào máu thịt của tôi, từ việc ăn cơm không phát ra tiếng động, khi ăn không nói chuyện cho đến những trò đùa nghịch của lũ trẻ cũng phải giữ ý tứ. Ngoại tôi thì khác, rất dễ tính nên em tôi lúc nào cũng hiểu động tự do được sống như tuổi của mình.

Lúc mới gặp nó, nó đứng yên lặng ngoài sân, nội bước ra uy nghiêm, còn tôi đứng khép nép lẳng lặng bên cạnh. Vừa thấy tôi, nó đã chạy ào tới:

- Chị, chị.

Trong tôi dấy nên một nỗi xúc động mạnh không nói thành lời, bỗng nội xô nó ngã cái uych và hắng giọng:

- Con gái con đứa, đi đứng ăn nói cho lễ giáo, từ tốn, không phải cứ gặp người thân là thốc vào thế được.

Lòng tôi đau một cơn, mắt nó nhói một cơn, nhưng tôi còn bé quá không dám bước ra đỡ nó dậy. Cùng cùng một gương mặt, cũng là cháu nhưng dường như nội chẳng thích nó vì nó đã chọn ở với ngoại. Bữa ăn nó cứ chọc nội la miết, còn tôi ý tứ kín đáo ngồi ăn nhưng lúc nào cũng nghĩ giả như bữa cơm nào cũng vui vẻ như có nó thì thật tốt. Tối về, nó ngủ lại để sớm hôm sau ngoại tới đón về, nội phạt nó hư không cho ngủ trong phòng, hai đứa tôi ngủ cách một tấm tường mỏng. Nửa đêm, tôi hay khó ngủ, cứ lẩn qua trở lại. Vì nhà nội sát bờ sông, tỉnh tôi lại nhất nên nghe tiếng ếch nhái kêu là sợ cứ thức trắng một quá mới thiếp đi. Bỗng tôi nghe tiếng nó hỏi nhỏ:

- Chị, chị không ngủ được hả?

- Ừ, tại chị sợ.

- Chị đừng có sợ. Có em đây mà, này nhé, mỗi khi chị khó ngủ, chị gõ vào bức tường, em sẽ gõ lại, có em thức rồi chị hãy ngủ đi.

Nó nói rồi làm thật. Tự nhiên tôi có cảm giác an tâm mà ngủ được. Có những khi nó về không có nó bên cạnh, đêm chẳng rõ vì sợ hay vì nhớ nó mà tôi thức trắng, bỗng đưa tay ra gõ vào bức tường, phía bên kia cũng có tiếng gõ lại thật nhẹ, tôi vội chạy ra, cạnh cái lu tối hù là nó.

- Sao em lại ở đây? Tối rồi. Hơn nữa, nội thấy nội mắng chết.

- Rảnh em mới qua đây, đợi chị ngủ rồi em về nè.

Tự nhiên tôi đứng khóc tả tơi còn nó luống cuống không biết làm gì. Thì ra nó đã bằng hai cánh đồng trong buổi tối để có thể chờ tôi ngủ rồi lại tắt tả về trong đêm. Vì thương nó tôi tập quen với nỗi sợ để nó không phải về giữa đêm như thế nhưng hễ có nó bên cạnh là tôi bỗng trở nên yếu mềm, vì tôi biết khi tôi không ngủ được đã có em tôi bên cạnh.

Khi chúng tôi bắt đầu đi học, vì học chung một lớp nên chúng tôi hầu như gặp nhau mỗi ngày. Bạn bè trong lớp cứ luôn cho rằng sinh đôi là điều gì đó lạ lắm nên cứ quần quýt cạnh hai đứa tôi. Ở quê thì không thiếu gì để chơi nhưng cứ cách nhau một cây cầu là thế giới của tôi và nó dường như khác xa nhau lắm. Có những buổi đi học nó dạy tôi chơi đánh đáo, chơi nhảy dây, tôi cứ một mực từ chối vì: "Nội bảo con gái phải ý tứ không nhảy cẫng cẫng lên thế được" thì nó lại bảo: "Chị cứ như thế thì mất cả một đời tuổi trẻ". Cái kiểu nói như chắc nịch lại tỏ vẻ người lớn khi mới chừng ấy tuổi đầu làm tôi phì cười. Thỉnh thoảng những mùa lúa lên, nó và đám bạn lại kéo tôi đi thả diều, chạy suốt trên những triền đê theo những cánh diều tự do, nó hay nhìn thơ thần rồi nói:

- Chị biết em ước gì không? Em ước ba mẹ sẽ về ở luôn với hai đứa mình và em sẽ về ở với chị.

Tôi nhìn nó ngẩn ngơ. Rồi chưa kịp để tôi nói gì nó nhảy như con ếch vồ lấy một chú cào cào bên cạnh.

- Món này chiên lên là mấy bát cơm đấy chị.

- Eo ơi, em ăn cả món này cơ à?

- Ngon đáo để đấy chị.

Từ khi có nó tôi lao theo những cuộc vui không đầu không cuối, từ một cô gái khó gần trong mắt bạn bè vì quá kín đáo và ý tứ tôi dần cởi mở hơn. Nó hay dắt tôi ra đồng để gặt lúa phụ ngoại, những lúc ấy tôi lại đối nội có những buổi học thêm, nó dạy tôi cách bắt cào cào, cách bắt lũ cua rồi chính nó lại bị những chị của kẹp đứng khóc giữa đồng. Nó tinh tướng nói chuyện với lũ vịt chạy đồng:

- Chúng mày nhé, tao vớt hết lúa, rồi còn sót lại cho chúng mày tất.

Lối nói của nó làm tôi phì cười. Nhưng dẫu thời gian có trôi qua, chúng tôi lớn dần lên thì mỗi khi về nội giữa hai đứa vẫn có một tấm vách ngăn. Khi tôi lên cấp ba, mỗi khi khó ngủ, tôi lại gõ vào tấm vách, nghe tiếng gõ lại đều đều tôi lại mãi miết ngủ say. Những hôm về nội, nó thường mang về cả rổ cua vì biết tôi thích ăn, nhìn cách nó ngồi chàng hảng cả hai chân để rổ cua ở giữa, rồi cậy gạch tôi lấy làm tò mò. Nội tôi nhìn thấy chỉ nhai vội miếng trâu bồm bồm:

- Gớm, cái kiểu ngồi, cứ như ngoại nó.

- Trời, nội nói hay. Ngồi sao thoải mái là được chứ. Cũng có ăn là được mà.

Nội dường như đã quá quen nên cũng chẳng buồn nói lại. Tự nhiên trong mắt tôi khi ấy nó cứ như... một anh hùng vì đã dám... cãi nội. Nó ngồi cậy gạch tỏa nắng vàng ươm còn tôi ngồi nướng bánh tráng bên cạnh. Có một buổi trưa nó trở tài nấu món riêu cua ăn với bánh đa. Nó đưa tôi cái tăm nhỏ rồi bảo:

Thử không chị?

Thôi không dám. Kinh chết, bên đây chú hay làm, chứ con gái mà cứ xé toạc ra như thế thì...

Chưa nói hết câu nó đã ấn vào tay tôi. Tôi thử làm, nhìn miếng gạch như nở hoa trong cái bát tôi thấy có gì đó vui vui. Nó nhìn tôi mỉm cười rồi quăng vội mấy cái yếm cua cho mấy chị gà chồ giành ăn cho đám con. Bát cơm hôm đó dẫu món riêu đã bị tôi cho hơi quá lửa nhưng tôi vẫn thấy rất ngon, chỉ có nội tôi thì thoảng tắc lưỡi còn nó vẫn cứ bưng húp xì xụp.

Đến khi tôi chuẩn bị vào đại học thì sau hàng chục năm bên ba kiếm tiền nuôi sống gia đình cuối cùng ba mẹ tôi cũng về. Hai chị em tôi cuối cùng cũng về dưới một mái nhà thì tôi hay tin đậu đại học trên phố. Thế là chúng tôi lại xa nhau. Sau bốn năm đi học xa, tôi quyết về cống hiến để đổi mới quê mình chứ không ở lại phố. Nó đã trở thành một cô thôn nữ xinh đẹp hiền lành và dịu dàng hơn rất nhiều. Hai đứa tôi vẫn ở hai phòng khác nhau vì nhà đã có điều kiện hơn, để mỗi người tự do trong khoảng trời riêng. Bỗng nửa đêm, chẳng hiểu vì mệt hay sao tôi lại khó ngủ, bỗng nhớ tới lời nó hơn chục năm về trước, tôi gõ thử vào bức tường rất nhẹ, phía bên kia, có những tiếng gõ lại thật êm, tôi bỗng yên tâm chìm vào giấc ngủ. ■

Lão ngư vớt rác ve chai trên sông Đồng Nai

Bài & ảnh: TRƯỜNG TRÍ

Cụ ông tên Nguyễn Văn Chúc, đã 86 tuổi; còn cụ bà tên Trần Thị Sáu, năm nay vừa tròn 80. Hai ông bà già sống nương tựa nhau trên chiếc bè chật hẹp chỉ 5m² đậu ở làng cá bè trên sông Cái, một nhánh sông Đồng Nai, thuộc địa bàn khu phố 6, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa. Hai người có hết thảy năm người con, tất cả có gia đình riêng, ai cũng có cuộc sống nghèo khó, tạm bợ bám víu vào cái nghề nuôi cá bè rất bấp bênh và chênh vênh trên mặt sông.

Hai ông bà sống bằng tiền trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng của nhà nước cho người cao tuổi vốn vụn gần 500.000 đồng cộng với chút ít số tiền nhỏ mọn từ nguồn gom góp bán rác ve chai. Vậy mà hai vợ chồng già vẫn cười mỉm nói rằng coi vậy cũng đủ sống lay lắt qua ngày đoạn tháng đó thôi.

Cụ Nguyễn Văn Chúc là dân làng chài sông nước thứ thiệt. Cụ hiểu rõ mọi luồng lạch con sông Đồng Nai như trong lòng bàn tay mình. Làm nghề chài tôm cá phải theo con nước ròng, nước lớn nên còn thời gian rảnh rỗi; như thành thói quen, ông cụ dong chiếc ghe nhỏ cập dọc theo bờ sông nhặt rác ve chai. Rác ve chai là những vỏ lon bia, chai nhựa nước ngọt, chai nước suối... từ những quán nhậu, nhà hàng, quán cà-phê ven sông do khách tiện tay vứt bừa bãi ra sông. Trên

đường chèo ghe đi, ông cụ thấy bất cứ rác gì cũng vớt lên ghe. Sau đó, cụ Chúc đem về nhà cho bà cụ Sáu phân loại ra, cái nào bán ve chai được thì để riêng, còn lại mấy thứ rác tạp nham như túi ni-lông, bao xốp, quần áo rách... thì ông gom lại đem lên bờ đốt.

Năm 1995, đôi mắt cụ Chúc đột nhiên bị kéo cườm, sau một lần mổ mắt thì thị lực cụ giảm sút nên đành già từ nghề chài lưới sớm hôm. Kể từ đó, công việc mưu sinh chính của cụ Chúc là cái nghề vớt rác ve chai trên sông...

Một buổi sáng đẹp trời, tôi ngồi trên chiếc ghe bé nhỏ của cụ Chúc để cùng cụ lệnh dênh theo chiều dài con nước sông Đồng Nai. Ngồi ở mũi ghe, ông cụ hướng mắt ra dòng sông mênh mông rồi than thở và hình như cụ chỉ đang nói với chính mình: *"Sông Đồng Nai bây giờ nguồn nước ô nhiễm quá rồi, rác rến vô kể..."*. Tôi ngồi ngẫm nghĩ, việc cụ Chúc đi vớt rác vừa là mưu sinh có thêm đồng ra đồng vào, vừa góp phần làm sạch dòng sông, nhưng cái việc hết sức chân chính của cụ đã và đang làm thì có mấy ai biết được. Tự dung tôi thấy thương cảm cho sức ông cụ 86 tuổi này vẫn là chỉ là nhỏ bé trợ trợ giữa cái sự mênh mông, bạt ngàn con nước muôn đời chảy xuôi ngược.

Ông cụ Chúc tuy tuổi già nhưng hai tai còn thính lắm, ông vẫn thích nằm võng cầm cái radio áp sát lỗ tai để cập nhật tin tức hàng ngày. Bất ngờ ông hỏi tôi: *"Tại sao người ta lấp sông? Người ta muốn giết chết con sông Đồng Nai này sao? Người ta không thương con sông Đồng Nai quê mình sao?"*.

Tôi nghe sống mũi mình cay cay khi nghe ông nhắc câu *"... người ta không thương sông Đồng Nai quê mình sao?"*. Tôi không thể và không biết trả lời câu hỏi của ông cụ như thế nào đây? Có thể *"người ta"* nào đó có bao giờ là con người của dòng sông đâu. Họ có bao giờ thử sống một lần ở tận đáy sông để cảm thông những phận đời trôi nổi trên sông và họ có bao giờ thử lắng nghe và thấu hiểu tận tường được những tiếng thở dài trần trụi của dòng sông?

Bóng rắng chiếu xuống lòng lênh láng trên mặt nước, tôi tạm chia tay hai vợ chồng già đã từng sống, gắn bó và chứng kiến biết bao đổi thay của cái làng bè Tân Mai suốt 60 năm qua. Tôi hứa với ông cụ sẽ sớm quay lại thăm ông và ngồi nghe ông kể tiếp những câu chuyện huyền thoại của dòng sông Đồng Nai quê mình. ■



Ảnh minh họa

Tôi để ý đến chị vào một ngày tháng Ba không mưa không nắng; bầu trời yên ả với những đám mây thông dong bay lượn; thỉnh thoảng, vài ngọn gió trời ngoan hiền mơn trớn đôi gò má. Ở một nơi mà thường thường người ta chỉ đến để tìm cho mình một chút thanh thản sau những giờ làm việc căng thẳng, liệu có ai như tôi, để ý đến chị, để ý đến người đàn bà nhỏ nhắn, hiền lành từ trong ánh mắt, nụ cười... cho đến dáng đi, thế đứng... đang ở đó làm cái công việc tô điểm cho cuộc sống hằng ngày. Hẳn là chị cũng chẳng quan tâm đến việc có ai chú ý đến mình; chị vẫn cần mẫn làm công việc chăm bón, tưới tắm, tỉa tót cây cảnh trong công viên bằng đôi tay nhỏ nhắn mềm mại.

Cuộc đời luôn có những người sống trầm lặng như thế. Chẳng cần ai biết đến, chẳng cần ai ngó ngang. Họ cứ lặng lẽ làm công việc của mình, một cách chăm chút, với sự tỉ mỉ nhất, chỉ để tô điểm cho cuộc sống này bằng cách khiến một bông hoa nở, khuyến khích một chiếc lá thêm xanh, mở rộng một tán cây che mát lối đi chỗ ngồi. Tuy đơn giản mà đầy ý nghĩa; vậy đó!

Tôi đã đến công viên nơi chị làm việc rất nhiều lần. Đó là một khu công viên tọa lạc ở một quận gần kề trung tâm thành phố. Tuy diện tích vừa phải, nhưng nơi đây được coi là có nhiều cây cối tươi xanh nhất trong thành phố. Người ta đến đó không chỉ để chụp ảnh, ngắm hoa, xem lá hay chọn một chỗ ngồi dưới tán cây râm mát, nghe một bản nhạc không lời du dương và nhìn buổi sáng yên ả trôi qua. Người ta còn đến đó để hít thở một bầu không khí trong lành. Người già đến công viên để đi bộ hay tập dưỡng sinh. Trẻ nhỏ được người lớn đưa tới để tha hồ chạy nhảy dưới những bãi cỏ non, vui đùa hòa mình vào một chút thiên nhiên nơi phố thị. Cũng có những người đến để đắm mình vào một khoảng không gian riêng của nhau. Còn tôi - một người trẻ như bao người trẻ xa quê khác - đến công viên này để tìm chút thanh vắng cho tâm hồn, nhưng nhớ một vài khoảng trời tươi xanh thuở thơ ấu, tìm gặp vài dáng người, hít hà vài mùi hương, bản thân trước vài hình ảnh như lạ như quen, như nhỏ bé như vĩ đại của những người như chị.

Không hiểu sao mỗi khi nhìn thấy chị, tôi lại liên tưởng đến sự cần mẫn và chăm chỉ của một người nông dân như bao người nông dân đang ngày ngày bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, cày sâu cuốc bẫm trên một cánh đồng nào đó vào vụ mùa ở quê tôi. Sao tôi cứ thấy chị giống những người phụ nữ bàn tay dù thô kệch, chai cứng vẫn rất khéo léo thả từng hạt mầm nằm ngay ngắn trên từng luống đậu, đám bắp... cho mầm xanh nẩy nở, ra hoa, đậu quả. Sao tôi thấy chị giống đến thế so với người mẹ quê của tôi, ngày ngày lặn lội ra đồng từ sớm tinh mơ, chăm chút cho từng thửa ruộng luống khoai đến tận tối mịt mới trở về. Sao mà, từ trong dáng đứng thế ngồi, từ trong ánh mắt nụ

Chị!

TRẦN NGUYỄN HẠNH



cười của chị... tôi thấy một hồn quê thấm đẫm. Thấy cái nét na thùy mị. Thấy cái hiền lành chân chất của những người nhà quê. Thấy thương thấy nhớ mẹ già. Thấy bồi hồi, thấy xúc động... đến thế.

Có một vài lần chị đi ngang qua chỗ tôi ngồi, nhìn tôi rồi nhẹ nhàng mỉm cười. Cái cười của một người lạ với một người lạ không phải tự nhiên đến - mà là cả hai đều cảm được những ý nghĩ quý mến dù chưa nói ra nhưng đã kịp hiện hình trên nét mặt ánh mắt. Nụ cười hiền hậu như cỏ cây, hoa lá, mây trời của một người đang làm công việc chăm bón và gìn giữ cái đẹp bỗng trở thành nụ cười mà tôi nhớ mãi. Tôi thấy nụ cười ấy nồng ấm thân thương, đầy quan tâm như nụ cười của mẹ mình mỗi khi động viên dặn dò tôi một mình sống giữa thành phố, người lạ nhiều hơn người quen. Chợt chị làm tôi nhớ đến người mẹ cả cuộc đời cần mẫn với ruộng đồng, bao năm nuôi con ăn học nên người, nào có biết đến một chiếc áo mới, một đôi dép đẹp, nào có khi nào nghĩ đến sức khỏe mình ngày một yếu dần với những công việc lao động chân tay khổ nhọc. Chợt thấy thương thương, tủi tủi...

Có thể nào vì sinh ra và gắn bó với cái chân chất quê nhà, chị hay những người phụ nữ như mẹ tôi không bao giờ chọn cách sống ích kỷ chỉ biết nghĩ cho mình. Họ bao giờ cũng lặng lẽ sống một cuộc đời mà ở đó họ vĩ đại theo một cách khác - chỉ những người trân trọng điều đó mới thấu hiểu. Họ - dù chỉ chăm chút cho một bông hoa ngọn cỏ, một thửa ruộng luống rau nhưng theo một cách nào đó họ là người đang ươm mầm cho một sự sống mới được hiện diện trên cõi đời này, họ là biểu tượng của cái đẹp, của đức hy sinh đã trở thành nét đẹp trong tâm hồn đáng trân trọng những người mẹ Việt Nam từ xưa đến nay. ■

Ngày 8/3 của chúng tôi

HOÀNG HẰNG

Mặc dù chỉ là thiếu số, giới nữ lưu trong tập thể nhân viên Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* luôn luôn có tiếng nói đầy trọng lượng. Chẳng thế mà chưa hết tháng Hai, chuyện tổ chức mừng Ngày Phụ nữ đã được bàn tán xôn xao trong tòa soạn. Trước hết, các cô yêu cầu được “hộ tống” đến thăm trú xứ của Hòa thượng Trưởng ban Văn hóa Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN, cũng là một vị Phó Tổng Biên tập của tạp chí. Yêu cầu này đã được tập thể “thực thi” ngay ngày 1/3 bằng một chuyến đến viếng chùa Linh Thái ở Hố C Môn. Tiếp theo, chẳng biết quý vị nữ lưu hợp hành ra sao, mà đã có hẳn một “nghị quyết” rằng hoạt động mừng Ngày Phụ nữ năm nay phải được tiến hành đúng vào ngày 8 tháng Ba, không dời lên dời xuống gì cả khiến nó có thể thiếu ý nghĩa. Đối với người làm bán nguyệt san phát hành vào đầu và giữa tháng, ai chẳng biết ngày 8 hàng tháng là một trong những ngày cao điểm? Nhưng thôi, để làm hài lòng và tạo sự phấn khởi cho những vị, tuy thiếu số nhưng lại đóng vai trò quyết định trong lãnh vực “tay hòm chìa khóa” của tập thể, cuối cùng cả tòa soạn đã đồng thuận với ý kiến của các cô. Đến bấy giờ, các cô mới tung thêm một “phụ lục nghị quyết”, rằng toàn bộ sự sắp xếp cho hoạt động mừng ngày Phụ nữ năm nay, từ việc sắm sửa trang hoàng, đến bày biện dọn dẹp... đều phải do cánh “mây râu” đảm trách, quý cô chỉ là “khách tham dự”! Đã lỡ “hứa khả” rồi thì đành phải xắn tay lên thôi, chứ từ chối vào đầu được nữa! Cũng may, giờ chót, thấy Phó Tổng Biên tập Thường trực cho biết chỉ nên tổ chức trong

khuôn khổ tòa soạn để có được không khí ấm cúng thân mật. Đến bấy giờ mới thấy rằng không gian quá nhỏ bé nơi đặt tòa soạn *Văn Hóa Phật Giáo* là một “cứu tinh” đối với công tác tổ chức mừng ngày 8 tháng Ba của tạp chí.

Thật vậy, nếu không thay đổi gì, chỉ sử dụng không gian thường ngày của tòa soạn, thì việc trang hoàng chỉ cần một lẵng hoa “bé bé xinh xinh” có gắn một dải giấy ghi nội

dung buổi sinh hoạt, đặt trên chiếc bàn tiếp khách hàng ngày là đã đủ phần “long trọng”. Còn lại thì chỉ là những chiếc đĩa giấy ly giấy sử dụng cho một buổi tiệc trà. Mọi người cũng vẫn ngồi quanh bàn tiếp khách trên những chiếc ghế đủ kiểu có sẵn được tận dụng!

Nhưng thật bất ngờ, mới 8 giờ sáng, bước vào tòa soạn là đã thấy “không khí lễ hội”! Công việc sắp xếp được “cánh mây râu” tiến hành thật tất bật nhưng không thiếu sự nhịp nhàng. Chẳng bao lâu, đến gần 9 giờ, phòng làm việc mọi khi đã được dẹp trống; một chiếc bàn chạy dọc phòng có phủ khăn trắng muốt; bốn giỏ hoa tươi tắn đặt ở bốn vị trí giữa bàn, bên cạnh là những đĩa bàn lớn bày các loại bánh trái, những chiếc ly thủy tinh úp trên khăn giấy bên cạnh những chiếc đĩa sứ có đặt sẵn dao nĩa được sắp xếp cạnh mép bàn trước mặt người ngồi; quanh bàn là những chiếc ghế xếp mặt nệm cùng một kiểu được bố trí cách đều nhau; ở đầu bàn phía ngoài cùng là một chiếc ghế có tay vịn dành cho người chủ trì buổi sinh hoạt. Thì ra, thầy Trưởng ban Trị sự đã vận động để mượn phương tiện và điều động người chuẩn bị cho việc sắp xếp ngay từ buổi chiều hôm trước. Ngoài ra, cũng cần nói thêm, có một số bánh trái được đưa vào “phục vụ” lại là sản phẩm “cây nhà lá vườn” do các thành viên nữ - đối tượng hưởng thụ chính của buổi lễ mừng - mang đến đóng góp.

Sau 9 giờ một chút, quý vị nữ lưu của tạp chí trong các bộ trang phục bắt mắt lục tục có mặt, tất cả đều tròn xoe đôi mắt với sự ngạc nhiên khi thấy “không gian lễ hội hoành tráng” đã được sắp đặt chu đáo.

Nhìn chung, buổi sinh hoạt diễn ra khá sôi nổi. Sau khi thay mặt Ban Biên tập nói lời chúc mừng đến toàn thể nữ nhân viên của tạp chí nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ, thầy Phó Tổng Biên tập Thường trực đề nghị thầy Trưởng ban Trị sự nêu một số nét chính về ý nghĩa của ngày 8/3. Bằng bản lĩnh của một người quen tổ chức sự kiện, thầy Trưởng ban Trị sự đã tóm gọn lịch sử Ngày Phụ nữ Quốc tế 8/3 với những chi tiết đáng chú ý nhất rồi nêu bật ý nghĩa của ngày này là nhằm nhắc nhở mọi người về vai trò của phụ nữ trong tất cả những hoạt động của cuộc sống con người, nhất là trong các hoạt động xây dựng và phát triển nền văn hóa nhân loại theo hướng chân thiện mỹ.

Tiếp theo, thầy Phó Tổng Biên tập Thường trực lại đưa đề nghị lồng ghép vào buổi sinh hoạt một nội dung tọa đàm nội bộ với chủ đề “Phụ nữ Việt Nam với văn hóa Phật giáo”. Thầy nêu lên một ý tưởng, rằng muốn đóng góp vào việc làm cho tạp chí trở thành một tờ báo được công chúng đọc yêu thích thì chính những nhân viên của tạp chí phải yêu thích tờ báo mà





mình đang phục vụ. Tiêu chí quan trọng để đánh giá sự yêu thích tạp chí là việc nắm vững nội dung tạp chí.

Mặc dù đề nghị và ý tưởng của thầy Phó Tổng Biên tập Thường trực có hơi bất ngờ, nhưng các thành viên của tạp chí cũng đã đáp ứng được sự mong đợi của người phụ trách. Trước hết là những phát biểu của các thành viên nữ. Các cô nêu ý kiến rằng hai bài đã đăng trong số báo phát hành ngày 1/3/2016 có nội dung liên quan đến phụ nữ: bài *"Làm mẹ với tấm lòng của Phật"* của dịch giả Hoang Phong nêu lên một khía cạnh quan trọng trong vai trò của người phụ nữ đối với xã hội, vai trò giáo dục ban đầu; và bài *"Đức Phật Mẫu Hoàng Thiên"* của tác giả Nguyễn Đức Quỳnh trình bày một phần nền tảng văn hóa dân tộc trong việc nhìn nhận vai trò của người phụ nữ Việt Nam. Các cô cho rằng nội dung của tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* luôn đáp ứng được các vấn đề có tính cách truyền thống vào những ngày kỷ niệm trong năm mặc dù thường khi báo không nêu hẳn thành chuyên đề. Nhấn mạnh đến vai trò của phụ nữ Việt Nam đối với văn hóa Phật giáo, cũng có một thành viên nữ nhắc lại bài viết của Hòa thượng Thích Giác Toàn đăng trên số báo *VHPG* phát hành khoảng cuối năm 2011, có tựa đề *"Phật giáo và Bình đẳng giới"*, trong đó có nêu lên những nhận định về những biện pháp cần có để thực hiện sự bình đẳng giới theo quan điểm Phật giáo. Buổi tọa đàm nội bộ cũng đã thảo luận sôi nổi về vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong việc bảo vệ và phát huy văn hóa Phật giáo. Đã có một số đề nghị được nêu ra:

- Phụ nữ cần hiểu sâu và hiểu đúng lời dạy của Đức Phật đã được ghi lại trong kinh điển để tránh những hành vi mang tính mê tín dị đoan trong quá trình tham gia các sinh hoạt Phật giáo như khi đi lễ chùa, khi theo đuổi các khóa tu tập, khi tham gia sinh hoạt ở các đạo

tràng; trong lúc tiến hành các nghi thức mang tính tâm linh ở phạm vi gia đình như không đốt vàng mã, không cúng kiếng với tâm mong cầu...

- Phụ nữ quyết tâm nêu cao tinh thần không tranh giành, chen lấn khi có dịp tham gia các lễ hội; một mặt tránh được trường hợp những kẻ xấu lợi dụng thực hiện những hành vi sàm sỡ hoặc trộm cắp; mặt khác gián tiếp cảnh tỉnh những người còn cố công chen lấn, tranh giành.

- Phụ nữ luôn thể hiện thái độ tôn trọng người khác, là người dễ xướng tinh thần hòa giải những khác biệt trong cộng đồng nếu có.

- Hơn hết, người phụ nữ phải học tập để có kiến thức vững vàng trong việc xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, phù hợp với tinh thần giáo pháp của Đức Phật.

Trong suốt buổi tọa đàm, thỉnh thoảng các thành viên lại có dịp cười sảng khoái khi được nghe các thành viên khác kể về những kinh nghiệm trong những lần dự lễ hội, đi du lịch...

Những thức ăn thức uống được đặt trên mặt bàn cũng được "tận tình chiêu cố; nhất là những món "cây nhà lá vườn".

Mặc dù đã "đọa" trước là chỉ đóng vai khách mời để hưởng thụ sự phục vụ của "cánh mày râu", nhưng rồi có lẽ hưng phấn với kết quả tọa đàm, quý vị nữ lưu cũng đã hăng hái xúm vào phụ giúp dọn dẹp khi chấm dứt buổi sinh hoạt. Tất nhiên, đến phần trả lại không gian làm việc cho tòa soạn thì các thành viên nam kiên quyết yêu cầu quý vị nữ lưu dừng tay.

Quả thật, ngày 8/3 năm nay, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã có được một buổi sinh hoạt nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ thật hết sức bất ngờ. ■



Hỏi Xin cho biết kinh nào nói về mười điều không nên mong cầu và ý nghĩa của mười điều ấy. Có phải Phật giáo khuyên người ta không nên mong cầu không?

(Diệu Hoa, đường Quang Trung, Q.Gò Vấp, TP.HCM)

Đáp Không có kinh nào nêu mười điều không nên mong cầu; chỉ có bộ luận của Đại sư Diệu Hiệp (đời Minh, thế kỷ XIV) nhan đề là “Bảo vương Tam-muội Niệm Phật trực chỉ”. Về sau, trong bộ luận của Đại sư Diếp Khẩu cũng có nêu mười điều nói trên.

Mười điều ấy là:

- 1/ *Đừng mong cầu thân không bệnh khổ* (vì thân không bệnh thì dục vọng khởi lên);
- 2/ *Đừng mong cầu không hoạn nạn* (vì không hoạn nạn thì kiêu sa trở dậy);
- 3/ *Đừng mong cầu không khúc mắc khi xét tâm tánh mình* (vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo);
- 4/ *Đừng mong cầu không bị ma chướng khi xây dựng đạo hạnh* (vì không bị ma chướng thì ý nguyện không kiên cường);
- 5/ *Đừng mong cầu việc dễ thành* (vì việc dễ thành thì lòng khinh thường, kiêu mạn);
- 6/ *Đừng mong cầu lợi cho mình khi giao tiếp* (vì lợi cho mình thì mất đạo nghĩa);
- 7/ *Đừng mong cầu người khác thuận theo ý mình* (vì được thuận theo ý mình thì sinh lòng kiêu căng);
- 8/ *Đừng mong cầu được đền đáp khi thi ân* (vì mong được đền đáp tức là thi ân mà có mưu cầu);
- 9/ *Đừng mong cầu tham dự vào sự việc gì vì thấy có lợi cho mình* (vì tham dự vào thì si mê nổi lên);
- 10/ *Đừng mong cầu biện bạch khi bị oan ức* (vì biện bạch tức là chưa xả bỏ sự phân biệt ta và người).

Đại sư Diệu Hiệp còn trích lời Phật dạy (?): “*Lấy khổ làm thuốc, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy khúc mắc làm thí dụ, lấy ma quân làm bạn đạo, lấy khó khăn làm thích thú, lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ, lấy chống đối làm nơi giao du, coi tri âm là đôi dế bỏ, lấy sự xả lợi làm vinh hoa, lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh*” (bản Việt dịch của Cư sĩ Minh Chánh).

Đúng là Phật giáo có ý khuyên người ta không nên mong cầu. Trong khá nhiều kinh, Đức Phật đã nêu giáo lý Không, sự xả bỏ, vô cầu qua ý nghĩa vô ngã, vị tha, tri túc, diệt trừ tam độc tham sân si... Mong cầu là khơi dậy tham ái, rồi kéo theo sân hận, si mê. Mười điều vô cầu trên đây tạo sự thanh thản trong lòng, thể hiện sự kiên

trì, nhẫn nại, xa rời tham ái, bồi dưỡng lòng cao thượng, phẩm chất cao đẹp. Bao nhiêu người trong chúng ta cứ mong cầu điều này thứ nọ, bận rộn tâm trí. Cầu mong mà không được thì buồn khổ, bức tức; được thì lại cứ mong cầu thêm nữa, và cái cầu được chưa chắc đã là cái tốt.

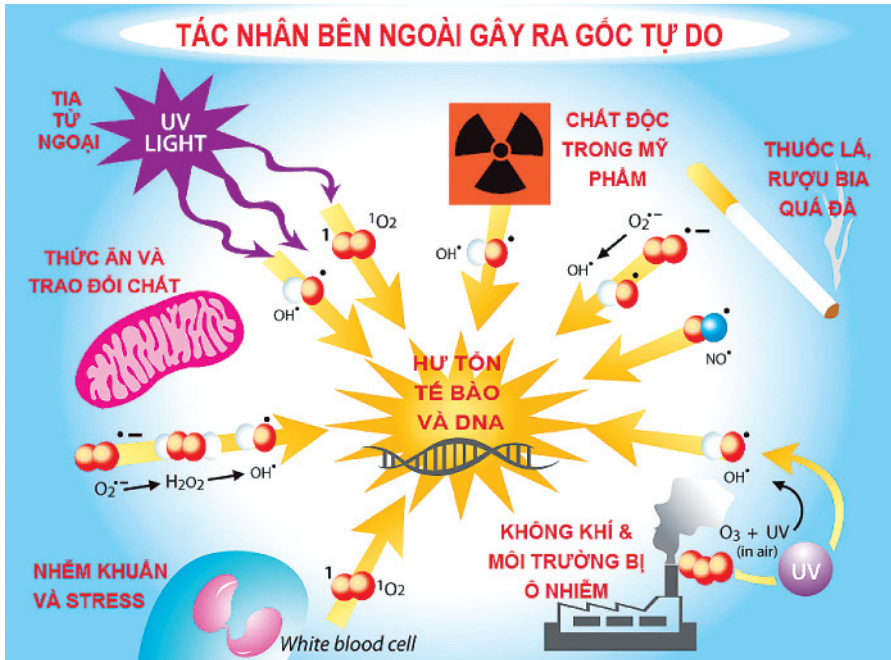
Thiền tông có nét nổi bật là sự thanh thản, vô tư, vô cầu khi nêu cao giáo lý Phật tại tâm, tức tâm tức Phật, không lăng xăng cầu tìm bên ngoài. Hòa thượng Quảng Khâm (1892-1986) nói: “*Sự việc mà đến chỗ vô tâm thì đều an vui, nhàn hạ mà đến chỗ vô cầu thì phẩm giá tự cao*”.

Hòa thượng Tuyên Hóa (1918-1995) còn khuyên nhủ: “*Trong khi tu hành, quý vị không nên có cái tâm mong cầu được thành Phật, Bồ-tát, hoặc chứng quả A-la-hán, hoặc được đại trí tuệ, giác ngộ thành đạo. Đừng mong cầu gì cả. Ngay lúc có tâm niệm mong cầu thì tức là có chướng ngại. Quý vị đang vô sự lại kiếm chuyện cho sanh sự. Khi tu hành thì lo chú trọng dụng công, ngày đêm tinh tấn tu hành, bình dị như ăn cơm, mặc áo, đi ngủ, lòng không ý niệm mong cầu. Phải dụng công như thế, ngày cũng vậy, đêm cũng vậy, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến. Đến khi quý vị tu đến cực điểm, cho dù không muốn giác ngộ, quý vị cũng sẽ được giác ngộ; cho dù không cầu thành Phật, quý vị cũng sẽ thành Phật. Cho dù không muốn làm Bồ-tát, quý vị cũng chứng quả thập địa. Cho nên, có tu có đắc, kết quả tự nhiên sẽ đến, không cần cầu mong*” (www.dharma.site.net).

Những lời dạy trên đây chủ yếu nhằm cho người tu hành kiên trì tinh tấn. Cũng như nhiều kinh điển Phật giáo, lắm khi vẫn cường điệu hoá nội dung trình bày, để gây ấn tượng mạnh cho người nghe, người đọc. Mặt khác, ai cũng hiểu ở đời có những mong cầu thiết thực, cấp bách, chỉ trong một hoàn cảnh, một thời gian không lâu, ví như người lạc ở sa mạc cầu mong có nước uống, có thức ăn; người bệnh mong khỏi bệnh, thậm chí có người tin Phật, mong thành Phật; lắm người lại cầu cho người thân được bình an, thế giới hoà bình, chúng sanh hết khổ... Những cầu mong như thế đối với người thường nhân như chúng ta ắt không phải là những mong cầu vu viễn.

Bàng Ân

NGĂN MẤT NGỦ TỪ GỐC, DỰ PHÒNG SỚM ĐỘT QUỴ



Ảnh minh họa

Không ít người chủ quan với một vài đêm mất ngủ, không có biện pháp khắc phục kịp thời khiến mất ngủ trở thành mãn tính và tăng nguy cơ dẫn đến nhiều bệnh lý nguy hiểm như: trầm cảm, béo phì, đau đầu, tăng huyết áp, đặc biệt là đột quỵ.

Giấc ngủ “trật nhịp” tăng nguy cơ và bệnh mãn tính

Tim đến phòng khám thần kinh với khuôn mặt phờ phạc, một bệnh nhân nữ (38 tuổi, trưởng phòng kinh doanh) chia sẻ: vì phải tập trung “chạy” doanh số 3 tháng đầu năm theo kế hoạch để ra trong khi chưa bổ sung được nhân sự vào các vị trí đang trống khiến chị rất căng thẳng, lo lắng. Từ đó, chị thường rơi vào tình trạng đêm nằm mãi không sao chợp mắt, có khi lại thức giấc nhiều lần trong đêm. Chất lượng giấc ngủ kém còn khiến chị thường xuyên mệt mỏi, đau đầu, chóng mặt...

Rối loạn giấc ngủ, mất ngủ đang hiện diện thường xuyên trong cuộc sống hiện đại. Không chỉ người trung niên, cao tuổi mà ngay cả người trẻ (18 - 30 tuổi) cũng thường xuyên phải đối mặt với tình trạng mất ngủ do tác động của các yếu tố như: căng thẳng tâm lý, áp lực cuộc sống, môi trường tiếng ồn... Các biểu hiện người mất ngủ thường gặp là khó đi vào giấc ngủ; thức giấc nhiều lần trong đêm; thức dậy mỗi mệt, nặng đầu...

Dù chỉ mất ngủ thoáng qua hay mất ngủ mãn tính cũng đều gây tác động tiêu cực không nhỏ đến cuộc sống với hội chứng rối loạn tâm trạng, khó khăn về nhận thức như lo âu, mất hứng thú, khó tập trung xử lý các vấn đề thường ngày.

Đặc biệt, mất ngủ kéo dài là nguy cơ gây ra hàng loạt bệnh lý đe dọa sức khỏe như: béo phì, đau đầu, tăng huyết áp, tiểu đường, trầm cảm, đột quỵ. Mới đây, thông tin được các chuyên gia ở ĐH Y khoa Icahn (Mỹ) công bố, ngủ dưới 5 giờ mỗi đêm làm tăng 83% nguy cơ đột quỵ - tai biến mạch máu não so với ngủ đủ 7 - 8 giờ/ngày.

Nguy cơ này tiếp tục được phân tích rõ hơn trên tạp chí *Stroke* của Hiệp hội Tim mạch Mỹ với luận điểm, chất lượng giấc ngủ kém liên quan đến tình trạng xơ vữa động mạch và thiếu máu não là yếu tố nguy cơ cao khởi phát đột quỵ.

Gốc tự do tích lũy quá mức làm rối loạn giấc ngủ

Mặc dù mất ngủ chịu tác động từ nhiều yếu tố nội, ngoại sinh, nhưng nghiên cứu bằng phương pháp sinh học phân tử, các nhà khoa học chỉ ra, mất ngủ liên quan chặt chẽ đến tình trạng căng thẳng, stress và quá trình trao đổi chất liên tục của cơ thể kích thích sản sinh quá mức các gốc tự do.

Khi gia tăng mất kiểm soát, gốc tự do sẽ tấn công vào tất cả các cơ quan trong cơ thể nhưng tập trung nhiều

nhất tại não. Gốc tự do làm tổn thương nội mạc mạch máu, kích thích hình thành các mảng xơ vữa dẫn đến hẹp lòng động mạch khiến lượng máu nuôi não không đảm bảo, gây thiếu máu não. Tình trạng này làm cho tế bào thần kinh không được cung cấp đủ oxy và dưỡng chất khiến các dẫn truyền thần kinh rối loạn, hoạt động của trung khu điều khiển giấc ngủ tại não sai lệch gây ra tình trạng mất ngủ.

Đối mặt với một vài đêm mất ngủ, nhiều người cố gắng chịu đựng hoặc đối phó bằng thuốc an thần. Tuy nhiên, các cách này không giúp cơ thể tìm lại giấc ngủ sinh lý. Ngược lại, còn phá vỡ chu kỳ thức - ngủ tự nhiên, khiến mất ngủ cấp tăng nặng, trở thành mãn tính.

Giải pháp giúp phục hồi giấc ngủ tự nhiên

Để có giấc ngủ ngon, đúng sinh lý và phòng tránh nguy cơ đột quỵ từ mất ngủ, cần có giải pháp cải thiện mất ngủ từ gốc bằng cách kiểm soát, “dọn dẹp” gốc tự do và chăm sóc não bộ.

Gần đây các nhà khoa học Mỹ đã tìm thấy hai hoạt chất sinh học thiên nhiên quý **Anthocyanin** và **Pterostilbene** trong **Blueberry** (sinh trưởng ở Bắc Mỹ) được chứng minh có tác dụng ưu việt chống gốc tự do. Bằng công nghệ chiết xuất hiện đại, hai hoạt chất này có khả năng vượt qua hàng rào máu não, trung hòa các gốc tự do trong lòng mạch máu; ngăn chặn và làm chậm sự hình thành mảng xơ vữa, huyết khối; giúp tăng cường vận chuyển oxy và dưỡng chất lên não giúp cơ thể dễ đi vào giấc ngủ, ngủ không gián đoạn.

Đồng thời hai hoạt chất trong **Blueberry** còn kích thích các men chống gốc tự do tự nhiên của cơ thể, khôi phục chức năng truyền dẫn thần kinh và hoạt động của trung khu thần kinh điều khiển giấc ngủ tự nhiên. Từ đó nâng cao chất lượng giấc ngủ.

Bên cạnh đó, cũng cần loại bỏ những yếu tố bất lợi cho giấc ngủ: gạt bỏ những căng thẳng, áp lực trong cuộc sống; không uống cà-phê, rượu bia vào buổi tối; không đọc sách, xem ti-vi trên giường; duy trì chế độ dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động như bơi, cầu lông, yoga... rất có ích cho giấc ngủ.

Phục hồi, duy trì chất lượng chất ngủ tốt giúp các hoạt động chức năng của não bộ nhạy bén, giải tỏa căng thẳng, dự phòng đột quỵ và các nguy cơ tổn thương não.

Chuyên gia NGUYỄN VĂN LIỆU
(Nguồn: Báo Công An TP.HCM)



Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 13 13 13 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com

Hoa tươi hương sắc
Vui xuân an lạc

15
YEARS OF QUALITY
SINCE 1992

100% VEGAN
SAFE LIVING

CCI
QUALITY
SAFETY

GTA
GLOBAL

Nước Cẩm Hoa
ASA

Tiết kiệm 50% chi
phí mùa hoa do thời
gian hoa tươi lâu
gấp 2 lần.



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

www.facebook.com/ASAhoamypham



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

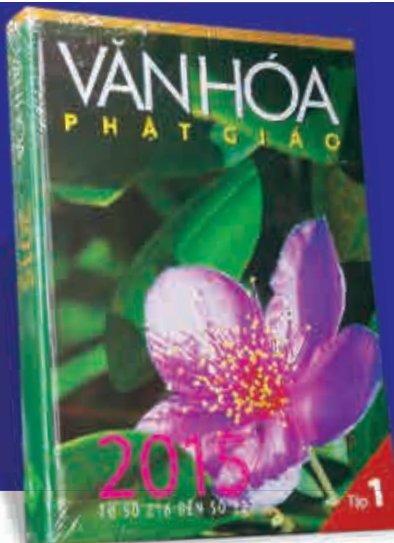
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhân đãi tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com



Đang phát hành

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Đóng bộ **Tập 1 năm 2015**

từ số 216 đến số 227

Giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ: Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

THAI BABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

www.thaibabooks.com

*"Chúc mừng năm mới
xuân Bình Thân
2016"*



Hà Nội:
119C5 Tô Hiệu, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Tp.HCM:
- 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
- Nhà sách Thái Hà - Đường sách Nguyễn Văn Bình, Q.1, Tp.HCM

pháp uyển
DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX - TM **QUANG NGHỆ**
QUANG NGHỆ CO., LTD.
HẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành

Việt An Restaurant **Chay**
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ẩm cúng, thanh nhả và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gap anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Nét đẹp của NHÀ GỐM NHẬT

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG

Ngày xuân, đến chúc Tết gia đình anh Đồng - chị Trúc Giang, tôi thật bất ngờ khi thấy Nhà gốm Nhật đã hoạt động. Được biết ngày mồng một Tết, có khách thân thiết cần mua gốm sứ Nhật, nhân đó anh chị khai trương luôn.

Chị Trúc Giang cho biết: Từ ngày dời về địa điểm mới: **4 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.Bình Thạnh - ĐT: 0908 62 0908** nhà hàng phát triển thuận lợi. Ngoài mặt hàng chủ lực là gốm sứ Nhật, nhà hàng còn kinh doanh thêm các mặt hàng như: Các loại nhang trầm Nhật, đá cảnh nghệ thuật, Bonsai, trà thuần Việt...

Sự thuận lợi của *Nhà gốm Nhật* là được mở cửa liên tục từ sáng đến 22 giờ. Tuy nhiên, nếu khách có nhu cầu đột xuất vẫn được phục vụ...



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trầm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.156
411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3
Siêu thị Sutra ☎ 0903.806.156
C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8
Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông

ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm -
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội
ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
Nhà Gốm Pure Minimal ☎ 0913.56.47.22
55 1 - Ngách 4/21 Ngõ Phường Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội
Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966
41 Ngõ Thanh Miên - Văn Miếu - Hà Nội

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

Số 246

Phát hành ngày 1 - 4 - 2016

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH: HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P. Kiến Hưng, Q. Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quầy báo
110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Kim Khánh)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiện
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG